



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vinh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Hồ Bích Hợp**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **TÌNH THỨC VỀ HOA, NỤ CƯỜI** (thơ Thăng Hoan), trang 8
- ♦ **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH, t.t.** (HT. Thăng Hoan), trang 9
- ♦ **TRẠO NẶNG THẮNG MUỘI, NIỆM KHÚC CẢNH ĐÔNG** (thơ Tịnh Bình), trang 12
- ♦ **MỘT ĐÀO TRÀNG BỔ TÁT ĐẶC BIỆT** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 13
- ♦ **THẦY (7)** (thơ Đồng Thiện) tr. 15
- ♦ **TỬ BI VÀ TỈNH KHÔNG TRONG KINH ĐẠI BÁT NHÃ** (Nguyễn Thế Đăng), trang 16
- ♦ **MƯA TRÊN MÁI CHÙA** (thơ Hoang Phong), trang 19
- ♦ **KHÔNG CÓ GÌ BỀN CHẮC** (Quảng Tánh), trang 20
- ♦ **MỘT NÉN HƯƠNG LÒNG** (thơ Tâm Thường Định và Nguyệt Giác Nghiêm), trang 21
- ♦ **CHUYỆN VUI CỬA THIÊN** (Thích Nguyên Hải), trang 22
- ♦ **MÙA NGUYÊN TRĂNG, NHƯ MỘT MƯA THU** (thơ Mặc Phương Tử), trang 24
- ♦ **TỤC SỐ TẶNG TRONG TRUYỀN GIỚI CỤ TỤC...** (Chơn Trí), tr. 25
- ♦ **BỘN MẶT BUỒN, NGÀY SINH TRĂNG...** (thơ Trần Hoàng Vy), trang 27
- ♦ **BÁT CHẠNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHÓ, t.t.** (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 28
- ♦ **HƯƠNG KINH ĐÊM, ÁNH TRĂNG THU BUỒN** (thơ Nhật Quang), trang 30
- ♦ **PHÁP ĐANG Ở...** (Thích Thanh Thắng), trang 31
- ♦ **TỬ KHÚC LỤC BÁT "MÁI CHÈO"** (thơ Tâm Không Vinh Hữ), trang 32
- ♦ **CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG CHẾ ĐỘ NGŨ ĐỈNH DIỆM, VNPG Sĩ Luận, t.t.** (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **TÓÁN HỌC CỦA NGƯỜI HUYNH TRƯỞNG – Câu chuyện cuối tuần** (Nhóm Áo Lam), trang 38
- ♦ **YÊU THƯƠNG TẠO NÊN SỨC MẠNH** (Trang Duyên Nguyễn Thị Huyền Trang), trang 39
- ♦ **NGƯỜI LÁI ĐÒ TRÊN SÔNG NHỊ** (Huê Trân), trang 40
- ♦ **CÀM TẠ** (thơ Thy An), trang 41
- ♦ **TRUYỀN CỤC NGẮN** (Hoàng Long), trang 47
- ♦ **THƠ GỬI BẠN QUÊ NHÀ MÙA DỊCH** (thơ Xuyên Trà), trang 49
- ♦ **PHÁP TU TỬ VÔ LƯỢNG TÂM** (Thích Nữ Hằng Như), trang 50
- ♦ **TRỞ VỀ NHÀ XƯA** (thơ Diệu Viên), trang 54
- ♦ **CƠ THỂ BỊ TẤN CÔNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 55
- ♦ **CƠN MƠ CUÔNG VỌNG** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 56
- ♦ **CÁNH RAU MUỐNG RIÊU CHAY** (G. Phương), trang 57
- ♦ **CÙNG PHAI TỬ THEO NGÀI THẦN TỬ** (Đào Văn Bình), tr. 58
- ♦ **CHẠY TRÒN** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 61
- ♦ **BIẾN PHIÊN NẢO THÀNH BỒ ĐỀ** (TL Đào Mạnh Xuân), trang 62
- ♦ **TRUYỀN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 65
- ♦ **CHA BỆNH** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 67
- ♦ **STORY OF THE ELEPHANT CALLED PAVEYYAKA** (Daw Tin), trang 70
- ♦ **LÒNG ÍCH KỶ QUÁ ĐỘ** (Truyện cổ Phật Giáo), trang 71
- ♦ **BẢN BÁO CẠO THU CHI CỦA TỔNG VỤ TỬ THIỆN XÃ HỘI**, trang 72
- ♦ **TỰ TÂM TỬ, GIÁC NGŨ BÌNH YÊN...** (thơ Thục Uyên), trang 75
- ♦ **NGŨ THOÁT – chương 9, t.t.** (truyện dài Vinh Hào), trang 81



Báo Chánh Pháp số 120, tháng 11.2021, do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

ĐƯỜNG MÂY BAY

Mây qua trời. Có khi trắng, có khi đen. Có khi tụ, có khi tán. Ngưng tụ mà thực ra là chuyển động liên tục; tán thất mà thực không mất đi đâu. Vận hành tự tại, biến hóa vô số hình thù, rồi tan biến, rồi kết tụ trong một hình thể khác, hiện hữu nơi một không gian khác. Đến-đi cùng khắp, đông tây, nam bắc, phương trên hay phương dưới, không nơi nào mà không có mặt. Từ vô cùng quá khứ đến hiện tại và vô tận tương lai, trông như giống mà thực không giống, trông như cũ mà thực không cũ. Luôn mới mẻ tinh khôi trong từng giây phút. Đêm lẫn ngày, vẫn thường sinh-diệt, chuyển biến không ngừng. Tùy duyên ứng hiện, nơi đâu rồi cũng thuận hợp, chan hòa.

Rồi một sớm mai ngược nhìn lên cao, thử tìm dấu vết của cụm mây đi ngang vắng trắng sáng đêm qua: không gì để lại trên vòm trời mênh mông.

Bồ-tát đi vào cõi đời sinh-diệt này như mây ngang trời. Mây nhẹ, mây nặng, mây trắng, mây đen là tùy nơi nhân duyên, thời tiết. Còn trời thì còn mây, hết trời thì hết mây. Chúng sinh còn thì bồ-tát còn, chúng sinh hết thì bồ-tát mới hết. Sự sinh-diệt của bồ-tát là để phổ hiện tính chất ảo hóa của tự thân trên cái nền vĩnh cửu bất động của hư không giới.

Không gì cố định trong cuộc thế vô thường, nên sự hiện hữu của bồ-tát cũng bất định: có khi lâu dài, có khi ngắn ngủi, có khi bao la như biển cả, có khi nhỏ bé như hạt sương. Nhưng chí nguyện thì thiết tha, kiên cố, liên tục không gián đoạn, trải dài vô cùng thời gian, trùm khắp vô tận không gian. Do chí nguyện thâm thiết và bền bỉ ấy, bồ-tát thành tựu thọ mạng vô tận theo cái vô tận của chúng sinh giới. Thế giới chúng sinh vô cùng thì chí nguyện bồ-tát cũng vô cùng. Chí nguyện vô cùng nên sinh mệnh của bồ-tát cũng vô hạn lượng.

Hành giả theo Phật nếu từ lúc ban sơ chưa từng lập nguyện thì nay hãy dốc cả sinh mệnh, thế nguyện hy sinh và phụng-hành Chánh pháp; nếu đã lập nguyện mà để cho nguyện ấy mờ phai theo năm tháng thì nay hãy khẩn thiết tái lập hạnh nguyện lợi ích chúng sinh. Thọ mạng của Chánh pháp không nằm ở nơi tự viện nguy nga bền chắc, cũng không nằm nơi tàng kinh các đồ sộ chứa đầy kinh điển ngay hàng thẳng lối – mà ở nơi tâm bồ-đề rộng lớn, trực nhận nỗi thống khổ vô cùng của chúng sinh, thiết tha dẫn mình hóa độ.

Xun xoe chạy theo những danh vị hào nhoáng, kết bè lập nhóm với những người bất hảo vô luân, thì ngày qua tháng lại tập nhiễm thói đời, hưởng thụ dục lạc, vui thú lợi danh; còn đâu tâm chí để hoằng dương con đường cao rộng của Phật-đà!

Ở trong giai đoạn mà sinh hoạt của con người và xã hội bị phủ lấp bởi sự ngoa ngụy, dối trá, xu nịnh thế quyền, ca tụng những điều bất nhân... xem như là những biểu hiện bình thường, thì hành giả theo Phật càng phải quyết tâm gương cao ngọn cờ Chánh pháp: thấy biết như thật, nói năng như thật, và sống ngay thật để hóa giải những chấp tranh, mâu thuẫn xã hội (*). Không như thế thì thời kỳ mạt pháp ứng hiện ở ngay nơi tự thân.

Hôm nay trời mưa lâm râm suốt từ sáng sớm; đến chiều mới ngưng. Mưa như tịnh thủy tẩy sạch bụi bặm trên những cành cây ngọn lá; lênh láng ngập tràn hai bên đường dẫn ngang xóm nhỏ ngoại ô. Cảm nhận hóa thân của mây trời nơi những

giọt mưa còn đọng trên cánh hoa; và trong chung trà ấm tay buổi chiều thu. Cảm niệm một bậc chân sư từ chốn xa mờ, như áng mây, như cánh hạc bay qua sông dài, mắt hút cuối trời tây. Không dấu vết.

(*) Ý tưởng này được ghi nhận và triển khai sau khi đọc một đoạn trong Thăng Man Giảng Luận: "Sự nhiếp thọ Chánh pháp của Thăng Man phu nhân là sự hộ trì chánh pháp trong thời đại mà Chánh pháp được công bố của đức Thích Tôn gần đi đến chỗ biến mất. Thực trạng của sự biến mất đó được mô tả rõ: lúc bấy giờ các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nghĩa là tất cả bốn chúng đệ tử của Phật, không tha thiết gì đến những sự kiện học hỏi và hành trì Phật pháp, mà chỉ bận tâm đến những tranh chấp, phe nhóm, bè đảng. Chính trong bối cảnh ấy, trách nhiệm nhiếp thọ Chánh pháp phải là sự nêu cao đức tính không gian xảo. Đức tính này được đề cao ở đây quả thực có một ý nghĩa quan trọng mà chúng ta không thể lơ đãng để lướt qua. Đó là sự tiên đoán gián tiếp rằng Phật pháp sẽ không được tôn sùng trong thời đại mà tính gian xảo như là bản chất chủ động của con người được bộc lộ phổ biến, cho đến đệ tử Phật cũng không ngoài công ước chung của thời đại. Lấy tính gian xảo làm bản chất chủ động để điều hành những mâu thuẫn xã hội, thì thực trạng của thời đại đương nhiên là đấu tranh thù nghịch, chia rẽ phe nhóm. Giữa những làn sóng đục thò bạo đó, trách nhiệm hộ trì chánh pháp là phải củng cố cộng đồng Chánh pháp, lấy trực tâm, lấy đức tính không gian xảo, đức tính nhiệt thành với chánh pháp làm nền tảng." (Tuệ Sỹ, Thăng Man Giảng Luận, Chương V: Bồ Tát Hành, trang 81 – Hương Tích, 2018)



Bessi (Pixabay.com)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

HÀN QUỐC: Văn bản Phật giáo đầu tiên viết bằng chữ Hangeul được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc

Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc sẽ trưng bày các bản thảo gốc của văn bản Phật giáo đầu tiên được viết bằng bảng chữ cái Hàn ngữ Hangeul.

Đây là bản thảo "Seokbosangjeol"(tiểu sử của Hàn Quốc về đức Phật Cổ Đàm), được viết vào những năm 1400 dưới thời trị vì của Vua Sejong của triều đại Joseon.

Một phần của bộ sưu tập này là tập 20 và 21, do cố Chủ tịch Tập đoàn Samsung, Lee Kun-hee tặng, sẽ được công bố lần đầu tiên vào ngày 30-9 phù hợp với Ngày chữ Hàn (Hangeul) vào ngày 9-10-2021.

Chúng khác với tập 11 đã được trưng bày là phiên bản in khắc gỗ.

Tổng cộng có 24 tập được cho là đã được xuất bản.

Hoàng tử Suyang, con trai của Vua Sejong, đã giao các bản thảo sau cái chết của mẹ ông, Hoàng hậu Soheon.

Bảo tàng cũng sẽ trưng bày 152 chữ in kim loại được cho là có từ thế kỷ 15.

(NewsNow - October 1, 2021)



*Văn bản Phật giáo đầu tiên được viết bằng chữ Hangeul được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc (Các trang của tập 20 và 21)
Photo: The Korea Times*

THÁI LAN: Những lời cầu nguyện trở thành hiện thực tại chợ bùa Phật giáo ở Pattaya

Vào ngày 1-10-2021, Chợ Pha Lek ở Soi 99 Naklua đã hoạt động trở lại sau khi chính phủ nới lỏng việc đóng cửa.

Những lời cầu nguyện đã trở thành hiện thực đối với những người buôn bán tại các chợ bùa Phật ở Pattaya, với việc khách hàng quay trở lại ngày một đông sau đợt nới lỏng hạn chế coronavirus mới nhất.

Chợ Pha Lek Soi 99 Naklua nhận nhiệm vụ 6 giờ sáng vào ngày mở cửa trở lại (1-10), với hàng trăm nghìn baht được đổi chủ trước khi đóng cửa vào buổi trưa.

Quản lý chợ cho biết nhiều sạp lớn đã bán hết hàng từ sớm, chủ yếu do người ở tỉnh khác mua để bán lại.

Các quầy hàng ở Chợ Pha Lek Soi 99 hầu hết bán các loại bùa hộ mệnh Phật thời thượng và nổi tiếng của địa phương.

Những người sưu tập bùa Phật từ các tỉnh lân cận đến tìm mua các loại bùa Phật nổi tiếng ở địa phương để bán trong tỉnh của họ.

(Pattaya Mail -October 3, 2021)



Các chợ bùa Phật ở Pattaya, Thái Lan—Photos: Pattaya Mail

HÀN QUỐC: Bắt đầu cuộc Hành hương Phật giáo dài 423 km

SUNCHEON, Hàn Quốc - Ngày 1-10-2021, một cuộc hành hương Phật giáo dành cho niềm hy vọng và sự an ủi trong thời đại đại dịch đã bắt đầu với những người tham gia dẫn bước vào một cuộc hành trình xuyên quốc gia.

Các nhà sư thuộc tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc và 94 tín đồ Phật giáo đã bắt đầu chuyến hành hương kéo dài 19 ngày từ chùa Songgwang ở Suncheon, cách Seoul 415 km về phía nam.

Những người hành hương sẽ đi 423 km từ chùa Songgwang đến chùa Tongdo ở Yangsan, tỉnh Gyeongsang Nam trong 19 ngày, thăm 9 đền chùa ở 5 thành phố và 12 quận huyện.

Những người hành hương này sẽ tổ chức lễ bái trước 16 bảo vật quốc gia và 98 di sản văn hóa.

(Korea Bizwire - October 4, 2021)



*Các nhà sư Tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc và tín đồ Phật giáo trong cuộc hành hương dài 423 km
Photos: Yonhap*



HÀN QUỐC: Kinh điển Phật giáo cổ đại được phơi gió lần đầu tiên sau 123 năm

Hôm thứ Năm 7-10-2021, các nhà sư tại chùa Haein ở Hapcheon, tỉnh Gyeongsang Nam đã phơi 1,270 bản văn của Tam Tạng kinh điển Ko-reana dưới ánh nắng mặt trời lần đầu tiên trong hơn một thế kỷ qua.

Quy trình này bảo đảm rằng những cuốn kinh sách - vốn được in trên giấy bằng bộ sưu tập mộc bản đục đẽo của chùa này - không bị ẩm mốc hoặc bạc màu sau đợt gió mùa mùa hè. Các ghi chép lịch sử cho thấy những cuốn sách được phơi khô dưới ánh sáng mặt trời 3 năm một lần.

Ngôi đền đã phơi một số văn bản vào năm 2017, nhưng đây là lần đầu tiên sau 123 năm, tất cả kinh sách này được phơi gió.

Đây là bộ sưu tập bao gồm văn bản Phật giáo cốt lõi của Tam Tạng kinh, cũng như vô số lời bình và các tài liệu khác từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 14.

(chosun.com - October 8, 2021)



Hơn 100 nhà sư và Phật tử phơi các bản Cao Ly Tam Tạng kinh cổ xưa tại chùa Haein ở Hapcheon, tỉnh Gyeongsang Nam (Hàn Quốc) - Photos: Yonhap & chosun.com

THÁI LAN: Đền chùa ngập nước khi lũ lụt ập vào thành phố lịch sử của Thái Lan

Một số ngôi chùa ở thành phố lịch sử Ayutthaya của Thái Lan đã chìm trong nước

vào hôm thứ Tư 6-10, khi mưa lớn gió mùa làm ngập lụt các tỉnh trên khắp đất nước.

Chính quyền thành phố cho biết hơn 40 ngôi đền ở Ayutthaya - nơi có những ngôi đền, phế tích và di tích Phật giáo cổ - đã bị ảnh hưởng bởi lũ lụt.

Tại một trong những ngôi đền chùa này, Wat Satue, các nhà sư chèo những chiếc thuyền nhỏ qua vùng nước ngập từ đùi đến cổ. "Đây là trận lụt tồi tệ nhất trong 10 năm", sư trụ trì Phra Kru Pariyat Yathikhun nói với Reuters qua điện thoại, và cho biết thêm rằng các cộng đồng xung quanh cũng bị ngập lụt.

Các nhà chức trách đã ban hành cảnh báo lũ lụt trên khắp đất nước trong hai tuần qua vì cơn bão nhiệt đới Dianmu gây ra lũ quét ở 32 trong số 76 tỉnh của Thái Lan, giết chết 9 người và ảnh hưởng đến gần 300,000 hộ gia đình.

(Big News Network - October 8, 2021)



Một pho tượng Phật nằm tại một ngôi chùa ở Ayutthaya, Thái Lan, trong trận lụt ngày 6-10-2021



Các nhà sư Phật giáo đi trao hàng cứu trợ bằng thuyền tại một ngôi chùa ở Ayutthaya trong một khu vực bị lũ lụt vào ngày 6 -10-2021 Photos: Reuters

NEPAL: Bangladesh xây dựng Tu viện Phật giáo ở Lâm Tì Ni của Nepal

Chính phủ Bangladesh đã ký một thỏa thuận với Tổ chức Tín thác Phát triển Lâm Tì Ni để xây dựng một tu viện Phật giáo ở Lâm Tì Ni, Nepal.

Thỏa thuận đã được ký kết bởi Đại sứ Bangladesh Salahuddin Noman Chowdhury và Phó Chủ tịch Tổ chức Tín thác Phát triển Lâm Tì Ni, Đại đức Metteyya Sakyaputta - thay mặt cho các bên của họ ký kết tại một buổi lễ được tổ chức tại trụ sở của Tổ chức Tín thác Phát triển Lâm Tì Ni vào chiều thứ Sáu, 8-10-2021.

Theo thỏa thuận, Bangladesh sẽ xây dựng một tu viện trên lô đất do Tổ chức Tín thác Phát triển Lâm Tì Ni giao cho mục đích này.

Ông Saroj Bhattarai, Trưởng dự án của Tổ chức Tín thác Phát triển Lâm Tì Ni, và Md Alamgir Islam Khan, Bí thư thứ nhất từ Đại sứ quán Bangladesh, đã có mặt tại lễ ký kết nói trên.

(tbsnews.net - October 10, 2021)



Đền chùa tại Nepal Photo: tbsnews.net

PAKISTAN: Phái đoàn Phật giáo Pakistan thăm Bảo tàng Di sản

ISLAMABAD, Pakistan - Ngày 10-10-2021, một phái đoàn Phật tử Pakistan đã đến thăm Bảo tàng Di sản Quốc gia tại Lok Virsa.

Các quan chức của Bảo tàng Di sản Lok Virsa đã nhiệt liệt chào đón đoàn.

Đoàn Phật tử đã được giới thiệu tóm tắt về các trưng bày tại Bảo tàng và phòng trưng bày các bức tượng Phật giáo, đồ cổ và đồ tạo tác.

Giám đốc Điều hành Lok Virsa Talha Ali cho biết chuyến thăm của các chức sắc đến Bảo tàng Di sản nhằm làm nổi bật tầm quan trọng của di sản văn hóa liên quan đến Phật giáo.

Ông cho biết Lok Virsa đã thực hiện một số bước để thu hút khách du lịch, học giả và nhà nghiên cứu đến với Bảo tàng Di sản.

Đoàn cũng đã tham quan các góc văn hóa của Bảo tàng và cảm ơn sự đón tiếp nồng hậu và tạo điều kiện thuận lợi của Lok Virsa.

(APP – October 11, 2021)



Triển lãm Phật giáo gần lối vào của Bảo tàng Lok Virsa ở Islamabad, Pakistan

Photo: Christopher Finnigan

ẤN ĐỘ: Bảo tàng Quốc gia được thay đổi với 3 phòng trưng bày mới về nghệ thuật Phật giáo

Một không gian rộng 10,000 feet vuông trên 3 hội trường tại Bảo tàng Quốc gia đã được dành để trưng bày các cổ vật Trung Á vô giá - là một phần của kho lưu trữ của bảo tàng trong một thập kỷ, nhưng chưa bao giờ thực sự có được sự chú ý của mọi người. "Với điều này, nó trở thành bảo tàng thứ tư trên thế giới trưng bày bộ sưu tập như vậy, sau các bảo tàng ở Anh, Đức và Nga," Subrata Nath, Tổng Giám đốc Bổ sung của bảo tàng cho biết.

Từ 12,000 tác phẩm có niên đại từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 12, có tới 170 kiệt tác đã được lựa chọn cẩn

thận để trưng bày.

Cùng với nhau, 3 phòng trưng bày mới này nhằm mục đích thiết lập các chứng thư của Ấn Độ như là nơi khai sinh ra Phật giáo, từ đó Phật giáo về sau lan rộng ra các quốc gia khác, bao gồm cả Trung Hoa.

Toàn bộ dự án chỉnh trang này là nhằm hướng tới cuộc họp G20 dự kiến diễn ra vào năm 2023, khi nhiều nguyên thủ quốc gia và chính phủ, cùng các chức sắc khác sẽ đến thăm Thủ đô New Delhi. Mục đích là biến bảo tàng thành nơi trưng bày văn hóa của đất nước và giới thiệu di sản Phật giáo của Ấn Độ cho những người không biết về nó.



Phòng thí nghiệm bảo tồn của Bảo tàng Quốc gia Ấn Độ đã được nâng cấp

Tòa nhà bảo tàng đã mất 18 tháng để hiệu chỉnh lại và giám định các phòng trưng bày Phật giáo này, với chi phí ước tính khoảng 70 triệu Rupees.

(indianexpress.com - October 12, 2021)



Phòng trưng bày mới của bảo tàng về cổ vật ở Trung Á—Photos: Divya A

MÃ LAI: Khu đền thờ Phật giáo ở Penang bị cháy vào sáng sớm

GEORGE TOWN, Mã Lai - Một đám cháy đã bùng phát vào rạng sáng 12-10-2021 tại khu phức hợp đền thờ trên đồi Kek Lok Si ở Air Itam.

"Khi lính cứu hỏa đến, ngọn lửa đã nhấn chìm một trong những ngôi đền trên đồi. Họ mất khoảng một giờ đồng hồ để khống chế ngọn lửa.

Ngọn lửa được dập tắt hoàn toàn vào khoảng 6h sáng. Hơn 70% của ngôi đền 18.5m2 đã bị hư hại. Không có người thiệt mạng và không ai bị thương", Muhamad Norhisham, quan chức hoạt động của Sở Cứu hỏa và Cứu hộ Penang cho biết, đồng thời ông cho biết thêm rằng nguyên nhân vụ cháy vẫn đang được điều tra.

Đền thờ Phật giáo lớn nhất Malaysia này là một địa điểm hành hương quan trọng và là điểm thu hút khách du lịch.

Được xây dựng từ năm 1890 đến năm 1930, nơi đây nổi tiếng với Chùa Rama VI (Chùa Vạn Phật) bảy tầng và tượng Đại Từ Bi Bồ Tát Quán Thế Âm bằng đồng cao 36.57m.

(NewsNow - October 16, 2021)



Khu phức hợp đền thờ trên đồi Kek Lok Si ở Air Itam, Mã Lai—Photo: NewsNow

Khu phức hợp đền thờ trên đồi Kek Lok Si ở Air Itam, Mã Lai—Photo: NewsNow

ẤN ĐỘ : Tàu hỏa Mạng mạch Phật giáo chiếm được cảm tình của du khách và hành khách

Chuyến tàu Mạng mạch Phật giáo của Tổng công ty Du lịch và Dịch vụ Đường sắt Ấn Độ (IRCTC) mới ra mắt gần đây đang chiếm được cảm tình của những hành khách kiêm khách du lịch đã lên tàu trong vài ngày qua.

Chuyến Tàu hỏa Mạng mạch Phật giáo nói trên được đưa vào hoạt động gần đây, đi qua nhiều địa điểm hành hương khác nhau của Phật giáo và đưa một đỉnh cao đến những nơi như Sarnath, Gaya, Kushinagar và Rajgir, nơi Đức Phật đã trải qua một phần lớn cuộc đời của mình. Các địa điểm này vốn thu hút hàng ngàn du khách Phật giáo và không theo đạo Phật hàng năm, đặc biệt là từ miền Đông Nam, nay đã được kết nối thông qua một chuyến tàu đặc biệt.

Đài DD News (Ấn Độ) trong một chương trình truyền hình đặc biệt đã đưa tin và đưa ra một cái nhìn thoáng qua về Chuyến tàu Mạng mạch Phật giáo mới ra mắt này : Nội thất sang trọng và ấm cúng của tàu cùng với các dịch vụ vô cùng chuyên nghiệp của nhân viên trên tàu mang đến cảm giác không kém gì một khách sạn năm sao. Khu vực ăn uống của tàu được thiết kế theo kiểu toa đặc biệt, được trang trí bởi các bức tranh Phật giáo và các tác phẩm nghệ thuật khác. Từ ánh sáng trong xe lửa đến màu sơn

của tường, mọi thứ dường như được thiết kế để kết hợp nhuần nhuyễn với nghệ thuật và văn hóa Phật giáo. (newsnow.co.uk - October 16, 2021)

CAM BỐT: Ấn Độ cam kết hỗ trợ trung tâm Công nghệ Thông tin tại Đại học Phật giáo Cam Bốt

Chính phủ Ấn Độ sẽ cung cấp tài liệu nghiên cứu và các khóa đào tạo cho Đại học Phật giáo Cam Bốt Preah Sihanouk Raja ở Phnom Penh để thành lập một trung tâm công nghệ thông tin ở đó.

Sự hỗ trợ này đã được cam kết vào ngày 4-10 thông qua một biên bản ghi nhớ (MoU) do phó hiệu trưởng Khy Sovanratana và đại sứ Ấn Độ tại Cam Bốt Devyani Khobragade ký.

Trung tâm sẽ cung cấp các khóa đào tạo Công nghệ Thông tin cho sinh viên tại Đại học Phật giáo Cam Bốt Preah Sihanouk Raja.

Trong một tuyên bố báo chí vào ngày 5-10, đại sứ quán Ấn Độ cho biết sáng kiến này là một phần của Dự án Tác động Nhanh (QIP) của chính phủ Ấn Độ trong khuôn khổ Hợp tác Mekong-Ganga (MGC).

QIP của Ấn Độ hỗ trợ 10 dự án ở Cam Bốt, với số vốn tài trợ 500,000 USD mỗi năm.

(NewsNow - October 15, 2021)



Biên bản ghi nhớ (MoU) do Phó Hiệu trưởng Khy Sovanratana của Đại học Phật giáo Cam Bốt Preah Sihanouk Raja và nữ Đại sứ Ấn Độ tại Cam Bốt Devyani Khobragade ký vào ngày 4-10-2021—Photo: NewsNow

ẤN ĐỘ: 200 gia đình từ khắp bang Gujarat cải đạo sang Phật giáo

Khoảng 200 gia đình Dalit (tiện dân) từ các thành phố khác nhau của Gujarat đã quy ngưỡng đạo Phật tại khu vực Thành phố Cổ của Ahmedabad vào sáng 15-10, nhân dịp lễ hội Ashok Vijayadashmi.

Vào ngày 14-10-1956, Tiến sĩ B R Ambedkar đã quy ngưỡng Phật giáo với 365,000 tín đồ của ông tại một buổi lễ ở Nagpur. Kể từ ngày đó, có một truyền thống trong đó người Dalit và các thành viên của các gia đình kém may mắn khác cải đạo sang Phật giáo vào ngày Vijayadashmi.

Vào sáng 15-10, Học viện Phật giáo Gujarat đã tổ chức Đạo tràng Phật pháp Deeksha Samaroh, trong đó có tổng cộng 312 nam, nữ và trẻ em từ 200 gia đình đã được cải đạo Phật trong một sự kiện tại Công viên Dr BR Ambedkar ở Majur Gam.

(The Indian Express - October 16, 2021)



*Hình ảnh những người Dalit đã quy ngưỡng Phật giáo trước đây
Photo: Google*



Chuyến tàu Mạng mạch Phật giáo của Tổng công ty Du lịch và Dịch vụ Đường sắt Ấn Độ (IRCTC) Photos: FE Online

TÌNH THỨC VỀ HOA

*Hương sắc thắm nương đoá hoa thể hiện
Bao cảnh hoa nhờ hương sắc khoe tươi
Theo thời gian hoa tàn úa rã rời
Nguồn hương sắc đầy vơi không hệ phục
Bằng vọng thức thấy hoa rơi luyến tiếc
Khóc vì hoa và sống chết theo hoa
Tình thức nhìn chung cuộc đày chỉ là
Sự chuyển hoá của nhân duyên biến hoá
Dòng tâm thức mang sắc hương ngát tỏa
Sức sống còn nuôi những đoá hoa sau
Ngào ngạt hương lan khắp cả trời cao
Tô điểm sắc với ngàn sao khởi sắc
Tạo vũ trụ thành bài thơ tuyệt tác
Phổ thiên ca hoà tấu khúc tình ca.*

NỤ CƯỜI

*Nụ cười mở cửa tâm linh
Cho duyên kết hợp cho tình nở hoa
Hận thù buông bỏ ngàn xa
Nổi vòng tay lớn chan hòa thân thương
Phải đâu bao nỗi đoạn trường
Cười môi héo hắt vẫn vương lụy phiền
Phải đâu nước đổ thành nghiêng
Tây Thi cười hận đảo điên thói đời
Cười như biệt tích muôn nơi
Giờ đây tao ngộ nguồn vui rạt rào.
Kìa xem Phật Tổ nhiệm màu
Nụ cười thanh thoát sạch lâu trần ai
Thanh bình hương tỏa từ bi
Nụ cười an lạc lối đi nhạc vàng
Còn đâu duyên kiếp bể bàng
Thiên Thai mở lối huy hoàng bước lên
Sáng soi sẵn có trăng lành
Đài sen sẵn có cung đình đợi trông
Người ơi xin chớ ngại ngừng
Nụ cười trao tặng gởi lòng nhau đây.*



thơ THẮNG HOAN

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

*6- Cộng Tướng Không Điên Đảo:

Bài Tụng:

**"Do lìa chân pháp giới, không riêng
có một pháp, vì thông đạt thứ đây, nơi
cộng tướng không điên đảo."**

Giải Nghĩa:

Trong đây chỗ nói cộng tướng cũng không phải là cộng tướng bình thường chỗ đề cập đến, mà chính là cộng tướng thắng nghĩa của lý ngôn. Cộng tướng thắng nghĩa đây, có chỗ gọi là Nhất Chân Pháp Giới, có chỗ gọi là Nhị Không Chân Như, có chỗ gọi là Nhị Vô Ngã Tánh. Không luận là pháp gì đều không lìa khỏi tánh không này để riêng có tự thể bên ngoài, không luận nhiễm tịnh, không luận sắc tâm, v.v... ngoài ra đều không lìa khỏi pháp giới này, cho nên Chân Như Pháp Giới là cộng tướng của tất cả pháp chân chánh. Mặc dù thường nói cộng tướng của sanh diệt là pháp, mà chỉ quan hệ nơi hữu vi, còn cộng tướng thắng nghĩa thường trụ, v.v... thì lại chỉ quan hệ nơi vô vi, cho nên trừ cộng tướng thắng nghĩa đây không có cộng tướng của các pháp chân chánh thứ hai.

*7- Nhiễm Tịnh Không Điên Đảo:

Bài Tụng:

**"Biết tác ý điên đảo, chưa diệt và đã
diệt, nơi pháp giới tạp nhiễm, thanh tịnh
không điên đảo."**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây bao quát hai ý nghĩa trọng yếu: chính là tạp nhiễm và thanh tịnh; suy cứu nguồn gốc của tạp nhiễm này và trở lại tìm tòi căn nguyên của tác ý điên đảo. Căn

nguyên của tác ý điên đảo là do tâm tác ý sanh khởi liền phát động tâm và tâm sở. Nếu là tập khí danh ngôn chính là tác ý danh ngôn, nếu là tập khí pháp Đại Thừa chính là tác ý pháp Đại Thừa. Hiện tại tác ý điên đảo trong đây là gì? Chính là Tập khí điên đảo tạp nhiễm có từ vô thủy đến nay do phân biệt điên đảo nội kết tạo thành. Tập khí điên đảo tạp nhiễm này làm nhân tố phát động tâm điên đảo tương lai; tác ý điên đảo đây nếu không thể diệt thì pháp giới chận như lúc bấy giờ chính là tạp nhiễm. Nếu như tác ý điên đảo đã diệt thì pháp giới chân như lúc bấy giờ chính là thanh tịnh. Một lần nữa nên biết tác ý điên đảo chưa diệt thì nơi pháp giới trở thành tạp nhiễm, còn tác ý điên đảo đã diệt thì nơi pháp giới trở thành thanh tịnh.

*8- Nơi Khách Không Điên Đảo:

Bài Tụng:

**"Biết bản tánh pháp giới,
thanh tịnh như hư không, nên nhiễm
tịnh không phải chủ, là nơi khách không
điên đảo."**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là căn cứ từ trên bản tánh chân như mà hiển bày sáng tỏ nguyên lý thanh tịnh không điên đảo. Đứng ra trên bản tánh chân như thì không khác nhau với hư không, không có chuyển biến nhiễm tịnh. Nhân vì khách trần phiền não làm chướng ngại ngăn che cho nên gọi là nhiễm và khách trần phiền não đã bị loại bỏ cho nên gọi là tịnh. Thứ chuyển biến đây hoàn toàn là ở nơi khách trần mà không phải ở nơi chân như và pháp giới chân như vĩnh viễn là thanh tịnh như thế. Dụ như tự thể của nước là một thứ



HT Thắng Hoan

thanh tịnh không khác, còn nhiễm đây là rất nhiều đất bùn hỗn tạp nằm trong nước. Như thí dụ này biết được pháp giới chân như cũng là giống nhau một thứ tự thể của nước.

*9- Nơi Sợ Hãi Không Điên Đảo:

Bài Tụng:

"Không vì pháp hữu tình, tánh nhiễm tịnh đều không, biết đây không sợ hãi cao độ, là nơi hai không điên đảo."

Giải Nghĩa:

Tụng nói hữu tình đây chính là chỉ cho Bồ Đặc Già La và pháp đây chính là chỉ cho Đạt Ma. Nếu có thể đối với như pháp, ngã pháp đây biết rõ đạo lý là hoàn toàn không thật thể, thì có thể thông đạt được tất cả pháp đều không thật thể. Tất cả pháp đều là giả lập danh tướng, chẳng qua danh từ được kiến lập trên khái niệm mà thôi, không có máy may thật thể để đạt được. Nhân đây tánh nhiễm và thanh tịnh được kiến lập trên các pháp cũng hoàn toàn không thể đạt được, nguyên do nhiễm tịnh được kiến lập chính là căn cứ nơi các pháp mà các pháp đã là không thì nhiễm tịnh làm gì có? Như nói Phật sanh đều là không, sao lại có Phật sanh? Cho nên thấy tất cả pháp đều là không và chỗ thấy đây chỉ là tánh không bình đẳng, như Kinh Kim Cang nói rằng: *"Là pháp bình đẳng không có cao thấp."* Tuy nhiên Đại Thừa Bồ Tát Hạnh nói rằng, không thấy chúng sanh để độ, cũng không thấy Bồ Tát thường hay độ, tu Bồ Tát Hạnh như huyễn, độ chúng sanh như huyễn, chứng Phật Quả như huyễn; nhờ thấy tất cả là như huyễn, mặc dù thấy công đức rộng lớn của Phật cũng không sanh tâm hoảng sợ, mặc dù thấy công đức nhỏ bé của tất cả chúng sanh cũng không sanh tâm kiêu mạn. Sở dĩ nó không sợ hãi tức là vì đã thông đạt cuối cùng tánh không vô ngã.

*10- Tụng Không Điên Đảo:

Giải Nghĩa:

Bài Tụng thứ mười không điên đảo ở nơi Luận này riêng an lập là mười câu Kim Cang, như trong Luận đã giải thích đầy đủ. Lại nữa dẫn một bài Tụng trong Bảo Tích nói rằng: *"Loạn cảnh tự tánh nhân, không loạn tự tánh cảnh, hai quả loạn và không loạn, và hai bờ mé kia."* An lập mười thể không điên đảo được phân tích như sau:

Loạn Quả trong đây tức là tạp nhiễm, không loạn quả tức là thanh tịnh, đó chính là chỉ cho thể nhiễm tịnh và nhiễm tịnh cũng là khách trần. Hai quả bờ mé kia gọi là hữu tình

và niết bàn đều là không bờ mé, cho nên không sợ hãi và không kiêu mạn.

b/2- Chánh Hạnh Lia Nhị Biên:

Bài Tụng:

"Dị tánh và nhất tánh, ngoại đạo và Thịnh Văn, bên tăng ích và tổn giảm, pháp hữu tình mỗi mỗi có hai. Sở tri và năng tri, thường trụ cùng đoạn diệt, bên sở thủ và năng thủ, ba thứ hai nhiễm tịnh. Nhị biên (hai bên) tánh phân biệt, nên biết lại có bảy: gọi là bên có và không phải có, năng và sở vắng lặng, lo sợ, sở năng thủ, chánh tà, hữu dụng và vô dụng, không khởi và thời gian giống nhau, là nhị biên phân biệt."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây đều là hiển bày nghĩa nhị biên (hai bên). Nơi bốn câu Tụng thứ nhất chính là hiển bày bốn thứ nhị biên. Dị tánh là khác tánh và nhất tánh là một tánh; dị tánh và nhất tánh đây là chỉ sự chấp ngã, so sánh cho cùng thì khác thể và một thể của Ngũ Uẩn: như chấp trước có ngã, nghĩa là nơi sắc uẩn của ngũ uẩn chấp trước sắc thân thuộc hình sắc vật chất biến hiện ngàn ngại cho là ngã, khi chết sắc thân liền bị tiêu diệt thì ngã cũng bị tiêu diệt theo. Còn chấp trước cho thật ngã trường cửu thì sắc thân cùng

với ngã khác nhau nên gọi là dị tánh (khác tánh). Lại nữa hoặc chấp sắc thân là thật ngã thì ngã cùng sắc uẩn đồng một thể, nghĩa là trong đây không tính toán cho rằng ngoài ngũ uẩn ra có ngã thể riêng biệt. Như chấp ngã với sắc uẩn cho là cùng một tánh hoặc khác tánh thì như thế đối với bốn uẩn còn lại cũng sanh khởi sự chấp trước giống như trên cũng là một tánh hoặc khác tánh; khác tánh gọi là một bên và một tánh gọi là một bên, lia khỏi hai bên này chính là thấu rõ nghĩa Trung Đạo của không phải một không phải khác và cũng tức là hiển bày ngã thể của ngũ uẩn đều không có cá thể thật tại. Như vậy có cái nào là một là khác có thể chấp? Sở dĩ chấp thật ngã đây, tức là chấp có một thứ khác và nếu chấp vô ngã tức là chấp không có một thứ khác. Lại nữa, hai bên của ngoại đạo và Thịnh Văn đều chấp trước, ngoại đạo thì chấp thường trụ, Thịnh Văn thì chấp vô thường; ngoại đạo cho là vật chất, v.v... có bản thể thật tại trường trụ tối cao, như Thuận Thế Ngoại Đạo chấp cực vi là thường tại, Sở Luận thì chấp tự tánh các pháp của sắc, v.v... là thường tại, Phật Pháp đã phá thường kiến của ngoại đạo và thế gian này mà nói vô thường; Tiểu Thừa Thịnh Văn lại chấp cho là tất cả các pháp mới sanh liền





Tống Mai

diệt, quyết định vô thường. Nguyên do mặc dù Phật Pháp căn cứ từ nơi nhân duyên sanh diệt mà nói vô thường, nhưng thực tế các pháp lại thường xuyên lúc nào cũng tương tục, không phải thường không phải đoạn, cho nên ngoại trừ chấp một bên thường và vô thường thì mới sáng tỏ được lý Trung Đạo không thường mà cũng không đoạn. Tiếp theo, bên tăng ích và tổn giảm đây, nghĩa là hữu tình và pháp đều có hai thứ, hữu tình là chỉ cho Bồ Đặc Già La và pháp là chỉ cho các pháp, hữu tình và pháp đều có hai thứ, mỗi thứ đều có hai bên tăng và giảm. Hai bên của hữu tình đây như từ nơi pháp hữu tình quyết định chấp có cái thật ngã thì trở thành bên tăng ích; từ nơi hữu tình mãi mãi chấp trước ba đời tương tục cũng đều không thì trở thành bên tổn giảm. Còn hai bên nơi pháp đây, nghĩa là ở nơi pháp chấp trước tâm và tâm sở pháp, v.v... đều có thật thể, như Tiểu Thừa và Nhứt Thiết Hữu Bộ thì giống nhau cả hai chấp trước rằng tất cả các pháp đều có thật thể, cho đến hai đời quá khứ và vị lai cũng đều thật có, như thế thì trở thành bên tăng ích; ngược lại, chấp tất cả các pháp đều không chỗ nào có cả thì trở thành bên tổn giảm. Do tất cả pháp mặc dù không phải thật có mà có đây là do nhân duyên huyền hiện. Bài Kệ Tụng là trình bày rõ bốn lớp biên chấp (chấp một bên). Chấp năm uẩn cùng với ngã là một và khác, đó là một lớp biên chấp, chấp sắc, v.v... thường và vô thường là một lớp biên chấp, nơi hữu tình phát khởi chấp tăng và giảm là một lớp biên chấp, nơi pháp phát khởi chấp tăng và giảm là một lớp biên chấp. Nếu có thể nơi bốn lớp này quán sát không phải một không phải khác, không phải thường không phải vô thường, không phải ngã không phải vô ngã, không phải thật không phải không thật thì có thể lìa khỏi bốn lớp của nhị biên (hai bên) để khế hợp với Trung Đạo.

Sở tri và năng tri đây, Sở tri là chỗ để đối tri, năng tri là công năng đối tri. Pháp tạp nhiễm là sở tri, pháp thanh tịnh là năng tri, như bệnh là sở tri, thuốc là năng tri. Trong đây sở tri chính là phiền não tạp nhiễm, năng tri chính là tất cả thiện pháp; pháp năng tri sở tri đây đều là từ nhân duyên sanh ra, đều là Không không có tự tánh. Sở dĩ trở thành tướng sai biệt của sở tri và năng tri chính là quan hệ nơi nhân duyên đối đãi, không thể chấp trước có thể tướng cố định của năng và sở, của nhiễm và tịnh. Giả sử chấp sai biệt thật có thì trở thành chấp hai bên (nhị biên). Thường trụ và đoạn diệt đây là từ nơi hữu tình và nơi pháp mà thuyết minh, nếu như nơi hữu tình hoặc nơi pháp chấp trước cho rằng có thể tánh thường trụ cố định thì trở thành chấp trước bên thường trụ; nếu như nơi hữu tình hoặc nơi pháp chấp trước cho rằng có thể tánh đoạn diệt cố định thì trở thành chấp trước bên đoạn diệt. Nếu như ở nơi hai bên thường và đoạn, dùng trí năng quán để quán sát, biết rõ hữu tình và pháp mặc dù sanh diệt vô thường nhưng lại tương tục không gián đoạn, mặc dù tương tục không gián đoạn nhưng lại sanh diệt vô thường, giống như Duy Thức đã trình bày nghĩa chủng tử và hiện hành tương tục thì trái với hai bên thường và đoạn. Bên sở thủ và năng thủ đây, chính là chỉ cho nơi vô minh có hai bên năng thủ và sở thủ; nơi ánh sáng của năng lực đối tri cũng có hai bên năng thủ và sở thủ; như nơi vô minh có các hành sở thủ thì vô minh đây tức là năng thủ và hành, v.v... tức là sở thủ; lại nữa như vô minh diệt thì hành, v.v... cũng diệt; trí của công năng diệt thì năng thủ và hành, v.v... của sở thủ cũng diệt theo. Từ nơi vô minh thường lệ suy tìm thì thành ra mười hai chi, không luận lưu chuyển hay hoàn diệt, không luận nhiễm ô hay thanh tịnh, đều có hai bên (nhị biên); lìa khỏi hai bên đây rõ ràng là hành Trung Đạo, tức là chúng ở nơi Tâm Kinh đã nói: "Vô vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận." (không vô minh cũng không vô minh tận, cho đến không lão tử cũng không lão tử tận). Đây chính là nghĩa Trung Đạo cứu cánh của Tánh Không bình đẳng không phân biệt. Ba thứ hai nhiễm tịnh đây chính là hai loại pháp nhiễm và pháp tịnh đều có ba thứ. Ba thứ pháp nhiễm gồm có: 1 - phiền não tạp nhiễm, 2- nghiệp tạp nhiễm, 3- sanh tạp nhiễm. Ba thứ tạp nhiễm đây nơi thông thường gọi là Hoặc Nghiệp và Khổ. Ở trọng Hoặc lại có mỗi mỗi các kiến chấp, mỗi mỗi ba độc tham sân si và nguyện sau khi sanh có được ước muốn. Đối tri đây chính là ba môn giải thoát: 1- Môn giải thoát không, 2- Môn giải thoát vô tướng, 3- Môn giải thoát vô nguyện. Không tức là không quán, nhờ không quán có thể đối tri các thứ kiến chấp; nhờ quán vô tướng có thể đối tri tướng phân

biệt mà không khởi ba độc tham sân si; nhờ quán vô nguyên có thể đối trị nguyên có được ước muốn. Vì có các thứ kiến chấp, có tam độc sanh khởi và có nguyên được ước muốn, cho nên sau khi sanh khiến sanh tử không dứt. Ở trong nghiệp tạp nhiễm đây chính là chỉ cho các nghiệp thiện ác của chỗ tạo tác. Có thể đối trị nghiệp này là khi dùng trí không tạo tác để quán sát tất cả pháp không thể tạo tác và cũng không có nghiệp của chỗ tạo tác, nghĩa là quán sát chỗ có thể tạo tác đều là không. Nơi trong sanh tạp nhiễm lại có ba thứ: 1- Kiếp sau có ngôi vị sơ sanh, 2- Ngôi vị đã sanh tâm và tâm sở tương tục, 3- Kiếp sau có ngôi vị tương tục của sanh sanh tử tử. Ba thứ công năng đối trị đây là có ba thứ trí: 1- vô sanh trí, 2- vô khởi trí, 3- vô tự tánh trí, nghĩa là chứng đặng quả La Hán thì không thọ sanh trở lại kiếp sau, không có sanh trở lại tức là không có chỗ để sanh, lại không chỗ khởi tức là không có chỗ để phát khởi, chính là chỉ cho không, không có tự tánh. Như thế đối trị ba thứ tạp nhiễm tức là chuyển thành ba thứ thanh tịnh. Nhưng giả sử ở nơi pháp nhiệm tịnh này, người chấp trước nếu là nhiễm thì thuộc về định nhiễm, nếu là tịnh thì thuộc về định tịnh, tức là trở thành chấp hai bên (nhị biên). Nên ở nơi các pháp nhiệm tịnh này biết rõ tánh không nhị biên đều bình đẳng và tánh không đây cũng không phải do đối trị mới kết thành, chính là biết rõ bản tánh của tánh không nhị biên vốn là không. Thấy rõ nghĩa này liền có thể không chấp hai bên mà kế hợp được với nghĩa của Tâm Kinh đã nói: *không khổ tập diệt đạo*. Không nhiễm trong đây chính là không khổ không tập; không tịnh trong đây chính là không diệt không đạo.

(còn tiếp một kỳ)

TRAO NANG THÁNG MƯỜI...

*Khẽ bước gió ngập ngừng trên ngói cũ
Thu chưa phai khắc khoải tháng Mười sang
Ta ngắm trộm ban mai bầy sẻ nhỏ
Chiu chút mừng vui trên tán lá vàng*

*Thu chênh chao giọt trăng vàng bỏ ngõ
Thoáng dư âm hờ hững phím dương cầm
Mơ xuôi tóc gót hài qua lối nhỏ
Dịu dàng ời sao cứ mãi băng khuâng*

*Khua lối nắng cánh chuồn như lơ đãng
Đậu cánh khô ngấm ngội về mông lung
Mùa phong tỏa làn hương không chạm tới
Thăm thăm xa môi mắt ấy then thùng*

*Xao xác phó lá rơi như hờn dỗi
Tìm heo may trên lối cúc u hoài
Thu bẽn lẽn viết tình thư gửi gió
Trao tháng Mười vạt nắng mới cầm tay...*

NIỆM KHÚC CÁNH ĐỒNG

*Dắt tôi về cánh đồng ngày cũ
Ngai ngái mùi rạ thơm
Tiếng sáo diều ve vuốt
Thềm tiếng ghé ọ lạc bầy gọi mẹ
Lũ trẻ chăn trâu chạy theo mãi cánh diều*

*Nát lòng dẫu chân chim mặt ruộng
Rát mặt nắng trưa hè
Giọt mồ hôi lưng áo cha ướt đầm
Mặn mặn vị nắng mưa*

*Nghe mênh mang lối về xóm cũ
Ngọn gió ướp hương đồng ruộng
Phả vào tôi vệt nồng nàn kỷ ức
Tiếng đé ngày nào trong hộp diêm tuổi thơ
Rỉ rả niệm khúc cánh đồng*

*Ngày trở về cay mắt khói chiều xa
Con bìm bịp kêu khan ngoài sông vắng
Khói đốt đồng nhòa bóng quê băng lãng
Ấm áp lòng
Thèm gọi tiếng mẹ cha...*

thơ TỊNH BÌNH

MỘT ĐẠO TRÀNG BỔ TÁT ĐẶC BIỆT

Điều ngự tử Tín Nghĩa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Chư Tôn Đức Tăng Ni đang tụng tuyên luật nghi tại chánh điện chùa Bát Nhã, AR

Kính thưa quý đọc giả,
Trước khi Đức Phật nhập Niết bàn, Ngài ân cần răn dạy:

"Sau khi Như Lai diệt độ, các con hãy lấy giới luật làm thầy..."

Và trong kinh Di Giáo, Đức Phật dạy:

"Này các tỳ kheo, sau khi ta diệt độ, các vị cần phải tôn trọng kính ngưỡng Ba-la-đề-mộc-xoa (giới luật), như kẻ mù tối được sáng mắt, kẻ nghèo hèn được vàng ngọc. Phải biết giới luật là bậc Thầy cao cả của các vị. Dù ta ở đời cũng không khác gì giới luật ấy".

Trong Luật tạng cũng còn ghi lại:

**"Tỳ Ni tạng trú, Phật Pháp diệt trú,
Tỳ Ni tạng diệt, Phật Pháp diệt diệt".**

Đại ý là: Giới luật là thọ mạng của Phật pháp, Giới luật còn thì Phật pháp còn; Giới luật mất thì Phật pháp cũng hoại diệt.

Sau tháng Tư 1975, con dân Việt đi tìm tự do cho bản thân, cho gia đình. Khi tạm được an cư lạc nghiệp thì bắt đầu hướng về tâm linh, hướng về đảng Chí tôn đã một thời nhất tâm tín nguyện phụng thờ, đặc biệt là các người con của Phật cả hai giới xuất gia và tại gia.

Hàng con Phật ý thức theo Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy rằng: **"Giới là cội gốc của Bồ đề, là cửa ngõ của niết bàn, là chiếc thuyền đưa chúng sanh qua biển**

sanh tử, là chuỗi anh lạc để trang nghiêm bản thân".

Chính nhờ câu: **"Giới luật là thọ mạng của Phật pháp, Giới luật còn là Phật pháp còn,..."**; chúng đệ tử Phật cùng nhau tụ hội lại để nhắc nhở cho nhau lời Phật dạy; và tử độ, Chùa, Tự Viện, Tu Viện, Niệm Phật Đường tử tử tạo dựng hoặc lớn hoặc nhỏ...

Bút giả cố cố duyên, đi giảng pháp các châu lục như Âu châu, Úc châu, Canada và gần như cả xứ Hoa Kỳ, đã được trực nhận Chư tôn Thiên đức ý thức trách nhiệm của mình, câu **"Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh"** luôn canh cánh bên lòng; cho nên không ngại tài hèn đức bạc cũng cố gắng nhen nhúm ngọn đèn chánh pháp theo khả năng bằng cách hội tụ hàng tại gia lại với nhau, hoặc bằng hình thức này hay hình thức khác để đưa đời vào đạo và đưa đạo vào đời hợp với chánh pháp của Phật.

Chư Tôn thiên đức đã ý thức qua câu kinh Pháp cú là :

**"Dù sống đến trăm năm,
Lười biếng không tinh tấn,
Chẳng bằng sống một ngày,
Nỗ lực tu tinh tấn".**

Và,

Kinh Đại Thừa Bốn Sanh Tâm Địa Quán, Đức Phật dạy: **"Vào biển Phật Pháp lấy đức tin làm căn bản, vượt dòng sanh tử lấy giới luật làm thuyền bè. Nếu người xuất gia mà không giữ giới cấm, lại tham đắm, vướng mắc những thú vui thế tục, hủy báng giới pháp của Chư Phật, hạng tỳ kheo như thế không còn được gọi là người xuất gia nữa".**

Chư Tôn đức Tăng ni Lương bộ tự biết mình là trưởng tử Như Lai, bắt buộc phải giữ gìn mạng mạch Chánh Pháp để lưu truyền nơi thế gian, lãnh trách nhiệm **"tác Như Lai sự, hành Như Lai sự"**, có như thế mới mong đến:... **"Kiến pháp tràng ư xứ xứ, pháp nghi võng ư trùng trùng..."**

Do đó, tại Hoa kỳ, miền bắc California có các vị niên cao lập trường như Hòa thượng Minh Đạt, Hòa thượng Tịnh Từ, Hòa thượng Tịnh Diệu, Hòa thượng Thái Siêu,... đã hướng dẫn Tăng Ni thuộc vùng mỗi tháng Bồ tát một lần tùy theo giới phẩm, gặp nhau để cùng ôn lại lời Phật dạy, chia sẻ cho nhau

những Phật sự cần thiết và phân chia từng tư viên lớn nhỏ đều ý thức gánh vác đạo tràng Bồ tát. Ngày Hòa thượng Thiện Trí còn tại tiền, chúng tôi cũng được tham dự lễ Bồ tát ở đây hai lần. Một ở chùa Kim Quang và một ở Tu viện Kim Sơn.

Ở miền Đông bắc Hoa Kỳ thì các tiểu bang chung quanh vùng Hoa Thịnh Đốn, mỗi tháng Bồ tát một lần, cùng nhau trùng tuyên những lời Phật dạy theo tinh thần Thông Giới; lại còn chung lo Đại lễ Phật Đản chung hằng năm. Tính đến nay cũng đã được bốn năm. Chúng tôi cũng được trực tiếp tham dự.

Ở thành phố Atlanta, tiểu bang Georgia cũng có đạo tràng Bồ tát, mỗi tháng một lần dưới sự khéo léo của Hòa thượng Hạnh Đạt cùng chư Thượng tọa Nhật Châu, Hải Chánh, Nhuận Hải... chúng tôi có phước báu tham dự lễ Bồ tát ở đây tại chùa Linh Mục.

Còn các thành phố lớn là Santa Ana, San Diego (CA), Houston, Dallas (TX), Seattle (WA), chư Tăng Ni rất đông, nhưng chưa thấy có đạo tràng Bồ tát như các miền trên đây.

Điều đặc biệt mà bút giả muốn nói đến và mong chư Tôn đức Tăng ni, nhất tề tán dương đạo tràng Bồ tát vùng Trung Tây Hoa Kỳ.

Lý do đặc biệt mỗi lần có ngày Bồ tát cho chư Tăng Ni vào một trú xứ nào đó (*chùa hay tu viện,...*), ở một tiểu bang nào đó, quý thầy cô cho dù có xa cách mấy cũng phải thân lâm tham dự. Có vị lái xe gần chín tiếng đồng hồ như Thượng tọa Nguyên Thông, Viện trưởng Tu viện Hồng Đức ở tiểu bang Iowa; Thượng tọa Minh Trọng, Trụ trì chùa Niệm Phật, tiểu bang Minnesota và Thượng tọa Pháp Trí, Viện chủ chùa Linh Quang ở Nebraska; không có khả năng lái xe, vì phải lái mất 12 giờ liên tục; chấp nhận đi bằng máy bay thì phải dừng lại một phi trường để chuyển chuyến bay trước khi đến đích để dự lễ, có khi ngồi đợi mất ba hay bốn giờ. Những vị gần địa điểm nhất cũng lái xe mất hai giờ liền,... Và, vùng này có đạo tràng Bồ tát là tùy thuộc vị trú trì một ngôi tự viện ở trong vùng đảng cai, cho nên có thể hai hay ba tháng mới có một lần, lý do là di chuyển xa xôi các trở,... Quý thầy cho biết năm tới (2022) có nhiều chùa đã tích cực xin đảng cai lễ Bồ tát. Tinh thần cao quý của chư Tôn đức Tăng ni trong vùng Trung Tây Hoa Kỳ hội tụ lại để trùng tuyên lời Phật dạy qua tinh thần Bồ tát là như vậy đó. Đúng là "Con giốc lòng vì đạo hy sinh".

Chư Tôn đức ở trong vùng thuộc 13 tiểu bang đã vì mạng mạch của Phật pháp, vì muốn vun bồi giới đức, nên cho dù hoàn cảnh như thế nào cũng nguyện nhất tâm không trái lời Phật hoan hỷ tham gia và tham dự kể cả Đại lễ Phật Đản chung. Đó là một điểm son mà hai hội đồng của Giáo hội nên tán

dương cổ vũ và chung vui với niềm vui pháp hỷ này.

Dưới đây là những hình ảnh cụ thể trong lần Bồ tát tại chùa Bát Nhã, tiểu bang Arkansas.

* * * * *

Chư Tôn Đức Tăng Ni miền Trung Tây Hoa Kỳ tham dự Bồ Tát kỳ II và Trì tụng Kinh Dược Sư Tại chùa Bát Nhã, tiểu bang Arkansas



Chư Tôn đức Tăng ni chụp hình lưu niệm sau giờ Bồ tát

- 1.- Hòa thượng Thích Giác Minh, Thiền chủ Kỳ Viên Các (MO.)
- 2.- Tỳ kheo Thích Pháp Trí, Trụ trì chùa Linh Quang (NE.)
- 3.- Tỳ kheo Thích Thông Triết, Trụ trì Thiền viện Chánh Pháp (OK.)
- 4.- Tỳ kheo Thích Hạnh Nguyên, Trụ trì chùa Pháp Hoa (KS.)
- 5.- Tỳ kheo Thích Thông Lý, Trụ trì chùa Phước Bình (TN.)
- 6.- Tỳ kheo Thích Nhuận Dung, Trụ trì chùa Phước Hậu (WS.)
- 7.- Tỳ kheo Thích Hải Đàm, Trụ trì chùa Quan Âm (MO.)
- 8.- Tỳ kheo Thích Thông Viên, Trụ trì chùa Trúc Lâm (IL)
- 9.- Tỳ kheo Thích Thông Chánh, trụ trì chùa Định Quang (MO.)
- 10.- Tỳ kheo Thích Viên Lai, Cố Chủ tại tiểu bang (TN.)
- 11.- Tỳ kheo Thích Nhuận Minh, Trụ xứ chùa Bát Nhã (AR.)
- 12.- Tỳ kheo Thích Hạnh

Hiếu, Trụ trì chùa Bát Nhã (AR.) -13.- Tỳ kheo Thích Chánh Định, Thiền chủ Thiền đường Chánh Định (TX.) -14.- Tỳ kheo Thích Nguyên Thông, Viên chủ Thiền viện Hồng Đức (IA.) -15.- Tỳ kheo Thích Minh Trọng, Trụ trì chùa Niệm Phật (MN.) -16.- Tỳ kheo Thích Đồng Khai, Trụ xứ chùa Định Quang (MO.) -17.- Tỳ kheo Thích Quảng Hiến, Trụ trì chùa Tam Bảo (OK.) -18.- Tỳ kheo Thích Phước Nguyên, Trụ xứ chùa Tam Bảo (OK.) -19.- Tỳ kheo Thích Minh Trọng, Trụ trì Quan Âm Tịnh Viện (MS.) -20.- Tỳ kheo Thích Giác Tuệ, Trụ xứ Quan Âm Tịnh viện (MS.) -21.- Tỳ kheo Thích Thông Tạng, Trụ xứ chùa Bát Nhã (AR.) -22.- Tỳ kheo Thích Thông Nhân, Trụ xứ chùa Pháp Hoa (KS.) -23.- Ni trưởng Tỳ kheo Ni Thích nữ Hạnh Bốn, đến từ (TN.) -24.- Ni trưởng Tỳ kheo Thích nữ Như Trí, đến từ (MS.) -25.- Ni trưởng Tỳ kheo Thích nữ Huệ Ngọc, Trụ trì chùa Pháp Hải (AR.) -26.- Ni sư Thích nữ Tịnh Tuyên, trụ trì chùa Tịnh Nghiêm Quan Âm (KS.) -27.- Ni sư Thích nữ Viên Tịnh, - 28.- Ni sư Thích nữ Chúc Thường, chùa Pháp Hoa (KS.) - 29.- Ni sư Thích nữ Viên Diệp, chùa Kim Cang (IA.) - 30.- Ni sư Thích nữ Hạnh Toàn, chùa Kim Cang (IA.) -31.- Tỳ kheo Ni Thích nữ Liên Nghiêm (IA.) - 32.- Tỳ kheo Ni Thích nữ Liên Hạnh (IA.) -33.- Trì kheo Ni Thích nữ Nhân Quang (IA.) - 34.- Tỳ kheo Ni Thích nữ Tuệ Chân -35.- Tỳ kheo Ni Thích nữ Tuệ Viên - 36.- Tỳ kheo Ni Huệ Thiên, Trụ xứ chùa Linh Quang (NE.) - 37.- Tỳ kheo Ni Thuần Nhật, Trụ xứ Tu viện Hồng Đức (IA.) - 38.- Tỳ kheo Ni Thích nữ Trung Niệm, Trụ xứ chùa chùa Pháp Hải (AR.) - 39.- Tỳ kheo Ni Thích nữ Hạnh Minh - 40.- Tỳ kheo Ni Thích nữ Nguyên Hòa - 41.- Tỳ kheo Ni Thích nữ Nguyên Thuần.

Mùa thu Tân sửu -
Oct. 10th, 2021

THÀY (7)

*Sanh tử bì lao có nhớ chăng
Người trong cuộc lữ vẫn tung tăng
Tranh danh đoạt lợi hòng mưu sự
Vọng tưởng đời đây cứ vĩnh hằng
 Một tí làn hơi rất nhỏ nhoi
 Không vào ra nữa kể như rôi
 Xuôi tay một phát là rơi sạch
 Còn có nơi nào anh với tôi
Thọ án truyền thừa chẳng vị ngôi
Vì chung cơ nghiệp chẳng đành thôi
Pháp lữ mê vui trường hí kịch
Trăng vào thiền thất nghịch dòng trôi
 Một mảnh giảng san cá cược chơi
 Thay ngôi đổi chủ biện bao lời
 Thấy về núi cả ngôi yên đó
 Mắt tợ sao Khuê tợ giữa đời
Cánh hạc cung trời cao thăm xa
Tiếng kêu đồng vọng khắp sơn hà
Tặng tục ai người tâm để thánh
Phục quang trùng ấn lịch trình ca
 Cơ nghiệp Như Lai dấu có suy
 Tùy thời tùy lúc chẳng hề chi
 Người sai chữ pháp hằng như thị
 Thầy vẫn trung trinh chí khí bền
Nhạc khúc vô thường vẫn tâu lên
Lạ lùng vạn pháp vốn không tên
Mà sao lay động lòng ly viên
Pháp vận vô can chuyện miếu đền
 Rừng cháy vô hồi lửa tàn đêm
 Nền xưa còn đỏ máu loang thềm
 Đông xanh xương trắng tràn lau sậy
 Quốc vận thịnh suy cây chừa quên
Bóng ngã trường sơn dáng tượng vương
Độc hành cát bước giữa đêm trường
Tiếng hống sư vương rền thập xứ
Mặc đời giông tố cứ hồng dương
 Đuốc Tuệ soi đường Thị Ngạn am
 Du sĩ nào e sự khó kham
 Thạch trụ giữa giòng ngăn nước lũ
 Tông lâm khảng khái trụ phương nam*

thơ

ĐỒNG THIỆN

Ất Lăng thành, 08/2021

TỪ BI VÀ TÁNH KHÔNG TRONG KINH ĐẠI BÁT NHÃ

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Thoạt nhìn thì tánh Không và từ bi có vẻ ngược hướng nhau, vì tánh Không nhắm đến một thực tại tuyệt đối còn từ bi thì lại hướng về một thế giới và chúng sanh vô thường, tương đối. Nhưng trong *Kinh Đại Bát Nhã*, mỗi khi nhắc đến Phật đều có đức tính đại từ đại bi, chẳng hạn ngay phẩm đầu tiên, phẩm *Tựa*:

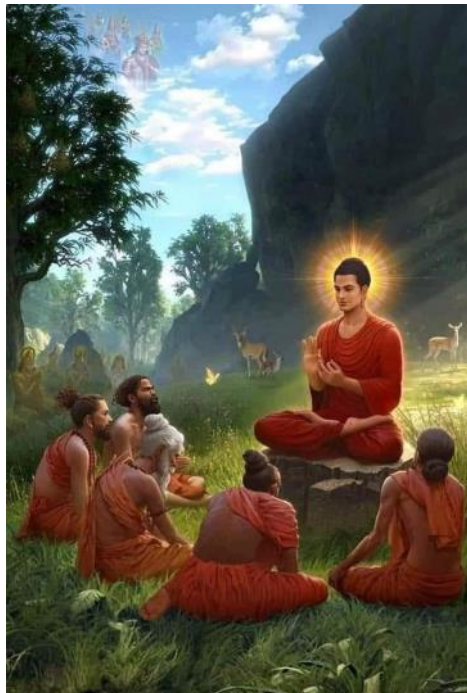
"Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát muốn biết khắp cả công đức của Phật như mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn trí vô ngại, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi, thì phải tu tập Bát nhã ba la mật" (Kinh Đại Bát nhã, ngài Cưu Ma La Thập dịch).

Trong bài này chúng ta tìm hiểu mối tương quan và hợp nhất của tánh Không và từ bi như thế nào trên con đường Bồ tát.

Con đường Bồ tát là tự giác và giác tha, đây là Bồ đề tâm. Tự giác là trí huệ "*biết thật tướng của tất cả các pháp*" (Phẩm Kim Cương, thứ mười ba). Thật tướng là tánh Không. Giác tha là tâm đại bi giải thoát cho những người khác. Tự giác đến đâu thì giác tha đến đó, nghĩa là trí huệ và đại bi đi cùng nhau trên con đường Bồ tát.

Thực hành chính của Bồ tát là Sáu ba la mật. Sáu ba la mật từ bỏ thí cho đến trí huệ là sự phối hợp giữa trí huệ tánh Không và việc làm phát xuất từ tâm từ bi đem sự an lạc cho chúng sanh. Chẳng hạn Bồ thí ba la mật:

"Có đại Bồ tát an trụ sáu ba la mật lấy Bồ thí làm đầu để đem sự an lạc cho tất cả chúng sanh, ban cho họ những thứ ăn



uống, y phục, phòng giường, hương hoa, đèn sáng, châu ngọc, tùy theo chỗ đáng cần dùng mà cung cấp cho chúng sanh" (Phẩm Vãng Sanh, thứ tư).

Trí huệ tánh Không, tâm đại bi với chúng sanh kết hợp với nhau tạo thành công đức của Bồ tát:

"Thế nên, này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát muốn vượt lên trên tất cả chúng sanh thì phải học Bát nhã ba la mật. Muốn làm chỗ cứu hộ cho chúng sanh không được cứu hộ, muốn làm chỗ quy y cho chúng sanh không có chỗ quy y, muốn làm con đường tốt ráo cho chúng sanh không có con đường tốt ráo, muốn làm

mắt sáng cho chúng sanh mù loà, muốn được công đức Phật, muốn làm Phật tự tại du hý, muốn làm Phật nói pháp như sư tử rống, muốn đánh chuông Phật, đánh trống Phật, thổi ốc tù và Phật, lên tòa Phật cao thuyết pháp, muốn dứt nghi cho tất cả chúng sanh thì phải học Bát nhã ba la mật sâu xa.

Này Tu Bồ Đề! Nếu đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật sâu xa thì không công đức lành nào mà chẳng được" (phẩm Đăng Học, thứ sáu mươi ba).

Bồ tát tu tánh Không ở ngay trong sanh tử, vì trong sanh tử mới có chúng sanh, và Bồ tát thì chẳng bao giờ bỏ chúng sanh. Bồ tát tìm cầu và điều luyện những đức tính Bồ tát, những ba la mật, những công đức khi ở trong sanh tử cùng với chúng sanh.

"Nếu thật hành Bồ tát hạnh, cho đến một chút ơn nhỏ còn chẳng quên hưởng là nhiều, đây gọi là biết ơn báo ơn. Nếu đối với tất

cả chúng sanh không giận hờn, không làm náo hại, đây gọi là an trụ lực nhẫn nhục. Lấy sự thành tựu chúng sanh làm niềm vui, đây gọi là thọ hoan hỷ. Nghĩ nhớ muốn cứu tất cả chúng sanh, đây gọi là chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Nếu nghĩ như vậy: tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà nhận chịu cần khổ trong địa ngục đến hằng sa kiếp chừng nào chúng sanh ấy thành Phật nhập Niết bàn, đây là vì tất cả chúng sanh mười phương mà nhẫn thọ sự khổ nhọc nên gọi là nhập đại bi tâm. Nếu đối với bậc sư trưởng xem như Phật, đây gọi là tin tưởng cung kính học hỏi nơi thầy. Nếu nhất tâm siêng cầu các môn ba la mật mà không cầu việc gì khác, đây gọi là siêng cầu các ba la mật” (phẩm Phát Thủ, thứ hai mươi).

Như thế, thực hành Bồ tát hạnh là hành trí huệ tánh Không đi cùng với đại bi cứu giúp, độ thoát chúng sanh.

“Ngài Tu Bồ Đề nói: “Người thực hành Bồ tát đạo vì cứu tất cả chúng sanh nên tâm chẳng lìa bỏ tất cả chúng sanh, bởi vì vô sở đắc vậy.

Bồ tát phải thường chẳng lìa niệm này: chính là niệm Đại bi”.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: “Muốn khiến đại Bồ tát thường chẳng lìa niệm này: chính là niệm đại bi. Nếu đại Bồ tát thường chẳng lìa niệm đại bi, thì ngay giờ đây tất cả chúng sanh phải là Bồ tát, bởi vì tất cả chúng sanh cũng chẳng lìa các niệm.

Ngài Tu Bồ Đề nói: “Lành thay! Lành thay! Ngài Xá Lợi Phất muốn chất vấn tôi mà lại trở thành nghĩa của tôi.

Tại sao thế? Vì chúng sanh không có nên niệm cũng Không. Vì tánh chúng sanh không có nên tánh niệm cũng Không. Vì pháp chúng sanh không có nên pháp niệm cũng Không. Vì chúng sanh lìa nên niệm cũng lìa. Vì chúng sanh rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì chúng sanh bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri.

Này ngài Xá Lợi Phất! Vì sắc không có nên niệm cũng Không. Vì tánh sắc không có

nên tánh niệm cũng Không. Vì pháp sắc không có nên pháp niệm cũng Không. Vì sắc lìa nên niệm cũng lìa. Vì sắc rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì sắc bất khả tri nên niệm cũng bất khả tri. Cho đến Vô thượng Bồ đề cũng vậy.

Này ngài Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thực hành Bồ tát đạo, tôi muốn chớ lìa niệm này: chính là niệm đại bi”.

Bây giờ Đức Phật khen ngợi: “Lành thay! Lành thay! Đây chính là Bát nhã ba la mật của đại Bồ tát. Ai muốn nói thì phải nói như vậy. Tu Bồ Đề nói về Bát nhã ba la mật đều là tuân thừa ý của Phật. Đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật thì phải học như lời của Tu Bồ Đề nói” (phẩm Vô Sanh, thứ hai mươi sáu).

Trước hết Bồ tát thực hành Bồ tát đạo phải chẳng bao giờ lìa niệm đại bi. Nếu lìa bỏ, không có niệm đại bi thì chẳng phải là Bồ tát.

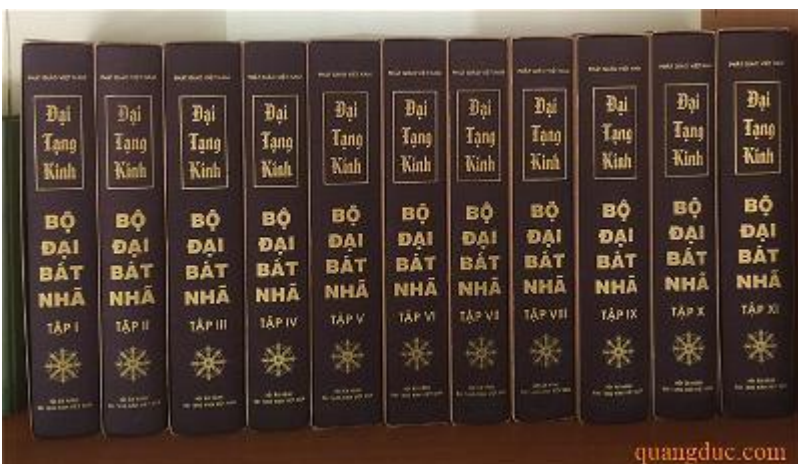
Nhưng đại bi ấy phải gắn liền với tánh Không. Trí huệ tánh Không là cái thấy thật tướng của tất cả các pháp, kể cả chúng sanh, là tánh Không. Đại bi gắn liền với tánh Không là đại bi mà không có chủ thể và đối tượng, đại bi mà “không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, tác giả, khởi giả, tri giả...” (phẩm Tu Tập Đùng, thứ ba).

Tại sao “chúng sanh không có nên niệm cũng không”? Vì trong cái thấy của trí huệ Bát nhã, chúng sanh là “vô tự tánh, rỗng không, vô sở hữu, bất khả đắc”. Chúng sanh là “như huyễn như mộng”. Tất cả các pháp, sắc thanh hương vị xúc đều như thế.

Và “chúng sanh không có, sắc không có nên niệm cũng Không”. Niệm phân biệt là nguyên nhân tạo ra nghiệp. Niệm đã Không thì nghiệp cũng Không, nghiệp cũng như mộng như huyễn. Với trí huệ thấy tánh Không, thấy chúng sanh, niệm của họ, nghiệp của họ đều như mộng như huyễn thì Bồ tát mới có thể vì đại bi mà ở lại thế gian sanh tử dù vô số kiếp để cứu độ chúng sanh.

Chính vì đại bi hợp nhất với tánh Không mà Bồ tát có thể làm như đoạn kinh đã được trích ở trên, “Tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà nhẫn chịu cần khổ trong địa ngục đến hằng sa kiếp chừng nào chúng sanh ấy thành Phật nhập Niết bàn, đây là vì tất cả chúng sanh mười phương mà nhẫn thọ sự khổ nhọc nên gọi là nhập đại bi tâm”. Đại bi nhờ tánh Không mà có thể chịu đựng như vậy, vì trong tánh Không không có thời gian, không gian, không có địa ngục và không có chúng sanh và nghiệp của chúng sanh.

Đại bi hợp nhất với tánh Không khiến cho Bồ tát, việc làm của Bồ tát và chúng sanh đều như mộng như huyễn cho nên Bồ tát làm việc ở thế gian mà vẫn giải thoát.



"Ngài Tu Bồ Đề nói: Này các Thiên tử! Tất cả các pháp đều như mộng, không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Này các ngài! Tất cả các pháp đều như huyền, trong đó không có người nói, không có người nghe, cũng không có người biết" (phẩm Thiên Vương, thứ hai mươi bảy).

Vấn đề chúng sanh, chịu khổ vì chúng sanh để giáo hóa cứu độ chúng sanh là công việc nặng nhọc khó khăn nhất của tâm đại bi, nhưng nhờ trí huệ tánh Không mà sự khổ nhọc ấy được nhẹ nhàng, thậm chí đó là công việc đưa đến giải thoát. Trong khi làm việc vì chúng sanh, Bồ tát nhờ đồng thời sống trong tánh Không mà sự dính mắc với chúng sanh, điều gây ra những phiền não cho Bồ tát như tham, sân, si, kiêu mạn, đố kỵ, tiêu tan dần. Như thế Bồ tát tự giải thoát khỏi chấp ngã và chấp pháp trong khi nỗ lực giải thoát cho những người khác.

"Đại Bồ tát đúng với tâm Nhất thiết trí, nghĩ rằng tôi sẽ làm cho vô lượng vô biên vô số tất cả chúng sanh an trụ sáu ba la mật. Tôi sẽ đặt tất cả chúng sanh nơi bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp bất cộng. Tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh được quả Tu đà hoàn cho đến Nhất thiết chủng trí. Nhưng thật không có chúng sanh an trụ sáu ba la mật cho đến được Nhất thiết chủng trí. Vì sao thế? Vì pháp tướng như huyền vậy. Ví như nhà huyền thuật giỏi.

Đây gọi là đại Bồ tát đại trang nghiêm" (phẩm Trang Nghiêm, thứ mười bảy).

Đại trang nghiêm cùng ý nghĩa với một câu nói được Kinh nhắc lại nhiều lần "Tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh". Câu kinh này để tóm tắt con đường Bồ tát, cũng được ghi lại nhiều trong các kinh Đại thừa.

Đại bi cứu độ chúng sanh kết hợp với trí huệ thấy thật tướng của chúng sanh, theo kinh nói, là rất khó, dễ gây kinh sợ, mờ buồn chán:

"Ngài Tu Bồ Đề nói với các Thiên tử: Chư đại Bồ tát ở nơi các pháp chẳng chứng bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng lấy làm khó. Chư đại Bồ tát đại trang nghiêm, tôi sẽ độ vô lượng vô biên vô số chúng sanh, nhưng



biết chúng sanh rốt ráo bất khả đắc mà độ chúng sanh, đây mới là khó.

Các Thiên tử! Đại Bồ tát phát tâm Vô thượng Bồ đề nguyện rằng tôi sẽ độ tất cả chúng sanh. Chúng sanh thật chẳng thể đắc, người này muốn độ chúng sanh như muốn độ hư không.

Vì sao thế? Vì hư không là lia, phải biết chúng sanh cũng là lia. Vì hư không là Không, phải biết chúng sanh cũng là Không. Vì hư không chẳng kiên cố, phải biết chúng sanh cũng không kiên cố. Vì hư không hư dối, phải biết chúng

sanh cũng hư dối.

Các Thiên tử! Thế nên biết chỗ làm của đại Bồ tát là khó, vì lợi ích chúng sanh không chỗ có (vô sở hữu) mà đại trang nghiêm. Bồ tát này vì chúng sanh mà kết thế nguyện là muốn tranh đấu cùng với hư không. Bồ tát này kết thế nguyện rồi như hư không chẳng thấy có chúng sanh để vì chúng sanh kết thế nguyện. Tại sao? Vì chúng sanh là lia, phải biết thế nguyện cũng lia. Vì chúng sanh hư dối phải biết thế nguyện cũng hư dối.

Nếu đại Bồ tát nghe pháp như thế mà lòng chẳng sợ, chẳng mê mờ nghi ngại, phải biết đó là đại Bồ tát hành Bát nhã ba la mật...

Đức Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát thành tựu hai pháp sau đây thì ma chẳng phá hoại được: một là quán tất cả các pháp là Không, hai là chẳng lia bỏ tất cả chúng sanh" (phẩm Hư Không, thứ sáu mươi lăm).

Quán tất cả các pháp là Không, đó là Trí huệ. Chẳng lia bỏ tất cả chúng sanh, đó là đại bi. Nhưng tại sao chỉ nói là "quán" mà không nói là "chúng, thể nhập"? Bởi vì nếu chúng, thể nhập hoàn toàn tánh Không thì phải bỏ chúng sanh. Vấn đề này Kinh nói như sau:

"Đức Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Như thế đó, đại Bồ tát hành Bát nhã ba la mật, học quán Không, an trụ trong Không; học quán Vô tướng, Vô tác, an trụ trong Vô tướng Vô tác, tu bốn niệm xứ cho đến tu tám thánh đạo, đầu thực hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chẳng tác chúng quả Tu Đà Hoàn cho đến chẳng tác chúng quả A La Hán và Độc Giác Phật" (phẩm Học Không Bất Chúng, thứ sáu mươi).

Bồ tát học tất cả Phật pháp, tất cả Ba Thừa, nhưng chẳng tác chứng quả A La Hán và Độc Giác Phật, bởi vì tác chứng Không thì sẽ nhập Niết bàn, sẽ lìa bỏ chúng sanh.

Cho nên Kinh thí dụ con đường Bồ tát như chim bay lượn trong hư không; chẳng an trụ trong hư không (ở trong Niết bàn Không, Vô tướng, Vô tác, mà cũng chẳng rớt xuống đất (sanh tử).

"Này Tu Bồ Đề! Cũng vậy, đại Bồ tát ở trong tất cả chúng sanh, tâm từ bi hỷ xả tràn đầy cùng khắp, an trụ trong bốn tâm vô lượng, đầy đủ sáu ba la mật, chẳng chứng lấy quả vô lậu, học Nhất thiết chủng trí, nhập ba môn giải thoát: Không, Vô tướng, Vô tác. Bấy giờ Bồ tát chẳng theo tất cả các tướng mà cũng chẳng chứng Vô tướng tam muội. Vì chẳng chứng Vô tướng tam muội nên chẳng sa vào các bậc Thanh Văn và Độc Giác Phật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như chim có đủ cánh, bay lượn trong hư không chẳng bị rơi rớt, dầu chim ở trong hư không mà cũng chẳng an trụ trong hư không.

Cũng vậy, đại Bồ tát dầu học Không, Vô tướng, Vô tác giải thoát môn nhưng chẳng tác chứng. Vì chẳng tác chứng nên chẳng sa vào bậc Thanh Văn, Độc Giác Phật. Do chưa đầy đủ mười trí lực, đại từ, đại bi, vô lượng Phật pháp, Nhất thiết chủng trí nên chẳng chứng lấy Không, Vô tướng, Vô tác giải thoát môn" (phẩm Học Không Bất Chứng, thứ sáu mươi).

Tóm lại không chỉ nhờ tánh Không mà còn nhờ đại bi chẳng bỏ chúng sanh, Bồ tát mới khỏi sa vào giải thoát của bậc Thanh Văn và Độc Giác Phật, để đạt đến quả Phật, làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh.

MƯA TRÊN MÁI CHÙA

*Mưa trên mái chùa rêu,
Rơi rơi từng giọt đều.
Vị sư già nhìn mưa,
Mưa đã từ nghìn xưa.*

*Chủ tiểu nhỏ quét mưa,
Xào xạc tiếng chổi khua.
Mưa ngập cả sân chùa,
Chông chổi chú nhìn mưa.*

*Chùa dột mái hiên sau,
Ni cô gội rửa rau.
Trong bếp khói tro tàn,
Lạnh như giọt mưa tan.*

*Mưa trên nghĩa địa chùa,
Mưa ướt người đi xa.
Mưa trên những nấm mồ,
Nước thấm vào hư vô.*

*Mưa len vào hư không,
Tan tan trong tiếng chuông.
Tiếng chuông ngân trong mưa,
Ngân vang từ kiếp xưa.*

*Kiếp xưa trời vẫn mưa,
Nghiêng nghiêng từng giọt thưa,
Mưa xuyên nát kiếp người.
Kiếp nào giọt mưa rơi?*

Những giọt mưa của khổ đau rớt xuống thế gian xuyên ngang từng kiếp người, ướt cả người đi xa. Thế nhưng những giọt mưa rơi trên một mái chùa phải chăng cũng là những giọt nước mát làm tắt đi ngọn lửa nóng bỏng của những niềm đau quá khứ trong đôi mắt của vị sư già, làm dịu bớt những đóm lửa nhớ thương cha mẹ, se thắt trong lòng của chú tiểu mồ côi, làm nguội lạnh những đóm than của ước mơ chưa tắt, le lói trong ký ức của người ni cô ngồi rửa rau trong gian bếp lạnh tanh?



thơ HOANG PHONG

KHÔNG CÓ GÌ BỀN CHẮC

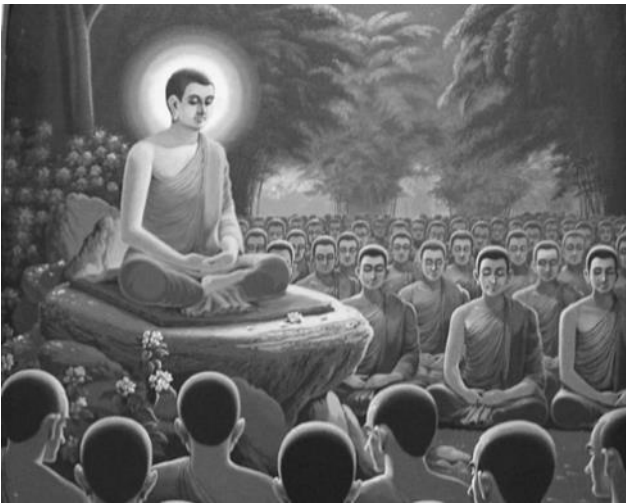
Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Quán niệm vô thường là một trong những nội dung tu tập căn bản của người Phật tử. Mọi sự mọi vật quanh ta luôn vận động, biến đổi từng phút, từng giây. Thấy rõ như vậy để biết rằng những gì mà mình hay nhận lầm là ta và của ta, là vĩnh hằng bất biến, thực ra không có gì bền chắc cả.

Nhận ra sự thật không có gì bền chắc là một điều khó. Thiết lập một tâm thái sống tích cực sau khi hiểu rõ về sự thật ấy lại càng khó hơn. Theo Thế Tôn, nhờ nhận thức về vô thường nên người tu giảm bớt tham ái, sân hận, chấp thủ; nhờ thấy rõ sự mong manh của kiếp người nên nguyện làm ngay những gì cần làm, những gì chưa tốt thì hãy tu sửa cho tốt đẹp hơn lên.

Lắng nghe Thế Tôn dạy về pháp tu khiến cho thân, mạng và tài sản vốn dĩ là những thứ mong manh trở nên thật sự bền chắc:



"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba thứ không bền chắc, thiết yếu. Thế nào là ba? Thân không bền chắc, mạng không bền chắc, tài sản không bền chắc. Đó là, này Tỳ-kheo, có ba thứ không bền chắc. Ở đây, Tỳ-kheo, trong ba thứ không bền chắc nên tìm phương tiện thành tựu ba thứ bền chắc. Thế nào là ba? Thân không bền chắc

cầu cho bền chắc, mạng không bền chắc cầu cho bền chắc, tài sản không bền chắc cầu cho bền chắc.

Thế nào là thân không bền chắc cầu cho bền chắc? Nghĩa là khiêm hạ, kính lễ, tùy thời thăm hỏi. Đó là thân không bền chắc, cầu cho bền chắc.

Thế nào là mạng không bền chắc cầu cho bền chắc? Ở đây, nếu có thiên nam tử, thiện nữ nhân, suốt đời không sát sanh, chẳng thêm dao gậy, thường biết hộ thẹn, có lòng từ bi, nghĩ đến tất cả chúng sanh, suốt đời chẳng trộm cắp, hằng nhớ bố thí, tâm không có ý tưởng lần tiếc; suốt đời không dâm dục, cũng không dâm vợ người; suốt đời không vọng ngữ, thường niệm chí thành, không khi dối người đời. Đó là mạng không bền chắc cầu bền chắc.

Thế nào là tài sản không bền chắc cầu bền chắc? Nếu có thiên nam tử, thiện nữ nhân, thường nghĩ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, các người nghèo khổ; người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, y phục, ẩm thực, giường trải đồ nằm, bệnh tật thuốc thang, cửa nhà thành quách; những vật cần dùng thay đều cho hết; như thế là tài sản chẳng bền chắc cầu cho bền chắc.

Đó là, này Tỳ-kheo, đem ba thứ không bền chắc đó cầu ba thứ bền chắc này.

Thế Tôn liền nói bài kệ:

Biết thân không bền chắc/ Mạng cũng không kiên cố/ Tài sản, pháp suy hao/ Nên cầu sự bền vững/ Thân người rất khó được/ Mạng cũng chẳng dừng lâu/ Tài sản, pháp mòn diệt/ Hoan hỷ niệm ban phát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm."

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm Tam bảo, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr. 384)

Ai cũng biết rõ thân này không bền chắc, vì nếu thân bền chắc thì ta và mọi người sẽ không lớn lên cũng như không bệnh, không già. Thế nhưng một số người cứ lầm tưởng rằng mình sẽ khỏe mạnh hoài, khỏe bên trong thân và mạnh cả thể lực bên ngoài nên ngã mạn ngất trời, tự cao, tự đại, chỉ biết đến mình mà thôi. Đến khi bệnh tật ghé

thăm, trái gió trở trời, thể thời thay đổi, nhận biết thân này không bền chắc như mình nghĩ họ mới giật mình. Thế nên người hay quán sát thân này không bền chắc thì không hành xử như vậy, họ sống khiêm hạ, cung kính và tôn trọng lẫn nhau, nhất là luôn quan tâm đến nhau.

Mạng sống của mình cũng vậy, không ai có thể biết giây phút tiếp theo mình sẽ còn hay mất. Thấy rõ sự thật này chúng ta sẽ hướng về tôn vinh những giá trị đạo đức (giữ năm giới), yêu thương, tha thứ và bao dung hơn.

Thân mạng còn không giữ được huống là ngoài thân như tài sản, tiền bạc. Vì thấy rõ tài sản không bền chắc nên học hạnh sẻ chia. Thay vì cứ khư khư nắm giữ mọi thứ để rồi cuối cùng mất trắng thì họ sẽ mở rộng vòng tay. Cho đi thực sự không hề mất, mà ngược lại cho đi chính là còn, cho nhiều là còn nhiều, còn phước đức bền vững trong mai hậu.

Mới hay, nhận ra cái không bền mà thiết lập được cái vững bền. Đó là tình người, là đạo đức và yêu thương, là tấm lòng sẻ chia luôn bền vững trong cuộc sống. Dù cuộc đời đầy biến động nhưng những giá trị đạo đức và tâm linh thì bất động, đó cũng là mục tiêu mà những người con Phật luôn hướng đến trong cuộc sống ngắn ngủi này.



Phật tử: **Trần Văn Minh**
 Pháp danh: **Nhật Nguyên Quang**



Sinh ngày 12 tháng 2 năm 1965
 tại Nại Hiên Đông, Sơn Trà, Đà Nẵng, Việt Nam
 Đã tạ thế ngày 25 tháng 9, 2021
 tại Thủ phủ Sacramento, CA, Hoa Kỳ
Hương Dương 56 tuổi

MỘT NÉN HƯƠNG LÒNG

Tiền Anh Nhật Nguyên Quang Trần Văn Minh

*Anh đi phố vắng thêm sầu
 Địu hiu gia tộc xanh đầu tiễn nhau
 Còn đây thương tiếc niềm đau*

*Kim Quang tình mãi đong đầy.
 Chung tay xây dựng một phần có anh*

*Nhật Nguyên Quang
 Quảng đại bi tâm
 Đến đi thanh thản*

*Anh nằm đó
 xin đừng lo
 Mọi sự nhỏ to
 đều được an bài
 Hãy an nhiên anh nhé
 Thông dong về cõi Phật*

*Anh đi nhật nguyệt vẫn còn
 Kim Quang Minh thoát đã tròn yêu thương.*

thơ **TÂM THƯỜNG ĐỊNH
 và NGUYỆT GIÁC NGHIÊM**

Sacramento, CA. Ngày 07/10/2021

Chuyện vui cửa Thiền

THÍCH NGUYỄN HẢI

Ngài Đức Sơn Tuyên Giám (780-865), họ Chu quê ở Kiếm Nam, Giản Châu, xuất gia lúc 20 tuổi, cùng năm ấy thọ giới Cụ túc. Sư nghiên cứu tinh thâm Luật tạng, thông suốt chỉ thú các kinh thuộc Tánh tông và Tướng tông. Vì thường giảng kinh Kim Cang Bát Nhã, nên người thời đó gọi Sư là Chu Kim Cang. Sư thường nói với đồng học: "Một sợi lông nuốt bể cả, tánh bề không thiếu; hạt cải nhỏ ném trên mũi nhọn, mũi nhọn chẳng động, học cùng không học, chỉ có ta biết thôi."

Nghe phương Nam Thiền Tông thanh hành, Sư bất bình nói: "Kẻ xuất gia muôn kiếp học oai nghi của Phật, vạn kiếp học tế hạnh của Phật, còn chẳng được thành Phật. Những kẻ ma ở phương Nam dám nói: "Trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật". Ta phải ruồng tận hang ổ của chúng, diệt hết những giống ấy để đền ơn Phật." Sư bèn khăn gói lên đường mang theo bộ Thanh Long Sớ Sao, ra khỏi đất Thục, nhằm Lễ Dương tiến bước.

Trên đường, Sư gặp một bà già bán bánh, bèn dừng nghỉ chân và bảo bà lấy ít cái bánh điểm tâm. Bà già chỉ gánh của Sư hỏi: "Gói ấy là sách vở gì?" Sư bảo: "Thanh Long Sớ Sao." Bà hỏi: "Thầy thường giảng kinh gì?" Sư đáp: "Kinh Kim Cang." Bà nói: "Tôi có một câu hỏi, nếu Thầy đáp được, tôi xin cúng dường bánh điểm tâm. Bằng đáp chẳng được, mời Thầy đi nơi khác?" Sư chịu. Bà hỏi: "Kinh Kim Cang nói quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, xin hỏi Thượng Tọa điểm tâm nào?" (1). Sư đáp không được, bèn hỏi đường lên Long Đàm để gặp Thiền Sư Long Đàm Sùng Tín.

Sau này có một vị Thầy khác cũng gặp một bà già bán bánh, và bảo bà lấy một ít cái bánh điểm tâm. Bà nói: "Trong truyện Thiền Sư Trung Hoa do Thiền Sư Thích Thanh Từ soạn dịch, có một bà già bán bánh hỏi Ngài Đức Sơn, bảo bà lấy một ít cái bánh điểm tâm. Nhưng bà già đó nói, tôi có một câu hỏi, nếu Thầy đáp được, tôi xin cúng dường bánh điểm tâm. Bằng đáp chẳng được, mời Thầy đi nơi khác? Ngài Đức Sơn đáp không được. Bây giờ Thầy có muốn tôi

hỏi Thầy không?" Vị Thầy đồng ý. Bà hỏi: "Kinh Kim Cang nói quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, xin hỏi Thượng Tọa điểm tâm nào?" Vị Thầy nói: "Sắc tức là Không, Không tức là Sắc (2), xin bà vui lòng lấy ra một ít cái bánh điểm tâm." Bà nói: "Thầy nói gì tôi không hiểu." Vị Thầy bèn đọc bài thơ của Thiền Sư Từ Đạo Hạnh (3):

"Có thì có tự mây may,
Không thì cả thế gian này cũng không.
Kìa xem bóng nguyệt dòng sông,
Ai hay không có, có không là gì."

Bà nói: "Tôi hiểu rồi. Xin mời Thầy vui lòng dùng điểm tâm."



Thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám (780—865)

* Ghi chú:

1. "Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc." Nghĩa là tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được. Khi chúng ta nghĩ đến quá khứ, nghĩ đến những kỷ niệm ngày xưa, đó gọi là tâm quá khứ. Tâm hiện tại là suy nghĩ tính toán những việc trong hiện tại. Tâm vị lai là suy nghĩ hướng đến hay là tưởng tượng những chuyện vào ngày mai, hay tương lai. Như vậy tâm luôn luôn nghĩ đến ba thời. Nhưng quá khứ tâm không thể được vì quá khứ đã qua, hiện nay nghĩ lại là nghĩ những bóng dáng không thật. Cái nghĩ duyên theo những bóng dáng đó cũng không thật, nên quá khứ tâm không thể được. Hiện tại chúng ta đang suy tính, như chúng ta tính phải làm gì trong ngày hôm nay. Chúng ta nghĩ phải làm việc này, phải làm việc kia, cái nghĩ không dừng một chỗ, nó đổi thay luôn, nó không thật, nên hiện tại tâm không thể được. Vị lai tâm không thể được, nghĩa là chúng ta suy nghĩ tưởng tượng những chuyện sắp đến, những chuyện tương lai. Sắp đến là chưa đến, chưa đến là không. Nghĩ trước những chuyện chưa đến tức là những việc không có. Nghĩa là nghĩ về cái không, thì cái đó cũng không thật. Cho nên Kinh dạy, ba cái tâm ở trong ba thời: Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai đều không thể được.

2. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Câu này trong Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, Ngài Huyền Trang dịch: "Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách. Xá Lợi Tử, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc; Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức, diệc phục như thị..." Thiền Sư Thích Nhất Hạnh dịch: Kinh Tinh Yếu Prajñā Pāramitā:

Bồ Tát Quán Tự Tại,
Khi quán chiếu thâm sâu,
Bát Nhã Ba La Mật,
Tức diệu pháp Trí Độ
Bỗng soi thấy năm Uẩn
Đều không có tự tánh.
Thực chứng điều ấy xong
Ngài vượt thoát tất cả
Mọi khổ đau ách nạn.
"Nghe đây, Xá Lợi Tử:
Sắc chẳng khác gì Không
Không chẳng khác gì Sắc
Sắc chính thực là Không
Không chính thực là Sắc
Còn lại bốn Uẩn kia,
Cũng đều như vậy cả..."

Sắc: Sanskrit, Pali: Rūpa.

Theo nghĩa rộng, Sắc là danh từ gọi chung tất cả vật chất tồn tại. Còn nói theo nghĩa hẹp, Sắc là chỉ những cảnh mà mắt thấy được. Ngữ căn của từ Rūpa là động từ Rūp (tạo hình), cho nên Rūpa hàm nghĩa "có hình dáng".

Cũng có thuyết cho rằng, ngữ căn của Rūpa là động từ Ru (hoại) cho nên có nghĩa là biến hoại, biến hóa.

Theo luận Câu Xá, thì Sắc gồm 11 thứ là: 5 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), 5 cảnh (sắc, thanh, hương, vị xúc) và Vô biểu sắc.

Ví dụ: Nước ở dạng lỏng. Ở nhiệt độ rất lạnh đóng thành băng. Ở nhiệt độ nóng, bốc thành hơi hay thành mây, chúng ta có khi thấy, có khi không thấy. Nói theo hóa học (chemistry) thì nước là hợp chất của khí Hydrogen và Oxygen (H₂O), chúng ta cũng không thấy được.

Không: Sanskrit: Sūnya. Tất cả vật tồn tại đều không có tự thể, thực thể, thực ngã... tư tưởng đó gọi là Không. Nói cách khác, "Không" là sự hư huyền không thực của sự vật, hoặc là sự rỗng lặng trong sáng của lý thể.

3. Vài nét về Thiền Sư Từ Đạo Hạnh (1072-1116)

Ngài là Thiền Sư Việt Nam, quê ở miền Bắc Việt Nam. Ngài xuất gia làm đệ tử của Thiền Sư Kiều Trí Huyền, lúc đó Ngài chưa kể ngộ. Về sau Ngài đến pháp hội của Thiền Sư Sùng Phạm và kể ngộ, trở thành một trong những đệ tử nổi tiếng nhất của Sùng Phạm tại chùa Pháp Vân. Ngài là Pháp tử đời thứ 12 dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Về sau Ngài trụ tại chùa Thiên Phúc để hoằng pháp cho đến khi Ngài thị tịch vào năm 1115. Ngài đã để lại toàn thân xá lợi. Đến khi triều đại nhà Minh xâm lăng nước Việt, họ đem toàn thân xá lợi của Ngài đốt đi.

Nguyên văn bài thơ bằng chữ Hán của Thiền Sư Từ Đạo Hạnh:

Hữu Không

*Tạc hữu trần sa hữu,
Vi không nhất thiết không.
Hữu, không như thủy nguyệt,
Vật trước hữu không không.*

Ngài Huyền Quang Đệ Tam Tổ (1254-1334) dịch là:

Có và Không

*Có thì có tự mây may,
Không thì cả thế gian này cũng không.
Kìa xem bóng nguyệt dòng sông,
Ai hay không có, có không là gì.*



MÙA NGUYÊN TRĂNG

*Tiếng chuông xưa
Vọng bên thềm
Nghe tình sử cũ qua miền ảo hư.
Bây giờ
Trời sắp tàn thu,
Trăng nghiêng bóng xuống trời mù
sương khuya.*

*Đời dù lắm nỗi nọ kia
Ngược xuôi
Cũng lắm đường chia rẽ về.
Nhưng ta còn một trời quê
Hồn lau điểm trắng tư bề thu phương.*

*Mùa trăng thuở ấy còn hương...
Mây tuôn dốc mộng,
Ngàn sương rụng sâu!
Gió về bạt đỉnh chiêm bao,
Dấu xưa
Còn tạc nguyên màu trăng xưa.*

*Trăm năm cuộc lữ
Rằng thưa;
Ta-người
Vẫn vẹn một mùa nguyên trăng!*

NHƯ MỘT MÙA THU

*Lá đã vàng rồi, thu đã sang
Phương xa lớp lớp trắng sương ngàn
Đâu đây tiếng nhạn trong chiều vắng,
Còn đọng mùa xưa những lá vàng.*

*Năm tháng hoài hương bao kỷ niệm
Lòng đời chưa ráo vết thu xưa,
Rừng phong dầu có phai màu lá,
Mạch chuyên còn xanh tiếp lại mùa.*

*Những lá vàng bay về tịch liêu
Gởi bao tâm sự lại trong chiều.
Đường mây vẫn mãi về vô tận
Còn mát, nào ai được bấy nhiều?*

*Như lịch tuần lưu của đất trời
Kiếp người muôn việc cứ dần trôi.
Nhục-vinh mấy cuộc hưng rồi phế,
Thành bại, hay chẳng tiếng ở đời!*

*Thu đã sang rồi, thu sẽ qua
Còn chăng ở lại cõi lòng ta.
Mấy mùa điểm sắc, và thu nữa...
Vẫn một tin yêu khắp vạn nhà!*

thơ MẠC PHƯƠNG TỬ

South Dakota, chớm thu 2021

TÚC SỐ TĂNG

TRONG TRUYỀN GIỚI CỤ TÚC

VÀ VẤN ĐỀ CẦN NHÌN LẠI HIỆN NAY

Chơn Trí

GIỚI LUẬT / LUẬT HỌC

Đạo Phật hiện nay được truyền bá trên một phạm vi rộng lớn về không gian và lâu dài về thời gian, truyền thống sinh hoạt của Tăng đoàn do đó cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều tùy theo điều kiện lịch sử, địa lý khu vực mà Tăng đoàn hoạt động. Đây cũng là một trong số những nguyên nhân cho sự có mặt của nhiều bộ Luật trong Phật giáo. Tuy nhiên sự sai khác giữa các truyền thống Luật tạng chỉ là những chi tiết nhỏ nhặt, còn về mặt nền tảng cơ bản thì không hề có sự thay đổi. Nhìn vào giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa, hay các pháp Yết-ma được hành trì trong mỗi bộ Luật sẽ dễ dàng nhận ra điều đó.



Việt Nam, kể từ khi các Tổ chấn hưng Phật giáo vào những năm đầu của thế kỉ 20, việc tổ chức Giới đàn, truyền thọ giới pháp cụ túc là vấn đề được đặc biệt quan tâm chấn chỉnh của thể hệ Tăng-già đương thời. Phật giáo Việt Nam hiện nay chủ yếu sử dụng hai bộ Luật chính: Truyền thống Bắc tông sử dụng bộ Luật Tứ Phần, và truyền thống Nam tông sử dụng bộ Luật Pali. Tuy mỗi truyền thống sử dụng chung một bộ Luật, nhưng việc áp dụng Luật vào thực tế thì vẫn còn nhiều sự sai khác rất đáng lưu tâm. Qua việc quan sát các giới đàn hiện nay ở Việt Nam và đối chiếu vào bốn Luật (1), người viết xin được đề cập đến vấn đề túc số Tăng trong truyền thọ Cụ túc giới hiện nay.

Giới Cụ túc 具足戒 — tiếng Phạn gọi là

upasampāda, Hán dịch là *Cận viên*, *cụ thọ viên cụ...* Có nghĩa là sự thành tựu trọn vẹn, hoặc là bước lên chỗ cao. Theo *Câu xá* giải thích, giới Tỷ-kheo sở dĩ được gọi là cụ túc, vì nó thể hiện trọn vẹn đời sống của một thánh giả A-la-hán. Còn các loại khác của Thanh văn không được gọi cụ túc, vì chúng chỉ mô phỏng một đời sống cao thượng của A-la-hán (2).

Các nhà giải thích Luật của phái Tỷ-bà-sa (Nhất thiết hữu bộ), nêu ra mười trường hợp đặc giới Cụ túc (3): 1, Tự nhiên đắc giới; 2, Kiến đế đắc giới; 3, Thiện lai Tỷ-kheo; 4, Do xác nhận Phật là Đại sư; 5, Do khéo trả lời; 6, Do thọ bát kính pháp; 7, Do gửi đại diện; 8, Do người thứ năm là người trì luật; 9, Thọ với Tăng gồm mười vị Tỷ-kheo; 10, Tam ngữ đắc giới.

Bây trường hợp đầu là những trường hợp hi hữu. Còn lại ba trường hợp sau, các bộ phái xem đó là truyền thừa chính thức. Riêng về *Tam ngữ đắc giới* thì chỉ áp dụng lúc Phật còn tại thế, và trước khi Phật quy định Bạch tứ yết-ma khi thọ Cụ túc, tức là trước khi quy định về trường hợp thứ 8 và thứ 9.

Để đắc giới, về hình thức, cần phải hội đủ các yếu tố: tư cách người thọ giới, tư cách giới sư, hành sự của Tăng hợp pháp (tức là Yết-ma như pháp).

Để Yết-ma như pháp cần hội đủ các điều kiện: Giới thành tựu, tức điều kiện giới trường; Sự thành tựu, tức giới tử không có các trường hợp trở ngại; Tăng thành tựu, tức

Tăng phải đủ túc số; Yết-ma thành tựu, túc bạch tứ Yết-ma đúng pháp (4).

Túc số Tăng trong bạch tứ Yết-ma truyền giới cụ túc là 10 vị Tỷ-kheo ở những nơi đô thị, nơi có thể tập họp Tăng đủ số 10 người. Ở những vùng biên cương, không thể tập họp được Tăng 10 người thì chỉ cần 5 người, trong đó có ít nhất một người thông suốt Luật. Như vậy có thể hiểu, ở những vùng biên cương, số lượng Tăng ít, thì có thể được cho phép thọ giới với túc số Tăng 5 vị. Hiển nhiên thời Phật tại thế, việc trú xứ này đến trú xứ khác rất khó khăn, việc tập họp Tăng khá là trở ngại do các điều kiện khách quan cũng như chủ quan. Ví dụ, trú xứ này muốn tổ chức truyền giới Cụ túc nhưng không đủ 10 vị Tỷ-kheo, phải đến trú xứ khác thỉnh cầu, nếu cho khoảng cách giữa hai trú xứ là vài do-tuần, một do-tuần khoảng 10 ki-lô-mét (5), đi bộ sẽ mất nhiều ngày, rồi Tăng từ trú xứ được thỉnh cầu lại đi đến trú xứ này để tác pháp thì mất thêm rất nhiều thời gian, hoặc dễ xảy ra các nạn sự, thậm chí không đảm bảo được sự an toàn dọc đường, chưa kể là đến trú xứ khác chưa chắc đã gặp được Tỷ-kheo ở đó, vì thời bấy giờ không có phương tiện thông tin liên lạc để báo trước, trong khi Tỷ-kheo thì thường "du hóa trong nhân gian". Vì vậy mà Phật mở ra sự đặc cách túc số 5 vị truyền giới mà bản thể Tỷ-kheo của giới tử vẫn thành tựu.

Ngày nay, việc di chuyển từ trú xứ này đến trú xứ khác không còn thật sự khó khăn nữa, nhất là việc đi lại trong một đất nước thì vô cùng đơn giản, chỉ cần vài tiếng đồng hồ đi xe, hoặc vài tiếng đi máy bay, tàu lửa... thì đã đến địa phương cách xa vài ngàn cây số. Việc cầu thỉnh Tăng từ đó cũng dễ hơn rất nhiều. Cơ chế Tăng đoàn ở Việt Nam hiện nay được phân nhỏ đến cấp huyện, nhưng việc sinh hoạt theo trú xứ thì tập trung theo cấp tỉnh thành. Tức là việc tổ chức giới đàn, an cư, tự tứ... sẽ tập trung Tăng theo trú xứ của tỉnh, một tỉnh được hiểu như là một trú xứ của Tăng. Thế nhưng hiện nay, một số tỉnh thành vẫn áp dụng việc truyền giới với túc số Tăng là 5 vị, với lý do là vì tỉnh đó không đủ 10 vị Tỷ-kheo đủ tư cách làm "giới sư", hoặc là Tăng ở đó không có đủ túc số 10 vị, thậm chí đó là những tỉnh thành "đô thị". Chúng ta dễ dàng nhận thấy một nghịch lý ở đây, trong khi các buổi lễ hành chánh của Phật giáo tỉnh đó, dù xa xôi như thế nào thì ở những hàng ghế chứng minh vẫn trên 10 vị tôn túc, như vậy có nghĩa ở đó vẫn cầu thỉnh được Tăng từ trú xứ khác đến trú xứ của mình. Vậy thì sao trong việc truyền giới lại có lý do là trú xứ không đủ túc số Tăng 10 vị? Đây là một vấn đề cần được quan tâm.

Bàn rộng thêm vấn đề Túc số trong giới đàn. Hiện nay, các giới đàn ở Việt Nam thường có thêm các vị dẫn thỉnh và các vị

giám đàn. Mục đích vị dẫn thỉnh là để hướng dẫn các giới tử lặp lại cách nói để tránh việc lộn xộn, các vị giám đàn thì nhằm tạo thêm không khí trang nghiêm cho đàn tràng. Tuy nhiên cần phải hiểu những người này không nằm trong túc số Tăng truyền giới, dù Luật nói 10 vị là túc số tối thiểu, nhiều hơn cũng không trái luật. Giới trường truyền giới thường là Chánh điện của chùa. Nếu những vị này ngồi chung trong một giới trường, mà họ lại không được kể trong túc số truyền giới, tức không dự vào các pháp Yết-ma lúc đó, thì dẫn đến việc hình thành hai Bộ Tăng trong một giới trường, như vậy Yết-ma sẽ phi pháp vì có sự biệt chúng. Đây là một điểm tế nhị. Nhưng nếu để vị trí của họ bên ngoài giới trường, tức ngoài chánh điện thì việc dẫn thỉnh cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Cho nên vấn đề sắp xếp vị trí của những vị này cũng cần phải được lưu tâm. Trường hợp nếu sắp xếp họ ngồi chung trong giới trường, thì các vị này phải ngồi yên một chỗ và phát tâm tùy hỷ, không được đứng hay qua lại, hay lộn xộn trong lúc Tăng Yết-ma.

Tóm lại, *Tăng-già là mạng mạch của Phật Pháp*, tức là sự tồn tại của Tăng chính là sinh mạng của Phật Pháp, bởi lẽ Tăng tồn tại thì chánh pháp của Phật giảng dạy còn có người tu chứng và hoằng truyền, do đó mà chánh pháp vẫn luôn được duy trì giữa thế gian. Tăng tồn tại chính là bản thể của Tăng được thành tựu. Bản thể Tăng được thành tựu chính là các vị Tỷ-kheo đặc giới như pháp. Để đặc giới như pháp thì ngoại trừ các vị Thánh giả vô học đã chứng đắc Thánh quả, số còn lại phải do Yết-ma như pháp. Để Yết-ma được như pháp thì phải hiểu và thông suốt Luật. Vì vậy, *thọ giới, học giới, trì giới* là bốn phận của một vị Tỷ-kheo cần phải được vẹn toàn. Chánh pháp thịnh hay suy, cũng do đây mà quyết định vậy.

- 1) Đại tạng T1428 四分律 . Xem thêm: Thích Đồng Minh (dịch) (2010). Luật Tứ phần. Thích Nguyên Chứng, & Thích Đức Thắng (hiệu đính và chú thích). Nxb Phương Đông.
- 2) Thích Trí Thủ (2011). Yết ma yếu chỉ. Thích Đồng Minh, & Thích Tuệ Sỹ (đồng biên tập). Nxb. Phương Đông. Tr. 122
- 3) Sđd. Tr. 127.
- 4) Sđd, tr.139.
- 5) Cách tính do-tuần, xem thêm: Hồ Đắc Túc (2021). Những bước chân ngàn dài. Nxb. Hồng Đức.

BỐN MẶT BUỒN

Tay chạm đá, nỗi đau vào thân phận
Bayon bốn mặt buồn
Làm sao gửi vào bốn phía?
Mấy ngày buông...

Trời cứ xanh,
Cứ nắng, cứ gió
Hạt mưa ngày chạm
Đá long lanh!

Nụ cười môi dẫu rêu
Thời gian hạt bụi,
Ngàn năm bóng ngã
Phận người hắt hiu?

Trượt vào vương triều ánh sáng
Đá vỡ rạn,
Tạc dáng người
Nụ cười
Phiêu bay.

Bốn mặt, nét môi ném đủ vị buồn
Một ngày sương,
Một ngày nắng,
Mấy ngày mưa vương?

Nỗi buồn cô đặc hóa đá
Tôi gặp em ngày nước mắt
Môi mặn buồn trong nắng hanh khô...

NGÀY SINH TRĂNG

Rằng xưa trăng xuống hồ sen lạ
Một mỏng manh và một mỏng mong
Nguyệt biếc đêm cài trăng ửng lá
Ngày sen thơm tuổi bóng bông bong!...

VIẾNG

viếng thăm. Phật bận đi xa
còn ta nhật ánh nắng tà tà buông
lòng không kinh kệ, nghe chuông
cổng chùa khép mở nỗi buồn hóa duyên...



TÔI RỬA TÔI

Một ngày,
hình như...
mới thôi!
qua sông tôi rửa
cái tôi nhọc nhằn?

Trôi đi,
bụi bán
phù vân
hình như chợt nhẹ
những sân si đời?

Bước lên,
giọt nắng
xuân ngời
cái tôi bỗng nhẹ
bời bời gió thơm...

KHÔNG ĐỀ

Tàn bữa rượu tóc thêm sợi bạc
Mất một vài người đối trá sân si
Ta kiếm lại hóa đơn... tình bạn
Chủ quán tỉnh làm. Kẻ lừa đảo bỏ đi!

thơ

TRẦN HOÀNG VY

BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

Phương pháp phát triển tình thương là metta-bhavana, thiền niệm tâm từ, một trong những loại thiền quan trọng nhất của Phật giáo. Thiền niệm tâm từ bắt đầu bằng cách phát triển tình thương cho chính bản thân mình (6). Chúng ta nên lấy chính mình làm đối tượng đầu tiên của tâm từ vì tình thương chân thật đối với tha nhân chỉ có thể thực hiện được khi chúng ta có thể cảm nhận được tình thương chân thật về chính mình. Cổ lệ hầu hết những giận dữ và căm hờn mà chúng ta dành cho người khác phát sinh từ những thái độ phản kháng chúng ta cố giữ cho chính mình. Khi tình thương hướng về bên trong cho chính mình, nó sẽ làm tan rã lớp vỏ khô cứng được tạo ra bởi những thái độ phản kháng này và cho phép lòng tốt và sự đồng cảm dễ dàng trải rộng ra bên ngoài.

Khi chúng ta đã thực hành được cách nhen nhóm cảm giác tâm từ cho chính mình sau đó là mở rộng đến người khác. Mẫu chốt của sự trải rộng tâm từ là sự thay thế nhận thức chủ quan bằng sự mở rộng của tâm từ, nhận thức chủ quan sẽ vượt qua giới hạn thông thường của nó và học tập sự tương đồng với tha nhân. Phương pháp trên chỉ là sự thay thế bằng tâm lý, hoàn toàn không lệ thuộc vào những định đề thần học hay siêu hình như khái niệm “bản ngã có mặt khắp nơi trong tất cả chúng sinh”. Thay vào đó nó diễn tiến từ một lối suy nghiệm đơn giản và dễ hiểu cho phép chúng ta chia sẻ sự chú quan của người khác và trải nghiệm về thế giới (tối thiểu bằng tưởng tượng) theo quan điểm riêng tư của họ. Trình tự bắt đầu với chính mình. Nếu chúng ta nhìn vào trong tâm

của mình thì chúng ta nhận thấy nhu cầu mạnh mẽ căn bản của chúng ta là muốn có hạnh phúc và không bị đau khổ. Ngay khi chúng ta thấy điều này trong chính mình, lập tức chúng ta hiểu được tất cả chúng sinh có chung cùng một mong ước căn bản như nhau. Tất cả đều mong muốn sức khỏe, hạnh phúc và an toàn. Để phát triển tâm từ hướng đến người khác, những gì phải làm là tưởng tượng cùng chia sẻ hạnh phúc theo sự mong ước bẩm sinh của họ. Chúng ta dùng sự mong muốn hạnh phúc của riêng mình như cái chìa khóa, cảm nhận sự mong muốn của mình giống như nhu cầu mong muốn của người khác, rồi quay về lại chính mình và cầu mong họ đạt được mục đích tốt nhất với họ, được sức khỏe và hạnh phúc.

Bắt đầu cho sự truyền tải tâm từ theo đúng phương pháp, được thực hành bằng cách hướng thẳng tâm từ đến

những cá nhân đại diện cho nhóm người nào đó. Những nhóm người này được sắp xếp theo thứ tự tiệm tiến từ thân đến sơ nhưng bắt đầu phải từ chính mình. Sự truyền tải tâm từ đến tha nhân được bắt đầu với một người thân, ví dụ như cha hay mẹ hay một vị thầy, rồi tiếp đến một người bạn, một người quen bình thường và cuối cùng một kẻ thù địch. Mặc dầu những hạng người trên được xác định bằng sự quan hệ giữa họ với mình nhưng tình thương cần phát triển lại không căn cứ trên liên hệ đó mà trên nguyên vọng hạnh phúc thông thường của mỗi người. Đối với mỗi cá nhân chúng ta phải chú tâm tập trung vào hình ảnh của họ và truyền tải ý nghĩ: “Mong anh ấy (chị ấy) được sức khỏe! Mong anh ấy (chị ấy) được hạnh phúc! Mong anh ấy (chị ấy) được bình an!” (7). Đến khi nào chúng ta tạo ra được một cảm giác nồng



hậu của thiện chí và lòng tốt liên tục hướng về người ấy không gián đoạn thì mới chuyển sang người khác. Khi đã đạt được kết quả với cá nhân, chúng ta có thể bắt đầu với những đơn vị lớn hơn. Chúng ta có thể thực hiện phát triển tâm từ với tất cả bạn bè, tất cả những người quen biết bình thường, những người thù nghịch. Theo tuần tự, tâm từ có thể truyền tải rộng ra khắp các phương hướng, tiến hành theo các phương hướng khác nhau: đông, nam, tây, bắc, trên và dưới; tuần tự, tâm từ có thể truyền tải rộng đến tất cả chúng sinh không phân biệt. Cuối cùng, chúng ta có thể làm cho tâm thương yêu "bao la, cao thượng và vô hạn, không còn hận thù hay ghét bỏ" tràn ngập khắp cả thế giới.

Chủ Đích Vô Hại

Chủ đích vô hại là ý nghĩ được hướng dẫn bởi tâm bi mẫn (karunà), đánh thức sự chống lại những ý nghĩ độc ác, hung dữ và bạo tàn. Tâm bi mẫn hỗ trợ bổ sung cho tâm từ. Trong khi tâm từ có đặc tính là ước mong cho hạnh phúc bình an của người khác, tâm bi mẫn có đặc tính ước mong rằng người khác không bị đau khổ, sự ước mong không có giới hạn dành cho tất cả chúng sinh. Tự như tâm từ, tâm bi mẫn phát sinh bằng cách đi vào trạng thái chủ quan của người khác, chia sẻ nội tâm của họ một cách sâu xa và trọn vẹn. Nó xuất phát từ suy nghĩ tất cả chúng sinh, như chúng ta, ai cũng mong ước không bị đau khổ. Mặc dầu có những ước mong đó, họ vẫn tiếp tục bị dày vò bởi đau đớn, sợ hãi, buồn phiền và những hình thức đau khổ khác nữa.

Để phát triển tâm bi mẫn bằng thiền tập, phương pháp hiệu nghiệm nhất là bắt đầu thực tập với một người đang thật sự bị đau khổ. Bởi vì hoàn cảnh này cung cấp cho ta một đối tượng tự nhiên để thương xót. Chúng ta suy nghĩ về nỗi khổ của người này, hoặc trực tiếp hay tưởng tượng, rồi suy nghĩ người ấy cũng giống như mình, cũng mong ước không bị đau khổ. Sự suy nghĩ này cần phải lặp đi lặp lại và suy tư được thực tập liên tục, cho đến khi một cảm giác bi mẫn mãnh liệt dâng trào trong tim. Rồi hãy dùng cảm giác đó như một tiêu chuẩn, chúng ta hướng đến nhiều cá nhân khác nhau, suy nghĩ xem mỗi người đang bị đau khổ như thế nào và truyền tải tâm bi mẫn dịu dàng đến họ. Tăng



thêm chiều rộng và cường độ của tâm bi mẫn sẽ có ích khi chúng ta suy nghĩ về nhiều nỗi khổ khác nhau mà chúng sinh thường gặp phải. Thánh đế đầu tiên liệt kê những phương diện khác nhau của khổ là một hướng dẫn lợi ích cho phần mở rộng này. Chúng ta suy nghĩ tất cả chúng sinh phải bị già, bị bệnh hoạn, rồi chết, rồi thất vọng, than vãn, đau đớn, buồn phiền và tuyệt vọng, vân vân.

Khi đã đạt đến sự thành công ở trình độ cao của tâm bi nhờ sự suy nghĩ

về các chúng sinh đang bị hành hạ bởi đau khổ, chúng ta có thể tiếp tục suy nghĩ về những người đang hưởng hạnh phúc mà họ giành được bằng những phương tiện vô đạo đức. Chúng ta có thể suy nghiệm rằng những người như vậy, mặc dầu có được sự giàu có nhất thời nhưng chắc chắn trong đáy lòng họ không bao giờ bình yên vì bị lương tâm dẫn dắt. Ngay cả họ không thể hiện những triệu chứng đau khổ ra ngoài, giữ thầm kín bên trong nhưng chúng ta biết cuối cùng họ sẽ gặt quả đắng từ những hành động bất thiện của họ và nó sẽ làm cho họ đau khổ vô cùng. Sau hết, chúng ta có thể mở rộng suy nghĩ của chúng ta đến khắp tất cả chúng sinh. Chúng ta nên suy nghĩ đến tất cả sinh vật đều chịu chung đau khổ, bị thúc đẩy bởi tham sân si trong vòng luân hồi sinh tử. Giai đoạn đầu, nếu thấy khó phát sinh lòng bi mẫn cho những người xa lạ, chúng ta có thể suy nghiệm về lời dạy của Đức Phật tuyên bố rằng trong vòng tái sinh không đâu mỗi, khó tìm thấy ai đó trong đời chưa phải là mẹ hay cha, anh hay chị, con trai hay con gái của chính mình.

Tóm lại, chúng ta thấy ba loại chánh tư duy: ly dục, thiện tâm vô sân và vô hại, đối kháng với ba chủ tâm sai lầm của dục vọng, bất thiện tâm và tàn hại. Quan trọng là luyện tập sự suy nghĩ dẫn đến sự phát sinh những tư duy này, chứ không được cường điệu hoá lý thuyết lên. Sự suy nghĩ được dạy như là phương pháp để tu tập chứ không phải chỉ là những cuộc tham quan trên lý thuyết. Để phát triển chủ tâm ly dục chúng ta phải suy nghĩ về những đau khổ trói buộc vì sự tìm kiếm những lạc thú ở trần gian; để phát triển chủ ý thiện tâm vô sân chúng ta phải suy nghĩ tất cả chúng sinh đều ước mong hạnh phúc như thế nào; để phát triển chủ tâm vô hại chúng ta phải suy nghĩ tất cả chúng sinh đều ước mong được không bị đau khổ như

thể nào. Ý nghĩ độc hại giống như một cây cột mục nát trong tâm. Ý nghĩ thiện giống như một cây cột mới thích hợp để thay thế cây cột hư mục. Hành động suy nghĩ thật sự đóng vai trò như một cái búa dùng để chặt bỏ cột cũ thay bằng cột mới. Công việc lắp đặt cây cột mới vào là thực hành: làm đi làm lại, nhiều lần cần thiết để thành công. Đức Phật bảo đảm với chúng ta rằng chiến thắng có thể đạt được. Ngài dạy rằng khi ta suy nghĩ điều gì thường xuyên nó sẽ trở thành khuynh hướng của tâm. Nếu chúng ta thường xuyên suy nghĩ về nhục dục, thù nghịch hay ý tưởng tàn hại thì dục vọng, ác ý và tàn hại sẽ trở thành khuynh hướng của tâm. Nếu chúng ta thường xuyên nghĩ theo chiều ngược lại thì ly dục, thiện tâm vô sân, vô hại sẽ trở thành khuynh hướng của tâm (Kinh Song tâm—Trung bộ 19). Khuynh hướng chúng ta chọn luôn luôn quay lại với chúng ta, quay lại từ những chủ đích mà chúng ta tạo ra từ lúc này đến lúc khác trong quá trình sống của mình.

Chú thích Chương III

6. Điều này có vẻ ngược lại những gì chúng ta nói ở phần trước, tâm từ (metta) là không bị lệ thuộc vào chính mình. Tuy nhiên sự trái ngược chỉ ở bề ngoài, bởi vì khi phát triển tâm từ cho chính mình, chúng ta quan tâm đến mình như một đối tượng khách quan, như ngôi thứ ba. Hơn nữa, tâm từ được phát triển không phải là sự ôm giữ bản ngã nhưng là một ước vọng vị tha khách quan cho sự khỏe mạnh và hạnh phúc cho chính mình.

7. Bất cứ phương thức nào thấy có hiệu quả cũng có thể dùng thay cho phương thức nêu ra ở đây. Phương thức xử lý đầy đủ, xem Nānamoli Thera, The Practice of Lovingkindness, Wheel No.7. (Sự Thực Hành Tâm Từ, tập san Wheel. số 7.)

(còn tiếp)

HƯƠNG KINH ĐÊM

*Chuông ngân rơi chạm giấc mơ...
 Không gian lắng đọng tiếng thơ mượt mềm
 Hoàng hôn buông gió ru đêm
 Hương quỳnh sương dẫm bên thềm thoảng lơ
 Trăng vàng mơ khúc Thu rơi
 Lung linh ánh bạc toả ngời tịch liêu
 Hương kinh lấp lánh tin yêu
 Cửu trùng khẽ nhấp sóng triều lênh đênh
 Dương gian muôn lối gập ghềnh
 Tiếng linh hồn vọng mộng mênh cỏi nguồn
 Trăm luân bão gió mưa tuôn
 Điệp trùng sóng sánh nhịp buồn bể dâu
 Chuông chùa vang vọng kinh cầu
 Qua bờ giếng tổ đềm thâu vô thường
 Gian trần nơi chốn nấu nung
 Tử qui hoan lạc ánh dương nhiệm mầu.*

ÁNH TRĂNG THU BUỒN

*Thu xưa Nguyệt toả ánh vàng
 Hàng Nga mơ mộng... dịu dàng dễ thương
 Đàn em nhỏ khắp bốn phương
 Rước đèn, vui hát trên đường múa lân
 Đêm Thu ánh ngọc trong ngần
 Trẻ, già phá cỗ ngoài sân tươi cười
 Mùa trăng sáng đẹp tuyệt vời
 Toả hồng mơ ước... đất trời bao la
 Thu nay Covid tràn qua
 Chị Hằng mắt lệ nhạt nhoà mưa bay
 Phố buồn quạnh vắng ngủ say
 Giật mình còi hú*... đắng cay cõi lòng
 Trẻ thơ tan giấc mơ hồng
 Không quà, không bánh, đèn lồng hát ca
 Bé ngồi nhìn hạt mưa sa
 Bóng trăng hun hút, cây đa khuất mờ
 Bé chấp tay nguyện ước mơ...
 Quê hương, đất nước bến bờ an vui
 Xua tan dịch bệnh qua rồi
 Đón mùa Thu đến bé cười rước trăng.*

thơ NHẬT QUANG

* (tiếng còi xe cứu thương)

PHÁP ĐANG Ở...

Thích Thanh Thắng

Sao anh không hiểu tôi nói gì vậy? Vì tôi không hiểu anh đang nói cái gì? Nói không hiểu thì không hẳn vậy, mà bởi anh không nói cái điều tôi muốn hiểu thôi.

Khi nào ta chỉ muốn nghe điều người khác nói cho ta hiểu thì ta ngang bằng với cái hiểu ấy. Nếu đã ngang bằng trong cách hiểu như thế thì ta chỉ cần nói với chính ta thôi là được rồi, tìm thêm một người nói ra cái như ta đã hiểu thì giống như in nổi bản thêm một cuốn sách đó thôi.

Cho nên nghe đọc cũng là một cách đóng dấu mộc cho tư duy, hiểu biết của mình. Đôi khi sách và ông thầy chỉ bước vào tư duy của ta bằng xác chết của ngôn từ, nếu ta chỉ biết chấp chặt vào đó. Đây là lý do Mạnh Tử nói: "*Trọn tin vào sách chẳng bằng không có sách*". Bởi dầu gì khổ là sự thật phải thấy nó xảy ra nơi chính mình.

Sách và ông thầy ngang với tầm hiểu của ta nhưng sách và ông thầy không phải sự khổ đang xảy ra với ta. Đó là lý do khi bị thương thì không nên hỏi mũi tên độc kia từ đâu bay tới và bằng cách nào cắm vào thân mình. Bởi vì trước khi tìm ra nguyên nhân thì độc chất kia đã ngấm sâu vào não tủy rồi.

Pháp nào cũng là một sự thật đang xảy ra, như hạt giống có chắc có lép, như sinh thể có trí có ngu... Hạt giống chắc tưới nước vào sẽ nảy mầm, hạt giống lép tưới bao nhiêu cũng vô ích. Do đó, tin người khác nói mà không biết nó có xảy ra thực với chính mình hay không thì chỉ là tin một cách mù quáng viển vông thôi.

Tử điển Phật học nói, Pháp số Phật học nói, nói bằng kiến giải của hàng trăm luận sư, dịch giả nổi tiếng, ta có viết có nói gì cũng như mặc áo không qua khỏi đầu thôi. Chẳng hạn cái kho kiến giải ấy nói: thiên nhãn minh là thấu hết không gian tương quan của vạn vật; túc mạng minh thấu hết thời gian liên tục của vạn vật...

Với ta, ta sẽ hỏi, tóm hết cái không gian vô tận, thời gian vô cùng ấy vào hạt cò để làm gì? Để thấy cái xa xôi nó gần gũi lắm. Bởi ta cũng như hạt cò, thời gian không gian cũng là pháp xảy ra ở chính mình.

Thọ mạng chúng sinh dài ngắn khác nhau, không gian chúng sinh nóng lạnh khác nhau. Bắt đây bỏ kia sinh ra phiền não đau khổ. Nếu một con muỗi mà sống đến 3 vạn 6

ngàn ngày, thì nhân loại này ai sống được với chúng. Nhưng cả loài muỗi thì nó sống tiếp nối đến hàng triệu năm...

Cùng hiểu Phật học như nhau nhưng người sống ở vùng sơn bản khác với người sống ở vùng trũng trọt, cho nên dù lý có thống nhất thì sự (pháp) nói ra cũng có khác biệt. Phật có lậu tận mình nhưng khi sống ở mỗi vùng dân cư khác nhau thì nói pháp khác nhau từ kinh đánh xe bò đến kinh vắt sữa dê...

Vì tâm và pháp là những sự thật xảy ra nơi chính mình. Bởi thế trong kinh Pháp Hoa mới nói "hàng ngày nương pháp ở", "thường đối với người sinh lòng từ"...

Ở xứ ngu nương pháp ngu ấy mà độ, đó là pháp vị của giải thoát, bởi trong không gian vô cùng có không gian đang ở, trong thời gian vô tận có thời gian hiện còn. Đang ở và hiện còn là pháp xảy ra nơi chính mình. Cho nên đọc bao nhiêu kinh nói về vô thường sinh tử nhưng vẫn đau thương khi mất cha mẹ. Ngay cả đệ tử Phật biết bao vị chứng thánh quả nhưng khi chứng kiến Phật diệt độ cũng khóc thương đến độ bật cả máu mắt.

Thường đối với đời sinh lòng từ là pháp chuyên chở và xoa dịu hết thảy khổ ách. Vô lượng thời gian và vô lượng không gian cũng là tâm pháp đang xảy ra bên nhau trong cái không gian đang ở và cái pháp hiện còn này.

Tôi không thể khóc cha mẹ anh như tôi khóc cha mẹ tôi. Vì pháp ở là pháp khổ đau xảy ra trong chính tôi. Không gian là vô tận nhưng tôi không thể sang vườn nhà anh cắt cỏ. Khi tôi cắt cỏ, cỏ có đau không? Cỏ đau như chính tôi đau khi bị cắt. Cỏ cũng phải sống trong cái pháp đang ở đó mà tồn tại, chấp nhận khi cỏ úa vàng lúc cỏ xanh mướt theo mùa. Như tôi đang sống trong không gian này quốc độ này, chịu nắng mưa, luật lệ, vi khuẩn, độc chất, thiên tai, nhân họa vậy.

Cho nên đạo Phật là sống đạo chứ không chỉ là cái học để có bằng cấp. Sống đạo là thực chứng với pháp đang ở và cái hiện còn.

Tiếng con chim hót vui ríu rít gọi bạn khác với tiếng kêu của chim mẹ lạc mất con. Điều vui buồn ta nói ra hàng ngày cũng là pháp ở. Thấy được khổ đau trong chính mình thì cũng đồng cảm được khổ đau của người khác. Đồng cảm thì sẵn lòng cho người khác cơ hội sửa chữa sai lầm, đừng dồn ai vào đường cùng. Đó cũng là "thường với người đời sinh lòng từ."

Phật thuyết thiên kinh vạn quyển cũng chỉ nhằm thiết lập đạo tràng ở Tứ đức cứu độ "Tử, Bi, Hỷ, Xả", cùng với 4 sự thật: Khổ, nguyên nhân của sự đau khổ, trạng thái đau khổ diệt mất, và phương pháp diệt trừ nguyên nhân ấy...

Từ cú lục bát "MÁI CHÈO"

QUÃY

Trùng trùng cây lá động hang
Chim kêu vượn hú ngân vang sớm chiều
Một thuyền một mái quẫy chèo
Bờ mê bờ giác nhẹ hều thanh tâm.

PHƠI

Ngược dòng quá khứ lãng xãng
Tay nom tay vớt, bóng trăng, mái chèo
Văn chương, hể, ré hơn bè
Vớt gom phơi ráo phì phèo ngâm nga...

ĐẠO HẠNH

Huy hoàng thế thưở rong rêu
Bồ đề tỏa bóng, mái chèo hạnh hương
Trí đấng ngồi sáng nẻo đường
Tịnh Thiên sự lý viên dung nhiệm màu.

DƯỚI CẦU

Ván hương bắc nổi cửa thiền
Từ Bi Hỷ Xả trợ duyên học trò
Ghe chèo lòng đã nở hoa
Lặng nghe con nước hiền hòa reo vui...

HÒA

Tình ca già biệt thanh xuân
Mênh mông biển cả trập trùng âm ba
Quán thân bất tịnh trẻ già
Mái chèo buông thả, tâm hòa với tâm.

thơ

TÂM KHÔNG
VĨNH HỮU

NÂU SÔNG

Biển sông đón một mái chèo
Chân không lên đỉnh cheo leo hành trì
Nâu sông bạc thếch mà đi
Vướng chi hào nhoáng, bám gì phẩm danh?

MỘNG

Rồi nằm mộng thấy con sông
Chiếc đò không chủ giữa dòng lênh đênh
Tôi ôm rác rưởi lênh bênh
Mái chèo ai giấu tận trên chùa thầy...

ĐƯỜNG VỀ

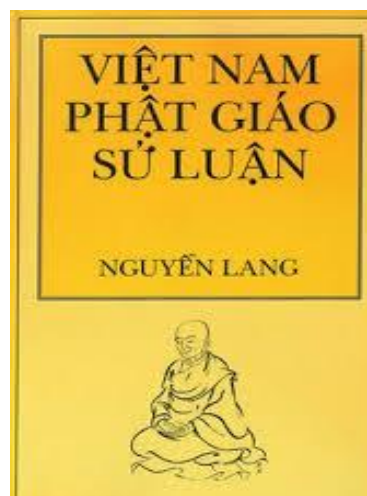
Ngày qua, qua tiếp chuỗi ngày
Mái chèo đã nặng đôi tay giang hồ
Đường về nước xoáy sóng xô
Hát vang tâm khúc đôi bờ tử sinh.



CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

(Chương XXXVIII,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

THÔNG CÁO CHUNG

Rất lo ngại về một cuộc bùng nổ lớn vào ngày 16.6.1963, chính quyền đề nghị cấp tốc mở cuộc thương thuyết giữa Ủy ban Liên phái và Ủy ban Liên bộ để giải quyết những nguyện vọng của Phật giáo. Giới lãnh đạo Phật giáo sẵn lòng chấp nhận sự cộng tác để không đi ngược với tinh thần bất bạo động. Được lệnh của tổng thống Ngô Đình Diệm, Ủy ban Liên bộ do phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ lãnh đạo yêu cầu hai bên họp liên tiếp cả ngày lẫn đêm tại Hội trường Diên Hồng để mau chóng đi đến một giải pháp. Phái đoàn của Ủy ban Liên bộ, ngoài trưởng đoàn là ông Nguyễn Ngọc Thơ còn có ông Nguyễn Đình Thuận, bộ trưởng Phủ Tổng Thống, ông Bùi Văn Lương, bộ trưởng Bộ Nội vụ. Về phía phái đoàn Ủy ban Liên phái có thiền sư Thiện Minh làm trưởng phái đoàn, các thiền sư Thiện Hoa và Tâm Châu làm đoàn viên, thiền sư Huyền Quang làm thư ký và thiền sư Đức Nghiệp, phụ tá thư ký. Buổi họp đầu tiên bắt đầu từ ngày 14.6.1963. Ủy ban Liên bộ được lệnh phải ký kết một bản thông cáo chung trước ngày 16.6.1963 cho nên đã cật lực làm việc: Sau năm buổi họp, cộng tất cả là 30 giờ làm việc, một bản Thông Cáo Chung được ký kết vào lúc hai giờ sáng ngày 16 tháng 6 năm 1963.

Bản Thông Cáo Chung: 1/ Quy định thể thức treo cờ Quốc gia và cờ Phật giáo; 2/ Tách các hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi Đạo dụ số 10; 3/ Cam kết không trả thù những người tham gia cuộc vận động thực hiện năm nguyện vọng và điều tra các vụ khiêu nại của Phật giáo; 4/ Bảo đảm quyền tự do truyền giáo và hành đạo của Phật giáo; và 5/ Trừng phạt những người có trách nhiệm trong vụ thảm sát tại đài phát thanh

Huế cùng bồi thường cho gia đình các nạn nhân.

Cuối Bản Thông Cáo Chung có chữ ký khán duyệt của thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, và của tổng thống Ngô Đình Diệm (11).

Đứng về phương diện thương thuyết, bản Thông Cáo Chung là một thắng lợi lớn của bên Phật giáo. Nếu chính quyền thực tâm thi hành những điều đã thỏa hiệp với thông cáo này thì Phật giáo đồ sẽ không còn có lý do tiếp tục cuộc tranh đấu. Giới lãnh đạo Phật giáo không tin tưởng ngay thơ rằng chính quyền sẽ quyết tâm thực hiện bản Thông Cáo Chung, nhưng nguyên tắc tranh đấu bất bạo động bắt buộc họ phải tôn trọng phía đối phương: Theo nguyên tắc này chỉ khi nào đối phương không giữ lời hứa mình mới có thể buộc họ là không thành thực. Trong cuộc hội họp của Ủy ban Liên phái vào bốn giờ sáng ngày 16.6.1963 tại chùa Xá Lợi, nhiều vị lãnh đạo đã tỏ ý lo ngại về sự thành thực của phía chính quyền. Thiền sư Thiện Minh, trưởng phái đoàn của Ủy ban Liên phái, sau khi giải thích về thái độ quân tử cần có trong tinh thần tranh đấu bất bạo động, đã nói với các vị có mặt trong buổi họp: "Nếu chúng tôi có những sai lầm trong việc ký kết bản Thông Cáo Chung thì chúng tôi nguyện dùng thân này để đền đáp lòng kỳ vọng của Phật giáo đồ" (12).

Thông Cáo Chung được ký kết sáu giờ đồng hồ trước khi tang lễ thiền sư Quảng Đức được cử hành. Chính quyền ra lệnh loan truyền ngay bản Thông Cáo Chung này ngay trong đêm đó bằng xe phóng thanh của bộ Thông tin. Điện tín báo tin về bản Thông Cáo Chung được chính phủ đánh đi các tỉnh tới tấp và đài phát thanh Sài Gòn loan tin này từ

khi trời còn lờ mờ sáng.

Lúc này đại lão thiền sư Tịnh Khiết đã từ Huế về tới Sài Gòn. Thuận theo lời khẩn khoản của chính quyền, thiền sư ra lệnh hoãn tang lễ thiền sư Quảng Đức lại để tránh những điều có thể tổn thương đến tinh thần Thông Cáo Chung. Nhưng quần chúng không tin đài phát thanh và loa phát thanh. Vào lúc tám giờ sáng, số người tại thủ đô kéo nhau ra đường Phan Thanh Giản để chờ đợi tham dự tang lễ đã lên tới bảy trăm ngàn người. Chính quyền khẩn khoản nhờ Ủy ban Liên phái đứng ra giải thích cho quần chúng để xin quần chúng trở về. Thiền sư Tâm Giác được lệnh Ủy ban Liên phái lên đứng trên mui một chiếc xe, dùng máy phóng thanh báo tin cho quần chúng biết việc ký kết bản Thông Báo Chung là có thật. Lúc ấy đồng bào mới tin và mới bắt đầu lục tục giải tán.

Ngày 17.6.1963, thiền sư Tịnh Khiết ra thông bạch gửi toàn thể Phật giáo đồ trong nước, báo tin về những thắng lợi đã đạt được trong bản Thông Cáo Chung và kêu gọi Phật giáo đồ "trở lại nếp sống bình thường, thành tâm cầu nguyện cho bản Thông Cáo Chung, một văn kiện cam kết long trọng giữa chính phủ và Phật giáo được thi hành nghiêm chỉnh." Tuy nhiên, thiền sư không quên đặt vấn đề thực thi Thông Cáo Chung: "Một điều quan trọng mà tất cả tăng ni và Phật tử đều thắc mắc tự hỏi: Liệu những lời cam kết được ghi trong bản Thông Cáo Chung này có được thực thi đúng đắn khắp nơi trong nước hay không? Điều đó còn đợi thời gian trả lời. Tuy nhiên, chúng ta tin tưởng ở lời cam kết của tổng thống và Ủy ban Liên bộ; nếu những điều cam kết không được thực thi đúng đắn thì đó không phải là trách nhiệm của chúng ta" (13).

THÔNG CÁO CHUNG KHÔNG ĐƯỢC THỰC THI

Tuy nhiên ông Ngô Đình Nhu, cố vấn tối cao của chính phủ Ngô Đình Diệm, quyết tâm diệt trừ phong trào Phật giáo. Ngày 18.6.1963, văn phòng Tổng thống đánh mật điện cho đại biểu chính phủ các miền, các vị tổng giám đốc và các vị tư lệnh các vùng chiến thuật, ra lệnh tạm thời nhún nhường phong trào Phật giáo và chuẩn bị dư luận để đợi phản công lại phong trào này. Bức mật điện này mang số 1342/VP/ TT, do ông Đồng lý văn phòng Phủ Tổng thống là Quách Tông Đức ký ngày 19.6.1963, một bản sạ của mật điện lọt ngay vào trong tay của Ủy ban Liên phái. Nguyên văn bức điện như sau: *"Để tạm thời làm êm dịu tình hình và khí thế tranh đấu quyết liệt của bọn tăng ni Phật giáo phản động, tổng thống và ông cố vấn ra lệnh tạm thời nhún nhường họ - Các nơi nhận hãy theo đúng chủ trương trên và đợi lệnh - Một kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi*

đến sau - Ngay từ giờ hãy chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới - Hãy theo dõi điều tra thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp kể cả sĩ quan và công chức cao cấp" (14).

Cũng ngày 18.6.1963, chính quyền thương lượng với một vài phần tử tăng sĩ trong giáo phái Lục Hòa Tăng để cấp tốc thành lập một Tổng hội Phật giáo lấy tên là Tổng hội Phật giáo Cổ Sơn Môn để chống lại phong trào Phật giáo, thảo giúp một điện văn bằng Anh ngữ để tổ chức này đánh qua cho hội Phật giáo Tích Lan, tổ cáo Tổng hội Phật giáo Việt Nam "một chi nhánh của hội Phật giáo Tích Lan", đang lợi dụng danh nghĩa của hội để hoạt động chính trị và yêu cầu hội Phật giáo Tích Lan lên tiếng phản đối.

Trụ sở hội Thế giới Phật giáo Liên hữu năm ấy được đặt tại Ngưỡng Quang (Rangoon) Miến Điện và Phật giáo Tích Lan, cũng như Phật giáo Việt Nam, chỉ là một trong những "trung tâm địa phương" của hội.

Ngay khi nhận được điện tín, tổng thư ký Trung Tâm Tích Lan là ông W.P. Daluwatte trả lời ngay. Ông nói rằng hội Phật giáo Tích Lan không có một chi hội nào ở Việt Nam cả, rằng "Tổng hội Phật giáo Việt Nam không bao giờ làm một điều gì hoặc có một thái độ nào có thể gọi là phản Phật giáo cả", rằng Phật tử Tích Lan "phản đối mạnh mẽ những hành động kỳ thị tôn giáo và những đối xử có tính cách lăng nhục". Một bản sao của thư này, viết ngày 18.6.1963 được gửi cho Tổng hội Phật giáo Việt Nam (15).

Ngày 20.6.1963, nhục thân của thiền sư Quảng Đức được rước về An Dưỡng Địa ở Phú Lâm để làm lễ hỏa thiêu. Chính quyền đã bắt đám rước đi theo con đường Trần Quốc Toàn thay vì đi đường Phan Thanh Giản. Chính quyền chỉ cho phép khoảng 200 vị tăng ni tham dự vào đám rước này, và buộc phải đi bằng xe hơi. Tuy vậy suốt dọc đường, hương án của tư gia đã được bày ra hai bên lề đường với đèn hương nghi ngút để tỏ bày sự thành kính đối với vị thiền sư mà từ đây mọi người bắt đầu xưng tụng là Bồ Tát Quảng Đức. Ngọn lửa hỏa thiêu đã không đốt cháy được trái tim thiền sư. Trái tim này được đem thiêu lại lần thứ hai với sức nóng ngót 4.000 độ nhưng vẫn không cháy.

Tổng thủ lãnh của Phong trào Thanh niên Cộng hòa là cố vấn Ngô Đình Nhu dự định sử dụng lực lượng này để chống phong trào Phật giáo. Tại trụ sở Thanh niên Cộng hòa ngày 26.6.1963, ông nói: "Phong trào Thanh niên Cộng hòa là một phong trào quần chúng, không phải là một phong trào của chính phủ để mù quáng đi làm tay sai cho bất cứ ai". Tài liệu học tập số 3 của Thanh niên Cộng hòa cho rằng:

Nội dung cũng như hình thức bản Thông Cáo Chung không phù hợp với chủ trương

của Thanh niên Cộng hòa.

Bản Thông Cáo Chung trái với luật lệ hiện hành, chưa kể điều hết sức quan trọng là phủ nhận quyền của tổng thống trong vấn đề thả ra những người bị bắt bớ” (16).

Trong lá thư gửi tổng thống Diệm ngày 26.6.1963, đại lão thiền sư Tịnh Khiết tố cáo tất cả những hành động nói trên của chính quyền. Ông lại tố cáo những trường hợp đàn áp Phật tử từ ngày Thông Cáo Chung: nhiều nơi, dân chúng bị bắt buộc làm kiến nghị lên án phong trào Phật giáo; nhiều nơi, các chùa còn bị phong tỏa và Phật tử bị lùng bắt, cảnh sát theo dõi những người đến chùa, biển số xe và tới tận nhà để hăm dọa. Ông còn cho biết rằng vị tổng giám đốc Nha Thanh niên đang tổ chức một cuộc biểu tình lớn của Thanh niên Cộng hòa để yêu cầu chính phủ duyệt lại bản Thông Cáo Chung, và tố cáo hành động này là chống lại đường lối của chính quyền (17).

Thiền sư Thiện Minh, trưởng phái đoàn Ủy ban Liên phái, trong lá thư ngày 1.7.1963 gửi Ủy ban Liên bộ, lại tố cáo rằng những bản Thông Cáo Chung trên đường gửi ra Huế đã bị tịch thu tại Quy Nhơn, rằng chính quyền địa phương cấm đoán một số các chùa tổ chức hội họp để học tập về bản Thông Cáo Chung, rằng chính quyền đã ra lệnh cho báo chí không được đăng tải những bản thông bạch và những tài liệu của phía Phật giáo, rằng khắp nơi chính quyền địa phương đang dùng những phương tiện bán công khai để chống lại sự thực thi Thông Cáo Chung (18). Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, chủ tịch Ủy ban Liên bộ trả lời lại bức thư này và nói rằng những điều mà các thiền sư lên án đã không thực sự xảy ra. Hai bên trao đổi rất nhiều thư từ loại này. Bên Phật giáo, các thư vẫn được in bằng ronéo để phân phát cho quần chúng. Bên chính quyền, các thư vẫn được các báo chí thủ đô đăng tải và đài Sài Gòn phát thanh.

Ngày 7.7.1963 để đánh lệch sự chú ý của quần chúng khỏi cuộc tranh đấu của Phật tử, chính quyền ra lệnh đem những nhân sĩ đã từng tham dự cuộc đảo chính hụt ngày 11.11.1960 ra xét xử. Được trát tòa án đòi, hôm ấy nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam) uống thuốc độc tự tử vào lúc tám giờ tối sau khi để lại những dòng sau đây:

"Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội những phần tử quốc gia đổi lập là một tội nặng, sẽ làm cho nước mất về tay Cộng sản. Tôi chống đời sự đó và tự hủy mình cũng như hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.

Ngày 7.7.1963, Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam."

Cái chết của Nhất Linh đã gây xúc động lớn trong quần chúng. Hôm 13.7.1963,

khoảng bốn mươi ngàn người đã tham dự tang lễ của nhà văn này, giữa những hàng cảnh sát chiến đấu và mặt vụ.

Ngày 9.7.1963, bộ Nội vụ ban hành nghị định 358-BNV/KS ấn định thể thức treo cờ Phật giáo (theo tinh thần Thông Cáo Chung) cho Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Nghị định này nhằm chia rẽ Tổng hội với các giáo phái Phật giáo khác, vì quyền treo cờ này chỉ được áp dụng riêng cho Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Ba ngày sau, đại diện tất cả các giáo phái, trong đó có sáu tập đoàn của Tổng hội Phật giáo Việt Nam đồng ký vào một bản kiến nghị phản đối dung ý chia rẽ của nghị định nói trên và yêu cầu chính phủ cho điều chỉnh nghị định.

Ngày 11.7.1963, Ủy ban Liên bộ lại gửi cho Ủy ban Liên phái một lá thư cho biết rằng theo sự điều tra của Bộ Nội vụ thì vụ thăm sát ở Huế ngày 7.5.1963 là do Cộng sản gây ra chứ không phải do chính quyền: Bác sĩ Lê Khắc Quyến, giám đốc Bệnh viện Trung ương Huế sau khi giải phẫu và chứng nghiệm, đã cho ông đại biểu chính phủ tại Trung Nguyên Trung Phần biết như vậy trong cuộc tiếp xúc ngày 2.7.1963.

Thiền sư Thiện Minh, trong một lá thư đề ngày 12.7.1963 đã trả lời về vấn đề này, buộc tội chính quyền cố tình bưng bít một sự thực không còn có thể bưng bít (19). Đồng thời ông nói tới tất cả các hành động vi phạm công khai bản Thông Cáo Chung của các cấp chính quyền, nêu ra từng trường hợp một (20).

Thời gian thử thách về việc thực thi Thông Cáo Chung kéo dài trên ba tuần lễ. Nhận thấy chính quyền không những không thực tâm thi hành Thông Cáo Chung mà lại còn tìm biện pháp làm yếu mòn tiềm lực tranh đấu của Phật giáo, ngày 14.7.1963, đại lão thiền sư Tịnh Khiết cương quyết phát động lại cuộc tranh đấu. Ngày hôm đó, ông gửi một lá thư cho Tổng thống Ngô Đình Diệm báo tin rằng ông quyết định ra lệnh tiếp tục cuộc tranh đấu bất bạo động để đòi hỏi sự thực thi nghiêm chỉnh bản Thông Cáo Chung. Ông viết: "Tôi tuy tuổi đã tám mươi, vẫn còn đầy đủ sức suốt để ra quyết định này mà tôi lãnh hết trách nhiệm" (21). Đồng thời ông ra thông bạch kêu gọi toàn thể tăng đồ và tín đồ đoàn kết sau Ủy ban Liên phái để tranh đấu và "đòi hỏi sự thực thi nghiêm chỉnh và nhanh chóng bản Thông Cáo Chung". Ngày hôm sau 15.7.1963, nhân danh vị lãnh đạo tối cao của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, ông lại ra một Thông Bạch quy định phương thức tiến hành cuộc tranh đấu. Thông Bạch ấy như sau:

"Kinh Thông Bạch các tập đoàn trong Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo.

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Như bản sao ba văn kiện đính kèm bản*

sao Thông Bạch này, quý vị lãnh đạo các tập đoàn và đoàn thể Tăng Già và tín đồ trực thuộc đều có thể nhận thấy:

Nguyện vọng của Phật giáo là đòi hỏi bản Thông Cáo Chung phải được thực thi nghiêm chỉnh và mau chóng.

Nhằm nguyện vọng đó các tập đoàn và các tỉnh trực thuộc hãy thi hành các chi tiết Phật sự sau đây:

1- Khẩu hiệu đòi hỏi:

a) Có ba khẩu hiệu được nêu lên sau đây:

- Chúng tôi đòi hỏi thi hành đúng đắn bản Thông Cáo Chung (Anh ngữ: The Joint Communique must be carried out seriously).

- Hãy chấm dứt mọi hình thức khủng bố và áp bức Phật giáo đồ (Anh ngữ: Stop all forms of terrorizing and suppressing Buddhists).

- Yêu cầu chính phủ giữ sự thành tín đã hứa (Anh ngữ: Request the Government to keep its promises faithfully).

b) Cách dùng các khẩu hiệu là viết ra nhiều tấm treo lên ngay nơi tiền đường và những nơi quần chúng có thể nhìn thấy rõ ràng của khuôn viết, tất cả các chùa thuộc giáo hội và hội. Những chùa xa xôi ở thôn quê và núi non cũng viết và căng lên như vậy. Nhưng ngoài ba khẩu hiệu này tuyệt đối không dùng khẩu hiệu nào khác.

2- Hình thức đòi hỏi:

a) Hình thức đòi hỏi thực thi bản Thông Cáo Chung là áp dụng tất cả phương thức bắt bạo động đã áp dụng trước đây.

b) Địa điểm tụng kinh và tuyệt thực - những điều phổ thông trong phương thức bắt bạo động - thì tại thị xã, tăng già và tín đồ (hội viên và Gia đình Phật tử của các khuôn hội phụ cấp, các giới Phật tử trực thuộc) tập trung tại trụ sở, văn phòng, hoặc chung hoặc riêng của giáo hội và hội. Còn tại khuôn thì hội viên và Gia đình Phật tử khuôn nào tập trung tại khuôn ấy.

Chú ý: Tập trung theo thể thức luân phiên.

3- Thời gian đòi hỏi:

Kể từ khi ra thông bạch này cho đến khi có thông bạch mới.

4- Tinh thần bắt bạo động:

a) Tuyệt đối cố thủ tinh thần và phương pháp bắt bạo động.

b) Nếu đi tụng kinh và tuyệt thực để cầu nguyện mà bị ngăn chặn lại thì dầu mấy người cũng ngồi xuống niệm xong 100 tiếng niệm Phật rồi trở về. Nếu bị bắt thì tất cả cùng xin vào tù. Nếu chùa bị bao vây thì bình tĩnh cầu nguyện cho đến chết.

5- Mục đích đòi hỏi:

a) Hoàn toàn thuộc ý thức tôn giáo tín ngưỡng.

b) Và thu hẹp trong sự đòi hỏi thực thi bản Thông Cáo Chung một cách nghiêm chỉnh và mau chóng.

Vì ý thức được tính cách sinh tử của Đạo Pháp, tôi chắc chắn toàn thể Phật tử không ai từ chối một sự hy sinh nào trong khuôn khổ tinh thần bất bạo động.

Hòa thượng hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo.

Thích Tịnh Khiết

Sau khi Thông Bạch này được tung ra, tình hình khắp nơi trở nên sôi động. Cuộc tranh đấu quyết liệt của Phật tử bắt đầu.

[11] Sau đây là nguyên văn của bản Thông Cáo Chung:

"Để giải quyết ổn thỏa năm nguyện vọng do Tổng hội Phật giáo Việt Nam đưa ra;

Ủy ban Liên bộ gồm có:

Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ

Nguyễn Đình Thuần, bộ trưởng tại Phủ Tổng

thống

Bùi Văn Lương, bộ trưởng Nội vụ

và Phái đoàn Phật giáo gồm có:

Thượng tọa Thích Thiện Minh, trưởng Phái

đoàn

Thượng tọa Thích Tâm Châu, đoàn viên

Thượng tọa Thích Thiện Hoa, đoàn viên

Thượng tọa Thích Huyền Quang, thư ký

Đại đức Thích Đức Nghiệp, phó thư ký

(Do thư giới thiệu của Hội chủ hòa thượng

Thích Tịnh Khiết số 24 tháng 6 năm 1963), đã họp tại Hội trường Diên Hồng.

Ngày thứ sáu 14.6.1963:

sáng từ 9 giờ 00 đến 12 giờ 00

chiều từ 15 giờ 00 đến 18 giờ 00

Ngày thứ bảy 15.6.1963:

sáng từ 9 giờ 00 đến 11 giờ 00

chiều từ 14 giờ 30 đến 17 giờ 00

đêm từ 21 giờ đến 24 giờ 00

Và ngày chủ nhật 16.6.1963:

từ 0 giờ 00 đến 1 giờ 30

Sau khi thảo luận, Ủy ban Liên bộ và Phái đoàn Phật giáo đã thỏa thuận các điểm sau đây:

I- Quốc Kỳ - Đạo Kỳ

Quốc kỳ tượng trưng cho Linh hồn Dân tộc, phải luôn luôn được tôn trọng và phải được đặt đúng vị trí.

A- Lễ Quốc gia: Chỉ treo cờ Quốc gia. B- Lễ Phật giáo:

1. Tại chùa: Quyền Môn, Cổng Chùa, Cột lớn giữa sân chùa, mặt tiền chùa, Cờ Quốc gia bên phải, Cờ Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba).

* Cờ rú: Cờ Phật giáo mà thôi.

* Sân chùa (để trang hoàng) mắc trên đây: Toàn cờ Phật giáo, bằng giấy cỡ nhỏ.

* Trọng chùa: Chỉ treo cờ Phật giáo.

2. Lễ đài:

* Chân đài và chung quanh: Cờ Quốc gia bên phải, Cờ Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba).

* Trên đài (có thể coi như là trong chùa): Chỉ treo cờ Phật giáo.

3. Đám rước:

* Đi trước:

Nếu chỉ một người đi trước, cầm hai cờ: *Quốc gia bên phải, Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba)*.

Nếu có hai người đi trước, mỗi người cầm một, *cũng theo thể thức trên*.

* Phía sau: Tín đồ *chỉ cầm một cờ Phật giáo cỡ nhỏ*.

4. Xe nhân vật Phật giáo: *Không treo cờ gì cả*.

5. Tư gia:

* Trước nhà: *Hai cờ như trước chùa*.

* Trong nhà: *Chỉ treo cờ Phật giáo*.

Để áp dụng đúng đắn các khoản trên đây, cần quy định:

Cờ treo bên phải: (phải) từ ngoài lộ trông vào chùa.

Cờ nhỏ hơn: (nhỏ) là bằng hai phần ba cờ quốc gia (các cán bộ không nên quá khắt khe về kích thước).

II- Dự số 10

Tách hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi Dự số 10 và lập một quy chế hợp với tính cách đặc biệt về nhu cầu sinh hoạt của những Hiệp hội Tôn giáo ấy.

Quy chế đó sẽ là một đạo luật do Quốc hội soạn thảo với sự tham khảo trực tiếp ý kiến các tôn giáo liên hệ.

Quốc hội sẽ biểu quyết Đạo luật này chậm lắm là cuối năm 1963 hoặc đầu năm 1964. Trong khi chờ đợi ban hành Đạo luật mới, Ủy ban Liên bộ đồng ý sẽ có những chỉ thị cần thiết để Dự số 10 không áp dụng quá khắt khe đối với các hội Phật giáo, Phật học hiện hữu. Phái đoàn Phật giáo cam kết chỉ thị cho các tăng ni chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp quốc gia và thi hành mọi biện pháp kỷ luật nội bộ đối với những hành động lệch lạc.

III- Vấn đề bắt bớ và giam giữ Phật giáo đồ

Chính phủ lập một Ban Điều Tra để xét lại các hồ sơ khiếu nại của Phật giáo. Tất cả những ai có liên can đến cuộc vận động thực hiện năm nguyện vọng của Tổng hội Phật giáo đề ra, bắt luận ở đâu, sẽ được tổng thống đặc biệt khoan hồng.

Chính phủ sẽ xác nhận lệnh sửa sai đã ban ra cho các cán bộ để thực thi chính sách bình đẳng tôn giáo của chính phủ.

IV- Tự do truyền đạo và hành giáo

Những sinh hoạt thuần túy tôn giáo và thường xuyên như ngày 14, rằm, 30, mồng một, cầu siêu, cầu an hay các ngày vía nếu làm trong phạm vi nhà cửa hay trụ sở Hội thì khỏi phải xin phép.

Các sinh hoạt bất thường và ngoài phạm vi nhà chùa hay trụ sở Hội đều phải xin phép.

Về vấn đề các chùa làng có tính cách thuần túy địa phương. Trung ương cần phải có thì giờ gom góp đủ hồ sơ liên hệ. Vì thế, trong khi chờ đợi, chỉ có thể cho bầu lại ban quản trị mới của các chùa làng nếu xét thấy cần, hầu để cho giới Phật tử được tham gia quyền quản trị các chùa này.

Xác nhận thông tư số 166-TTP.TTK ngày

23.9.1960 không áp dụng cho việc tiếp nhận cũng như tạo mãi động sản và bất động sản của Phật giáo.

Dành mọi sự dễ dàng cho sự kiểm duyệt về kinh sách Phật giáo theo thể lệ hiện hành.

Dành mọi sự dễ dàng cho các sự xây cất (chùa, trường học và cơ sở từ thiện).

V- Trách nhiệm và trợ giúp

Những cán bộ có trách nhiệm về các vụ đã xảy ra từ ngày 8 tháng 5 năm 1963, bắt kỳ thuộc thành phần nào, cũng sẽ bị nghiêm trị, nếu cuộc điều tra đang tiến hành chứng tỏ lỗi của họ.

Sự cứu trợ gia đình nạn nhân đang là một mối lo âu của các cơ quan xã hội và của chính quyền.

Các gia đình nạn nhân ở Huế đã được trợ giúp kịp

thời và có thể được trợ giúp thêm tùy theo gia cảnh từng người.

Ủy ban Liên bộ sẽ phụ trách theo dõi việc thi hành các điều khoản trên, nhất là tại các địa phương.

Nếu có sự lệch lạc Tổng hội Phật giáo sẽ kịp thời báo tin cho Ủy ban Liên bộ.

Lập thành hai bản chính tại Sài Gòn

Ngày 16.6.1963

PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO

ỦY BAN LIÊN BỘ

Ký tên

Ký tên

Thượng tọa Thích Thiện Minh

Nguyễn Ngọc Thơ

Thích Tâm Châu

Nguyễn Đình Thuần

Thích Thiện Hoa

Bùi Văn Lương

KHÁNH:

Hòa thượng Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam

Ký tên: THÍCH TỈNH KHIẾT

Những điều được ghi trong Thông Cáo Chung này đã được tôi chấp nhận nguyên tắc ngay từ đầu.

Ký tên: NGÔ ĐÌNH DIỆM

[12] *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*, Quốc Tuệ, Sài Gòn 1964, trang 137.

[13] Sách đã dẫn, trang 143 - 144.

[14] *Cuộc Tranh Đấu Lịch Sử Của Phật Giáo Việt Nam*, Nam Thanh, Sài Gòn 1964, trang 26.

[15] *Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử*, Tuệ Giác, Sài Gòn 1964, trang 172.

[16] Theo thư của thiền sư Thiện Minh gửi Ủy ban Liên bộ ngày 1.7.1963, trong *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*, Quốc Tuệ, Sài Gòn 1964, trang 162 - 166.

[17] Sách đã dẫn, trang 155 - 158.

[18] Sách vừa dẫn, trang 162 - 166.

[19] Bác sĩ Lê Khắc Quyến, sau khi bị chính quyền ép ký biên bản cuộc khám nghiệm, đã từ chức giám đốc Bệnh viện Trung ương và khoa trưởng trường Đại học Y khoa Huế. Sau vụ này, các giáo sư ngoại quốc đang dạy tại trường Y khoa Huế đều từ chức và bỏ về nước để phản đối chính quyền Sài Gòn vì họ đã biết rõ sự thực về cuộc khám nghiệm.

[20] Đọc toàn văn lá thư này trong *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*, sách đã dẫn, trang 170 - 174.

[21] Sách vừa dẫn, trang 193 - 194.



TOÁN HỌC CỦA NGƯỜI HUYNH TRƯỞNG

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa ACE Lam viên thương mến,
Hôm nay NAL xin gửi đến ACE vài ý nghĩ vui về toán học áp dụng vào đời sống của người Huynh trưởng GDPT.

Người ta ở đời, muốn giàu có, muốn danh lợi, muốn quyền hành, địa vị... còn người Huynh trưởng GDPT làm việc cả đời không lương; trái lại phải bỏ tiền túi ra mua thức ăn, quà... cho các em Đoàn sinh của mình. Một công việc tự nguyện có truyền thống "Anh Chi truyền, Em tiếp nối" đã duy trì hơn 7, 80 năm nay, không giảm sút mà còn tăng nhanh từ mấy chục đoàn viên lên mấy trăm ngàn; từ xứ HUẾ "mùa đông thiếu áo, hè thì thiếu ăn" đã lan rộng ra khắp 5 châu 4 bể... sống chung với nhiều dân tộc với ngôn ngữ, truyền thống khác nhau... và đều có thể hoà hợp được.

Tại sao các bạn biết không? - Vì người Huynh trưởng GDPT biết **ÁP DỤNG** 4 phép tính **CỘNG**, **TRỪ**, **NHÂN**, **CHIA** theo tinh thần Phật giáo:

- 1) Người Huynh trưởng GDPT **GIÀU CÓ LÀ** người giỏi toán **NHÂN** (nhân ái, nhân cách, nhân bản ...)
- 2) Người Huynh trưởng có nhiều bạn bè, được nhiều người yêu mến tin tưởng là người giỏi toán **CHIA** (chia sẻ, từ của cải vật chất đến tài sản về trí tuệ...)
- 3) Người Huynh trưởng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao là người giỏi làm toán **CỘNG** (hợp tác, hoà đồng, đồng thuận...)
- 4) Người Huynh trưởng muốn xây dựng và phát triển Đoàn, Đơn vị, phát huy sáng kiến của đồng **ĐỘI**, **ĐỒNG NGHIỆP**... là người giỏi làm toán **TRỪ** (buông bỏ).

Đó là chân dung (TƯỚNG) người Huynh trưởng GDPT trẻ, năng động lý tưởng của GDPT Việt Nam.

VỀ TÂM, tư cách đạo đức, lương tâm... của một người Huynh trưởng GDPT ĐƯỢC XÁC ĐỊNH BỞI 4 CHIỀU (KHÔNG GIAN TOÁN HỌC CỘ BỐN CHIỀU):

Chiều **DÀI** của sự **KIÊN NHẪN** / **NHẪN NHỤC**

Chiều **RỘNG** của **LÒNG BAO DUNG**
Chiều **CÀO** của **LÝ TƯỞNG**
Chiều **SÂU** của sự **TỈNH THỨC**

HUYNH TRƯỞNG ĐẠT ĐỦ BỐN CHIỀU
HIỆN ĐỜI ĐỦ SỨC ĐIỀU HÀNH GIANG
SƠN (1)

Lâm chung, Phật hiện xoa đầu:
"Con ngoan, quả thật con đầu của ta." (2)

Trân trọng,
NAL

- (1) giang sơn = GDPT
(2) con đầu = trưởng tử của Phật.



YÊU THƯƠNG TẠO NÊN SỨC MẠNH

Trang Duyên Nguyễn Thị Huyền Trang

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Cha hy vọng vào tôi rất nhiều, nhưng không hề kỳ vọng. Khi còn nhỏ, mỗi lần tôi thi tốt, hay mỗi lần tôi thi không tốt, cha đều chia sẻ niềm vui và nỗi buồn cùng. Vào năm 20 tuổi, khi rút visa Mỹ, tôi gọi điện cho cha, giọng ông có chút buồn và hụt hẫng nhẹ, nhưng ngay lập tức bình tĩnh nói: “Không sao con ạ, rút thì thôi, còn nhiều cơ hội”.

Suốt hơn hai mươi năm qua, cha chưa bao giờ gây áp lực tinh thần lên con cái. Trường học truyền thống vốn dĩ là một nơi tạo ra nhiều cuộc ganh đua, thế nhưng, từ năm học mẫu giáo đến đại học, tôi nghĩ rằng bản thân không hề có một cái tôi cạnh tranh cực đoan nào với bè bạn mà đơn giản là tự vượt lên chính mình. Điều đó, tôi tin rằng, được ảnh hưởng rất lớn bởi nền tảng giáo dục ở gia đình, đặc biệt là cha. Cha luôn nhấn mạnh với anh em tôi về việc phải tự thân vận động trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Một trong những phẩm chất quý mà tôi học được ở cha là sự bình tĩnh. Nghề mộc nói riêng hay thực hành thủ công nói chung giúp cha có được sự nhẫn nại trong mọi việc, dù tôi biết ông cũng là một người nóng tính. Không có sự bình tĩnh, chúng ta sẽ luôn để những hiện tượng suy nghĩ và cảm xúc nhất thời lấn lướt mình hay kiểm soát mình, từ đó đánh mất sự khôn ngoan. Hiện tượng suy nghĩ và cảm xúc khởi lên chỉ bất chợt, chúng sẽ tan biến sớm hay muộn, nếu quyết định dựa trên hiện tượng nhất thời này, sẽ khiến chúng ta dễ hối hận khi tâm trở về trạng thái cân bằng. Vì thế, tôi thường ít đưa ra quyết định quan trọng khi mình đang rơi vào một nỗi buồn hay thậm chí là hạnh phúc. Điều trước tiên tôi làm là quan sát tâm, để tâm thả lỏng dần về trạng thái bình ổn. Khi đó, đưa ra một quyết định cũng chưa muộn màng.

Hồi xưa, tôi thường theo cha làm mộc, những việc nhỏ thôi, như chà giấy nhám, và học hỏi rất nhiều về sự kiên nhẫn trong đó. Việc chà giấy nhám đòi hỏi một lực tay đều và tâm nhẫn nại. Đã vài lần, tôi rất thiếu kiên nhẫn và chán nản. Nhưng hễ bề mặt gỗ nào chưa ổn, cha nghiêm khắc bảo tôi làm lại. Cứ thế, cứ thế, đức tính nhẫn nại trong tôi được trui rèn mỗi ngày.

Thế nhưng, trong đời, có một vài trải nghiệm đầu tiên đến với tôi, khiến tôi khó

giữ được sự bình tĩnh. Vào năm 13 tuổi, khi tôi được chọn đi thi nói tiếng Anh, lúc vào thi, người tôi run lên cầm cập đến nỗi cô giáo tiếng Anh ngồi sau tôi phải khích lệ: “Trang, không có gì phải sợ! Chỉ là nói tiếng Anh thôi mà!” Thế nhưng, tôi không thể làm chủ được sự run sợ ấy. Tôi đã rất trong kỳ thi đó. Nhưng trải nghiệm đó đã góp phần làm tôi trưởng thành lên rất nhiều ở chặng đường sau này, khi tôi đứng nói chuyện trước rất nhiều người, và nhiều lần, tôi không còn hồi hộp hay tự ti nữa. Cảm giác run sợ đã biến mất sau cái lần run sợ ấy. Tôi đã trui rèn sự bình tĩnh thông qua hơi thở sâu và niềm tin tuyệt đối rằng đây không phải là một cuộc thi dù nó là cuộc thi, đây không phải là một talkshow mà bản thân là diễn giả, đây chỉ đơn thuần là một cuộc trò chuyện với những người bạn. Khi tự bên trong mình không có sự phân chia, không có sự ganh đua, thì mọi thứ diễn ra hoàn toàn tự nhiên. Sự bình tĩnh xảy đến cũng tự nhiên như thế.

Rồi tôi tin rằng, nếu trong đại dịch này, tôi không coi đây là một cuộc chiến với Covid, thì chắc chắn bản thân sẽ có được sự bình tĩnh như thế. Đây chỉ đơn giản là cách tôi đưa tâm về trạng thái xem Covid không phải là kẻ thù, và không phải là một tội ác. Bởi tôi biết, khi tôi xem Covid là tội ác, trong tôi chắc chắn sẽ sản sinh ra một trường năng lượng xấu, một sự phân biệt đối xử với một sinh vật hoàn toàn vô tội.

Sẽ thật khó khăn để ta yêu thương một thứ có khả năng hủy hoại ta, nhưng tôi như mình rằng tâm thức phải tiến về sự yêu thương ấy, bằng tất cả lòng can đảm và sự đổi diện.



“... Khi tự bên trong mình không có sự phân chia, không có sự ganh đua, thì mọi thứ diễn ra hoàn toàn tự nhiên. Sự bình tĩnh xảy đến cũng tự nhiên như thế...”

TRANG DUYÊN
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
“Yêu Thương Tạo Nên Sức Mạnh”

SENTRẮNG © ĐÀO TRĂNG LAM VIỆN BÓN PHƯƠNG www.aenstrang.com

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Người lái đò trên Sông Nhị

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nắng trưa lồng bóng nước, óng ánh từng giải tơ vàng. Giòng sông im lặng như đợi chờ con đò còn lặng lẽ cuối bãi. Hai bên bờ, rặng tre làng cao vút, là ngọn trong gió vờn hương cau, hương bưởi thoang thoảng đâu đây. Mây xanh, gió nhẹ và không gian hiền hòa như cùng với người lái đò chuẩn bị rời bến, sang bên kia sông.

Ông lão buông dầm, tưởng như hờ hững bằng quơ mà cung cách lại vô cùng thận trọng. Ông đội nón lá rách, mặc áo phắn tảo bạc mầu, quần nhiều thâm. Dưới vành nón, đôi mắt tinh anh sáng quắc không ngớt dõi nhìn đầu sông, nơi lão tin rằng, lát nữa thôi, sẽ có người gọi đò.

Quả thế, khi đò ra tới giữa sông thì bờ bên kia đã lố nhố bóng người xuống từ chiếc xe song mã. Họ đưa tay vẫy. Ông lão giữ mái chèo lên, tỏ ý đã biết, rồi chèo nhanh hơn về hướng khách đợi. Không bao lâu, con đò đã lướt tới đầu sông, cặp vào sát bờ. Nhóm khách này ăn mặc sang trọng, nói tiếng Tàu chêm tiếng Việt líu lo:

- Ông lão ơi, đây là đoàn sứ giả của nhà Tống, sang để phong tước cho vua Lê Đại Hành, lão chèo cẩn thận, sang bờ bên kia an toàn sẽ được quan sứ Lý Giác trọng thưởng.

Ông lái cúi đầu đáp "ạ... ạ", rồi chống dầm, giữ cho con đò khỏi tròng trành trong khi đoàn sứ giả từng người bước xuống mà người đi đầu, mặc áo gấm đỏ có lẽ là quan sứ Lý Giác.

Tương truyền rằng quan sứ Lý Giác là người có tinh thần trách nhiệm cao, nên khi nhận lệnh tham quan xứ nào, thì đều chuẩn bị tìm hiểu đặc tính của dân tộc xứ đó để dễ bề gần gũi. Tuy có nhóm thông dịch đi theo, nhưng chính bản thân Lý Giác đã chịu khó học phần ngôn ngữ căn bản, để tạm đủ khi giao tiếp.

Con đò quay mũi, rời bến, trôi êm trên giòng sông biếc. Gió sông mát rượi, nắng dịu dần và đầu đay như vắng tiếng sáo diều của trẻ mục đồng, vút theo làn gió, lẳng đàng không gian.

Sứ Tàu tỏ ý hài lòng, cười nói vui vẻ. Đò trôi tới một ngã rẽ thì trên làn nước biếc bỗng xuất hiện đôi ngỗng trắng bơi thong dong bên nhau. Viên sứ Tàu ngắm cảnh nên thơ, tịnh tứ đó một lúc, bèn ngẫu hứng, xuất khẩu hai câu thơ:

*Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên nga*

Ông lái đò buột miệng khen:

- Hay quá! Hay quá!
Một người trong đám tùy tùng hỏi:

- Hay là hay thế nào, lão có hiểu nghĩa không?

Ông lão có vẻ bẽn lễn, thưa rằng:

- Tôi được học có dăm ba chữ, hiểu lờ mờ quan sứ muốn nói:

"Song song ngỗng một đôi,

Ngửa mặt ngó ven trời" (*).

Nếu quan sứ làm tiếp thì sẽ thành bốn câu tuyệt tác.

Lý Giác nghe khen, vượt vuốt hàm râu, nhìn trời, nhìn đất, lại nhìn đôi ngỗng vẫn thong dong bơi, rồi nhíu mày, nhả mặt mãi chưa làm tiếp được hai câu. Lúc đó, ông lái đò mới chậm rãi thưa:

- Nếu quan cho phép, tôi xin mạo muội làm thử.

Đang bí, Lý Giác đồng ý ngay. Ông lão thong thả đọc:

*Bạch mao phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba*

(+)

Sẵn trớn, ông lái đò đọc lại luôn cả bốn câu bằng tiếng Hán và dịch thẳng ra tiếng Nôm:

*Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên nga*

*Bạch mao phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba*

(+)

*Song song ngỗng một đôi,
Ngửa mặt ngó ven trời*

*Lông trắng phơi giòng biếc
Sóng xanh chân hồng bơi*

(*).

Lý Giác vỗ tay đôm đốp, khen rồi rít:

- Tuyệt! Thật là tuyệt! Thật là đúng ý ta mà ta nghĩ mãi chưa ra. Vừa tả được cảnh êm đềm tình tứ, vừa pha trộn màu sắc hài hòa.



CẢM TẠ

*ta về đứng giữa trời mây nước
còn mây hôn thơ ngủ trong ta?
mở lòng đón nhận bao ân huệ
cảm tạ ơn đời trong thiết tha
nhẹ mềm như lá bên dòng suối
rong ruổi bài thơ trên nhánh hoa
đôi chuông xanh cỏ lờn kinh ngọc
hoàng hôn linh hiển buổi chiều tà
dưới hiên đá sỏi nằm cô độc
tường rêu chứng tích những phối pha
mưa chiều sương lạnh mờ nhân ảnh
nhìn lại đời ta đi mấy xa?*



thơ **THY AN**

Ông lão học hành tới đâu mà thơ phú hay thế?

Ông lái đò vẫn đều tay
khua mái chèo, điềm đạ trà
lời:

- Tôi chỉ được học dăm chữ với ông đồ trường làng. Nhưng người Nam chúng tôi, ai chả cố tâm hồn thơ phú. Tôi nhà nghèo, phải làm nghề chèo đò nuôi thân đâu có được học hành gì, xin quan chớ quá khen.

Lý Giác ngạc nhiên, tròn xoe mắt nhìn ông lão, và không thể không hỏi:

- Thế những người Nam được học hành thì giỏi tới đâu?

- Thưa quan sứ, sĩ phu nước tôi, sử đọc qua là thuộc, thơ xướng họa như không; nhưng thơ phú chỉ là chuyện phụ, liễu ngộ cương thường, cư xử phân minh mới giữ được xã hội nhu hòa, đời sống an vui.

Lý Giác bị lời cuốn bởi phong thái an nhiên tự tại của ông lái đò và cảm thấy thích thú qua mẫu đối thoại bất ngờ. Sứ Tàu gợi chuyện:

- Lão vừa nói tới cương thường, vậy lão hiểu nhiều

về Nho giáo, Lão giáo chứ?

Dưới vành nón lá rách, ai tinh ý sẽ thấy ông lái đò nhếch một nụ cười đầy ý nghĩa khi trả lời:

- Bẩm quan, tôi cũng hiểu chút đỉnh thôi. Đó là hai dòng đạo lớn mà quý quốc đã hết sức muốn truyền đạt sang cho chúng tôi. Đạo thường gắn bó với dân-tộc-tính. Dân Nam chúng tôi mà sống được trọn vẹn bằng Nho giáo, Lão giáo thì cũng như chúng tôi đã được quý quốc đồng hóa. Chúng tôi chỉ đang học hỏi, biết chừng nào quý chừng nấy. Tư tưởng Nho-giáo dạy lớp sĩ phu bền chí rèn luyện kinh luân, giúp xã hội thịnh trị. Lão-giáo lại nhìn đời phóng khoáng, không những coi nhẹ công danh mà còn cho đó là mả mống của sa đọa. Giữa hai tư tưởng có vẻ đối nghịch đó, dân Nam chúng tôi đã uyển chuyển dung hòa.

Lý Giác thực sự bị cuốn hút vào câu chuyện:

- Dung hòa thế nào?
- Bẩm quan, dung hòa để tìm con đường trung dung

giữa hai thái cực. Đó là con đường trung đạo, rèn trí giúp đời nhưng không bị phù phiếm lợi danh ở đời lồi cuốn. Đạo Phật đã chỉ ra con đường đó. Bài học đầu tiên Đức Phật dạy cho năm anh em Kiều Trần Như là Tứ Diệu Đế. Đó là: "Sự có mặt của đau khổ, nguyên nhân gây ra đau khổ, sự chấm dứt đau khổ và đường dẫn tới chấm dứt đau khổ." Con người đau khổ chỉ vì nhìn lầm cái vô thường là thường, cái vô ngã là ngã. Nếu nhìn ra chân diện mục từ lý duyên sinh vô ngã thì không cái gì tự nó mà thành, nó ở trong dòng duyên sinh của vạn hữu tiếp nối nhau không ngừng. Giọt nước trong vỏ ốc còn chứa cả đại dương thì làm gì có sinh có diệt nữa.

Cực kỳ xúc động, sứ Tàu hỏi:

- Không sinh, không diệt? thế cái chết là gì?

- Bẩm quan, người Phật tử còn dốt nát như tôi chỉ hiểu được rằng chết là sự chuyển hóa, như lá vàng rơi xuống, rồi lại thành đất nuôi cây. Lá đậu có chết, lá chuyển hóa để lại là cây đậy chớ! Sự chuyển hóa của con người sau khi chết có thể là sự thăng hoa nếu người đó biết dùng thân huyền giả tứ đại để quán chiếu, tu tập, chuyển được nhục thân thành pháp thân thường hằng, tức là biết dùng cái HUYỀN để đạt cái CHÂN thì khi tứ đại tan rã cũng chỉ như qua sông bỏ bè mà thôi.

Giọng viên sứ Tàu đầy cảm kích:

- Thật là mầu nhiệm! Ấy vậy mà bao kẻ qua sông vẫn kéo theo bè vì tâm kẻ ấy nào đã qua sông, phải không ông lái?

- Quan dạy chí phải, đó là kẻ mê lại tưởng mình đã tỉnh nên cứ mê hết đời này đến kiếp khác; nhưng bẫm quan, giáo pháp của Đức Phật mầu nhiệm vô song, nếu hiểu được sâu xa thì từ mê đến ngộ chỉ cần một sát na,

nhanh hơn cả một cái chớp mắt.

- Nhanh như vậy thì chúng sanh phải thành Phật hết chứ?

- Bẩm vâng, chúng sanh có thể thành Phật hết nếu tâm chúng sanh không may còn một vọng niệm nào thì bụi trần lấy chỗ đậu mà bám! "*Bản lai vô nhất vật. Hà xứ nhạ trần ai*"

Lý Giác bỗng cười vang:

- Ta biết câu này, đây là bài kệ của ngài Huệ Năng đáp lời ngài Thần Tú, thật toàn bích cả ý lẫn lời: "*Bồ Đề bốn vô thụ. Minh kính diệt phi đài. Bản lai vô nhất vật. Hà xứ nhạ trần ai*" (-) Chính vì bài kệ này mà ngài Huệ Năng được Ngũ Tổ trao truyền y bát.

- Bẩm quan, chính thế. Ngài Huệ Năng không biết chữ, chỉ nghe được câu "*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*" trong kinh Kim Cương mà ngộ đạo, trong khi ngài Thần Tú sở học mênh mông lại vẫn quần quanh trong biển văn tự mịt mù. Cho nên, giáo lý Đạo Phật dễ mà khó, khó mà dễ, chính là ở ngay nơi tâm. Tâm lặng lẽ, an nhiên, không dựa vào gì, không níu vào đâu thì tâm ấy trong vắt, nguyên vẹn như vàng ròng, như kim cương. Kỳ Tâm chính là Phật tánh chứ có đâu xa. Khốn nỗi chúng sanh đã quen huân tập, ngỡ vọng là chân nên cứ chìm đắm mãi trong biển mê. Kẻ ngu muội như tôi chỉ hiểu được lẽ mờ, chắc còn ngàn đời vạn kiếp nữa mới thoát trầm luân!

Ông lái đò cổ tình nói thật chậm câu cuối, như lời than thở về số phận ngu si của mình.

Quả nhiên câu nói này đánh động vào cảm xúc của Lý Giác. Viên sứ Tàu trầm ngâm nhìn ông lái đò nghèo khổ, lòng gợn lên sự ngưỡng phục vô cùng. Ông lão chỉ là thành phần quê mùa, ít học mà trí tuệ còn hiển lộ sáng ngời như thế thì lớp sĩ phu của nước Nam này hẳn uyên bác tới đâu! Xứ sở từng chịu

sự thần phục Trung Hoa hàng nhiều trăm năm có phải vì họ ngu si man rợ như triều đình Trung Hoa thường nói đâu, mà có lẽ, vì họ đất ít, dân thưa. Phương Bắc quả đã ý dân giàu nước mạnh mà hiệp đáp.

Là người có chút lương tri, Lý Giác cảm thấy phải tấu trình sự thật với triều đình, sau chuyển xuôi Nam này. Từ lòng ngưỡng phục khi gặp ông lái đò trên sông Nhị, Lý Giác đã làm một bài thơ lời lẽ nghiêm kính để tặng vua Lê Đại Hành sau khi bái yết vị vua của một nước nhỏ mà dân trí thì với vợ cao siêu. Bài thơ sứ Tàu dâng tặng vua nước Nam như sau:

*Hanh ngộ minh thời tán
thạnh du*

*Nhất thân lưỡng độ sứ
Giao Châu*

*Đông đô tái biệt tâm vu
luyến*

*Nam Việt thiên trùng
vọng vị hưu*

*Mã đạp yên vân xuyên
lãng thạch*

*Xa tử thanh chướng,
phiếm trường lưu*

*Thiên ngoại hữu thiên
ưng viễn chiếu*

*Khê đàm ba tịnh kiến
thiểm thu.*

Bài dịch của Thích Mật Thể rất trong sáng, được lưu truyền đến nay:

*May gặp minh quân giúp
việc làm*

*Một mình hai lượt sứ
miền Nam*

*Mấy phen qua lại lòng
thêm nhớ*

*Muôn dặm non sông mắt
chứa nhòm*

*Ngựa đạp mây bay qua
suối đá*

*Xe vòng núi chạy tới
đòng lam*

*Ngoài trời lại có trời soi
rạng*

*Vòng nguyệt trong in
ngọn sóng đầm (*).*

Bài thơ tám câu, nhẹ nhàng, thanh thoát chỉ để dẫn đến lời gửi gắm ý chính ở câu thứ bảy: "**Ngoài trời**

lại có trời soi rạng" mà Thiên-sư Khuông Việt thời đó diễn nghĩa là, ngoài Trung Hoa trời cao đất rộng cũng còn những vùng trời khác thanh tú, rực rỡ kém gì. Đó là Lý Giác tỏ lòng ngưỡng phục của mình, tôn kính vua nước Nam như vua Tống vậy.

Thay đổi toàn diện cái nhìn và quan điểm của viên sứ Tàu đối với nước Nam chỉ nhờ dăm câu chuyện làm quà của ông lái đò nghèo khổ trên giòng sông Nhị thôi ư?

Nếu biết rõ hơn, chúng ta phải chấp tay, thành kính hướng về mà đảnh lễ ông lái đò năm xưa vì Ngài chính là Thiên Sư Pháp Thuận, thuộc đời thứ mười, dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Thời đó, tuy lớp sĩ phu không thiếu, nhưng cơ hội trực diện đối đáp với quan sứ Trung Hoa là sứ mệnh quan trọng nên Thiên Sư Pháp Thuận đã tuân lệnh vua Lê Đại Hành, cải trang làm ông lái đò, đón sứ giả nhà Tống sang sông để tùy cơ ứng biến, nói được, làm được điều gì ích quốc lợi dân qua chuyện sứ Tống du Nam này.

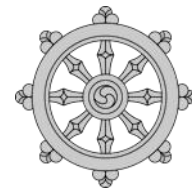
Đạo Phật là Đạo Trí Tuệ.

Trí tuệ là Ánh Sáng.

Vô minh là bóng tối.

Chỉ những kẻ vô minh mới cuống si mộng tưởng, rắp tâm đem bóng tối trùm lên ánh sáng vì bóng tối làm sao có thể dập tắt ánh sáng được, mà trái trái, ánh sáng toả lên sẽ xoá tan bóng tối...

(Nhu-Thị-Am, chiều gió)



(-) Lục Tổ Huệ Năng

(+) Thiên sư Pháp Thuận

(*) Thích Mật Thể

Truyện cực ngắn

HOÀNG LONG



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

TÀN CUỘC

Tôi đứng mê mải trước máy gắp thú bông, cố gắng điều khiển sao cho tay nắm hạ xuống thật chính xác. Cái cảm giác suýt nữa thì mình làm được cứ đeo bám, khiến cho bao lần không thể rời tay. Cô bé hàng xóm đứng kế bên tôi thỉnh thoảng phải giục tôi ra về. May mà có cô bé ấy nếu không tôi chơi đến tận hoàng hôn, hết cạn tiền.

Tôi lớn lên, đi vào một nhà máy khổng lồ cao chát ngất, có những cỗ máy gắp đồ chơi thật tinh xảo vi diệu. Thật may là có cô bé năm xưa nay là bạn gái tôi đi cùng. Tôi cố gắng gắp nhà cửa, xe hơi, và đôi khi là cả một cô gái xinh đẹp vào bộ sưu tập chiến tích của tôi. Những chiến thắng làm tôi say máu, bỏ qua lời khuyên của cô bạn gái thiết thân mà

chơi mải miết. Nàng cũng hiền thực, chỉ lặng lẽ đứng cạnh bên tôi trong trò chơi gắp đồ vật đầy hư ảo của cuộc đời.

Không biết đã bao nhiêu thời gian trôi qua nhưng tôi thấy mắt mình nhìn không rõ, tay chân run rẩy đành phải ngưng lại nghỉ ngơi và thở dốc. Lúc này tôi mới nhớ đến người bạn gái vội nhìn sang hỏi thăm. Đầu ngón nàng đã trở nên già nua và héo tàn như chiếc lá úa. Tôi sững người nhìn lại mình. Đã là một ông già thật sự với mắt mờ, chân mỏi, lưng đau yếu, đầu óc mơ mơ hồ hồ. Bà già mỉm cười buồn bã nhìn tôi mà nói "Về nhà mình thôi ông ơi, còn chờ đến bao giờ nữa". Tôi cay đắng gật đầu. "Xin lỗi mình. Tôi ngu ngốc quá".

Thật may là về được đến căn nhà thực sự của

mình, bỏ lại phía sau đầy những trò chơi hư ảo với cảm dỗ chết người. Bao nhiêu thời gian quý giá đã trôi đi không sao lấy lại được nữa. Cái chiến tích một thời kia nào có giúp ích được gì cho ta đâu? Nó còn làm ta si mê thêm cơn mộng dữ khiến đời sâu.

Cũng thật may là còn có thời gian thư thả uống trà cùng với bạn trăm năm trong căn nhà thanh tịnh buổi hoàng hôn. Nhìn khuôn mặt nhàn nhúm của mình phản chiếu trong chén trà, tôi vừa cảm thấy buồn thương mà cũng cảm thấy vui mừng. Ít nhất mình cũng còn tình mộng để cảm thấy được yêu thương. Còn được uống chén trà tinh thức. Tôi quay lại nói với vợ mình "Từ bây giờ chúng ta cứ sống lặng lẽ bình yên như vậy thôi. Sáng uống trà, làm vườn, tối thưởng rượu ngắm trăng. Khi từ bỏ tất cả những thứ xã hội cho là cuộc sống, anh mới thấy mình được sống cuộc sống của chính mình". Và câu trả lời "xin vâng" đó đã trở thành phần thưởng lớn nhất cuộc đời tôi, hơn xa những món đồ hư ảo mà tôi đã gặp được trong cỗ máy khổng lồ.

SAU BỨC TƯỜNG THÀNH

Cho dù chỉ là một sợi tóc hay một tường rào thì biên giới vẫn luôn là điều cần thiết. Nó vạch ra ranh giới rõ ràng giữa điều có thể làm được và điều không thể



nhượng bộ. Biên giới cũng nêu ra được sự linh hoạt cần thiết mà không mất bản chất của chính mình. Thế nhưng sau nhiều năm, anh hiểu rằng chỉ một sợi tóc có thể làm lẩn ranh cho suy nghĩ nhưng không đủ mạnh mẽ để bảo vệ những điều quý giá. Lòng ham muốn của con người không có điểm dừng. Nếu anh không xây pháo đài phòng vệ, anh sẽ bị xâm lược. Để kiến thiết một điều gì đó riêng tư, cần phải một nền móng xây nên từ trong im lặng. Tiếng huyền não của đám đông, sự phù phiếm của người đời không thể lọt vào bên trong vương quốc. Anh đầu tư sức lực và trí lực của mình để xây nên tường thành phòng thủ với những khẩu pháo tối tân. Anh biến sa mạc phía sau tường thành thành một vương quốc trong khi các kẻ khác biến vương quốc thành những sa mạc và gọi đó là khai phá văn minh và đem đến hòa bình. Anh gọi chim về và vui đùa như con trẻ. Vương quốc của anh có sân chơi, chỗ cầu nguyện, nhà ở và tất nhiên đầy cây xanh và gió mát. Bao nhiêu người kêu gọi phải xây những chiếc cầu thay vì những bức tường. Thế nhưng sự liều lĩnh khi xây những cây cầu nối với những miền xa lạ của ý thức hệ, của sa mạc vô tận những khao khát mong cầu sẽ khiến chúng ta hoại diệt. Phải biết giới hạn của thân xác và tư tưởng con người. Trong tịch liêu, anh hoàn thành được những điều quan trọng nhất, khám phá chính bản thân mình. Pháo đài tinh thần của anh là không thể lay chuyển. Nó bảo vệ vương quốc tâm hồn và pháp giới tình thương. Đứa trẻ hồn nhiên chơi đùa trong vương quốc chính là bản thể của anh vĩnh hằng. Nhưng để bảo vệ đứa trẻ đó, anh phải biết đặt ra những nguyên tắc để giới hạn, biết dành thời gian riêng tư để chăm sóc và chơi đùa. Anh nắng của ngày thơ vĩnh cửu soi rọi tràn ngập



trong vương quốc, giữ gìn những gì quý giá nhất của riêng anh. Anh kiến tạo và anh bảo vệ. Sa mạc tiêu thụ lớn dần ngoài đó nhưng trong này vẫn tuyệt đối bình yên. Sau bức tường thành là chốn quê hương của mọi ngôn ngữ, lưu trữ mọi nỗi niềm suy tư về thân phận. Anh là người lính già canh gác căn mật sự hiện hữu để chắc chắn rằng bất chấp sa mạc đang ngày càng rộng lớn, phía sau tường thành vẫn là một vương quốc hào hoa.

TAN BĂNG

Có những ngày mọi thứ dường như đóng băng. Gió gần như không thổi, cây cối im xanh, mặt nước lặng lẽ. Anh nhìn xung quanh trú xứ, ngắm nhìn vài vật thiết thân. Trong tầm tay anh chỉ có sự tịch mịch lặng lẽ. Trang giấy trắng nằm hồ hững, cây bút chênh chếch mơ màng. Bàn tay anh mỗi mệt, đôi mắt anh trầm tư. Sự lạnh buốt hư vô không ngừng vây bủa và gào thét không lời. Những giây phút ngưng đọng như kéo dài mãi mãi. Thế nhưng bên ngoài thế giới của anh, mặt đường cũng đóng băng,

người đời vun vút lao đi chóng mặt. Về phía hố sâu vực thẳm nào đang chực chờ nuốt chửng giấc mơ xưa? Anh chú tâm lắng nghe. Vẫn thấy mình đang thở. Sinh khí vẫn tràn qua khung trời đầy băng giá. Anh hà hơi vào lòng bàn tay mình cho ấm, cầm bút lên và bắt đầu viết. Những ngón tay anh như vừa được gỡ lại giấc mơ xưa, dần dần trở nên linh hoạt. Trang giấy phập phồng hơi thở. Những con chữ vẽ lại những đường nét của giấc mơ quen thuộc, chưa bao giờ ngừng nghỉ trong anh. Căn phòng chợt sáng bừng lên như có ánh chiều tà rọi vào khung cửa sổ, hắt lên một vẻ rực rỡ kiêu hùng. Anh miệt mài viết, tái hiện giấc mơ của mình một cách âm thầm kiên nhẫn như từ bao năm nay. Cứ bắt đầu từ hơi thở và rồi thế giới sẽ tan băng.

CON ĐỐC

Con người khi sống thành thực với chính bản thân mình và trải qua đủ lâu để chứng kiến nhiều nỗi niềm đau bể sẽ luôn có điều gì đó để kiêu hãnh âm thầm. Một điều dù nhỏ bé nằm tận sâu trong đáy tim mà không ai, không thể lực nào có thể chạm tới được. Và chừng nào anh còn giữ cho mình được điều này, anh vẫn có thể sống một cuộc đời đầy phẩm giá dù trong lẻ loi im lặng, dù trong tăm tối u mê. Đó là ánh sáng mà ta tự thắp lên cho mình. Anh nghĩ vậy khi lê chân bước lên con dốc thoải thoải kéo dài một nhọc. Không như con dốc thời tuổi trẻ vốn khúc khuỷu và nhiều cạm bẫy mà anh chỉ có lòng nhiệt tình để vượt qua cùng với niềm tin khi lên đỉnh dốc, mình có thể thoải mái đi xuống trong sự nhàn tản tuổi trung niên. Thật là những tháng ngày thanh xuân tươi đẹp. Anh tự hào về mình của những ngày tháng đó nhưng không phải là không có chút

tiếc nỗi ân tình. Một bóng hình đẹp đẽ của ngày nào giờ bắt đầu tàn phai, nhiều mộng tưởng đã thành hư ảo. Như một mê cung bất tận, khi anh vừa thoai thoải những bước chân xuống dốc tuổi trẻ thì lại cũng đồng thời bước lên con dốc tuổi trung niên như một vòng xoay bất tận càng lúc càng cao dần. Những mối bận tâm tuổi trẻ bắt đầu qua đi thì những nỗi lo toan thường trực của đời sống tuổi già ập đến. Thì ra cuộc đời lúc nào mà chẳng như vậy. Độ tuổi nào và bất cứ ai cũng đều có những con dốc của đời mình. Anh có thể nghỉ mệt trong thoáng chốc nhưng rồi cũng phải tiếp tục bước đi để tự thành trọn vẹn con đường hay hành trình có tên gọi đời người. Vào độ tuổi này, anh lại thấy mình có niềm vui riêng xen kẽ với cơn mỏi mệt. Anh có một tuổi trẻ cố gắng để nhớ lại, có một tuổi trung niên vỗ về ủi an, có một niềm hy vọng vào tuổi già mãn nguyện. Thế thôi, cứ tập trung đi từng bước một. Còn đi được là còn vui mừng. Có nhiều người đã bỏ cuộc khi mới bước vào con dốc trung niên vì bệnh tật, vì một nỗi không may. Anh còn đi đứng, chậm rãi mà vững chãi mỗi ngày. Ngọn gió hiu hắt thổi suốt tuổi thơ ngây trên trán thanh xuân, trên vai lưu đầy giờ lại nghe ra một niềm mát dịu của niềm cứu rỗi, của sự nhớ thương. Anh thương tuổi thơ ngây nhỏ dại, thương tuổi trẻ nhiệt tình hư vô, thương tuổi trung niên chăm chút vỗ về, thương tuổi già an ủi mãn nguyện. Và anh thương cả cuộc đời này, thương cả những con dốc khúc khuỷu nhất để anh có nỗ lực để vượt qua, để đổi diện thành thật với mình, để có chút gì nhỏ bé mà đầy kiêu hãnh trong đáy tim sâu kín, không ai có thể chạm vào, không ai có thể lấy đi. Và ánh sáng hay nguồn năng lượng đó giúp anh tiếp tục bước đi thêm một ngày nữa, thêm nhiều ngày nữa từng bước một, đầy chậm rãi mà vững chắc, vui cùng với những ngọn gió thổi suốt cõi thế lưu đầy.

Sài Gòn, ngày 15/9/2021
Hoàng Long



Về quê tránh dịch

THƠ GỬI BẠN, QUÊ NHÀ MÙA DỊCH

Gởi Đĩnh Trâm Ca
và bằng hữu ở Q. Nam - Đà Nẵng

*(Thân linh cũng kinh đưa ngộ)
Rượu uống đã say ngửa mặt lên trời
Ngửa cổ lâu năm bực mình chửi tục
Mẹ kiếp nhân sinh - hả giận cuộc đời*

*Lý lịch cha ông - không còn hộ khẩu
Khó rách áo ôm bốn biển là nhà
Rêu nhạt bóng xuân - đầu hai thứ tóc
Quanh quẩn quê nghèo rồi lại đi xa*

*Bệnh tật - tai ương - ăn đời ở kiếp
Tới bước đường cùng không kịp trở chân
Tróc vảy trầy vì về quê trốn dịch
Mai khổ trần ai đâu phải một lần*

*Giả dại mà nghe trăm điều thiên hạ
Ngộ chỉ khép hờ đâu phải cách ly
Cấm chợ ngăn sông - quán chưa mở cửa
Nghe dè canh khuya rót giọng thăm thì*

*Dịch vô tướng vô hình - không như bọn giặc
Cứ đem thơ giảng từ phía ở quanh nhà
Sinh khí ngàn năm quay về tích tụ
Rượu uống cảm chừng vỗ nhíp Trâm Ca...*

thơ XUYÊN TRÀ

Pháp Tu “TỨ VÔ LƯỢNG TÂM”

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Tâm là một trong hai yếu tố thành lập nên con người. Tâm không phải là vật chất. Tâm trừu tượng, nên chúng ta không thể trông thấy hay sờ mó tâm được. Tuy tâm không có hình dáng như thân vật chất, nhưng không có nó thì con người không thể sống được. Tâm là những cảm xúc vui vẻ hạnh phúc, là những ưu tư phiền muộn, khổ đau, là những nhớ nhung suy nghĩ, là sự hiểu biết, là trí tuệ của con người. Những thứ này gom lại thành nguồn năng lượng sống tạo nên nhân cách của con người tốt hay xấu. Tùy theo năng lượng thiện hay bất thiện, từ đó tâm sẽ đưa ta đến cảnh giới tương ứng. Đó là cảnh giới an vui hay đau khổ, Niết-bàn hay địa ngục, Phật hay ma, tất cả đều do tâm tạo.

Muốn được an vui hạnh phúc việc đầu tiên phải tu tập điều phục chính bản tâm của mình. Trong nhà Phật có pháp môn tu “Tứ vô lượng tâm”. Đây là pháp môn tu tập giúp cho tâm người phàm phu vốn ích kỷ nhỏ hẹp, trở thành tâm quảng đại là tâm từ bi của bậc Thánh.

Đối với chúng ta, những hành giả bắt đầu bước vào đường tu đạo giải thoát, hành trì pháp môn “Tứ vô lượng tâm” chẳng những giúp thân tâm chúng ta dần dần trở nên hoàn thiện, có được lối sống của bậc Thánh ngay trong đời hiện tại, còn trường dưỡng được nhiều phước đức hỗ trợ con đường tu tập của mình nhiều đời nhiều kiếp trong tương lai cho đến khi trọn thành Phật đạo.

II. “TỨ VÔ LƯỢNG TÂM” LÀ GÌ?

Tâm vô lượng là tâm rộng lớn, mênh mông vô bờ bến, trùm khắp pháp giới. Đó là tâm vượt thoát mọi sự ràng buộc chấp trước hẹp hòi của tâm lý thường tình thương ghét, giận hờn, kiêu căng, ngã mạn...

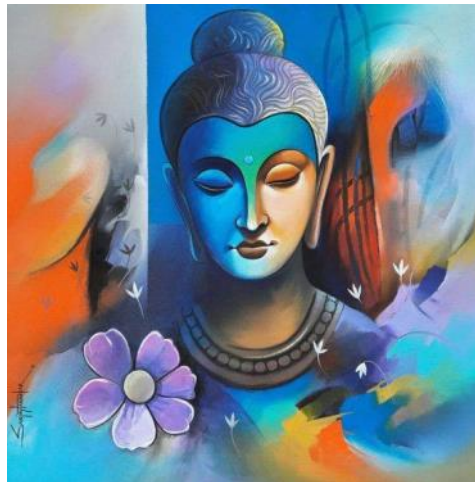
Tâm vô lượng là tâm luôn sẵn sàng mang lợi ích cho tất cả mọi người, mọi loài, không phân biệt thân sơ, tôn giáo, chủng tộc, nam

nữ, già trẻ, lớn bé, đẹp xấu... là tâm tự nhiên không so đo hơn thấp, không thấy cổ người hơn mình hay mình hơn người, ngay cả với con vật nhỏ bé... nên tâm vô lượng còn có nghĩa là “đẳng tâm” tức “tâm bình đẳng” xem tất cả chúng sanh và mình như nhau không khác.

Tâm vô lượng gồm bốn đức tánh: Từ, Bi, Hỷ, Xả nên có tên là “Tứ Vô Lượng Tâm”. Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn đức tính cao thượng ẩn chứa vô lượng vô biên công đức. Là con người, mỗi mỗi đều có sẵn bốn đức tính này, nhưng vì bị các phiền não, lo âu, ích kỷ, ghen ghét trong cuộc sống hằng ngày lấn áp, nên bốn đức tính tốt đẹp này bị chìm khuất. Muốn khơi nỏ dậy, chúng ta cần phải tẩy trần,

làm trôi đi những thứ ô nhiễm bám chặt trong tâm phàm phu bằng cách tu tập một hay các phương thức Phật dạy, đó là: Quán, Chi, Định, Huệ ... giúp tâm trong sạch, bình đẳng, không phân biệt hai bên, thì bốn đức tính Từ, Bi, Hỷ, Xả sẽ từ từ hiển lộ. Khi bốn đức tính này bắt đầu hiển lộ, chúng ta nên tiếp tục hành trì pháp môn “Tứ Vô Lượng Tâm” để năng lượng của nó phát huy ngày một vững chắc, hầu hoàn thiện bản thân mình trên con đường tâm linh, thuận duyên mang lợi ích đến cho mọi người xung quanh.

1) Tâm Từ vô lượng: Là tâm đồng cảm, thương mến rộng lớn, bình đẳng đối với vô lượng chúng sinh. Lúc nào cũng mong tạo niềm vui chân thật, mang sự mát mẻ đến cho tất cả mọi người không phân biệt chúng sanh đó là ai? Tâm Từ cũng không giới hạn đối với các loài động vật dù lớn hay nhỏ, dù dữ hay hiền, dù sống trên đất liền hay sâu dưới lòng đất, kể cả các loài chim bay trong không gian, hay loài rùa cá sống dưới nước và cả những loài cây cỏ sống trên mặt đất này. Đức Phật đã từng khuyên dạy chúng đệ tử hãy thương yêu mọi người mọi loài như tình thương của người mẹ dành cho đứa con ruột thịt của mình. Khi cần, người mẹ đó sẵn sàng hy sinh kể cả tính mạng để bảo vệ đứa con



thân yêu độc nhất không một chút ngần ngại. Trong **"Kinh Từ Bi"** có đoạn khuyến khích mọi người nên: *"...Đem an vui đến cho muôn loài. Cầu chúng sinh thầy đều an lạc. Không bỏ sót một hữu tình nào. Kẻ ốm yếu hoặc người khỏe mạnh. Giống lớn to hoặc loài dài cao. Thân trung bình hoặc, ngắn, nhỏ, thọ. Có hình tướng hay không hình tướng. Ở gần ta hoặc ở nơi xa. Đã sanh rồi hoặc sắp sanh ra. Cầu cho tất cả đều an lạc.... Như mẹ hiền thương yêu con một. Dám hy sinh bảo vệ cho con. Với muôn loài ân cần không khác. Lòng tử ái như bể như non. Tung rải từ tâm khắp vũ trụ. Mở rộng lòng thương không giới hạn..."* (Kinh Từ Bi/Metta Sutta thuộc Tiểu Bộ Kinh, do Hòa Thượng Thích Thiện Châu dịch sang tiếng Việt).

Tâm Từ không phải là tâm yêu thương thiên về dục vọng, không phải lòng luyến ái riêng đối với một cá nhân nào. Người có tâm Từ là người thương mến và mang niềm vui chân thật đến cho tất cả mọi người. Niềm vui này vượt qua niềm vui thế gian tạm bợ!

- Thế nào là niềm vui thế gian tạm bợ? Đó là niềm vui có điều kiện, là niềm vui do thỏa mãn nhu cầu của tham, sân, si, hay niềm vui do thỏa mãn lòng kiêu mạn nhất thời của người đời. Những niềm vui này không bền vững vì nó đến rồi đi nhanh chóng, để lại bao tiếc nuối khiến con người cảm thấy hụt hẫng và phiền muộn. Một niềm vui này, con người lại trở lòng tham muốn tìm kiếm niềm vui khác. Nếu không được đáp ứng, con người sẽ rơi vào trạng thái ưu sầu khổ đau. Khi được thì vui, khi mất lại buồn. Cứ mãi như thế, rồi ngã bệnh. Bệnh về tâm lý và bệnh về sinh lý tức tâm bệnh và thân bệnh. Cho nên sự vui vẻ hạnh phúc được xây dựng trên thỏa mãn tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến ... trong nhà Phật gọi đó là niềm vui huyền hoặc, giả dối, tạm bợ, là niềm vui thế gian, nó chính là nguồn gốc của đau khổ, mà con người sống ở thế gian này, lắm người u mê, lấy đau khổ làm niềm vui vì cho nó là có thật!

- Niềm vui xuất thế gian: Khác với niềm vui của thế gian là niềm vui xuất thế gian. Niềm vui xuất thế gian là niềm vui nhẹ nhàng thanh thoát, là cái vui của cảnh giới giải thoát siêu phàm. Muốn đạt được niềm vui này hành giả phải tu tập đoạn trừ tham sân si tức ly dục, ly bất thiện pháp... để chuyển hóa tâm phàm phu ích kỷ nhỏ hẹp sang tâm từ bi rộng lớn của bậc Thánh, mà trong nhà Thiền gọi là Chân Tâm hay Tâm Phật.

Tóm lại, tâm Từ vô lượng ở đây nên hiểu là tâm quảng đại thông cảm, thương mến chúng sanh. Tâm muốn mang niềm vui chân thật đến cho mọi người mọi loài, luôn mong mỏi chúng sanh được sống an vui hạnh phúc. Người có tâm Từ sẽ dẫn thân vào đời hướng



dẫn giáo hóa chúng sanh tu tập vượt thoát nỗi khổ đau trần thế.

2) Tâm Bi vô lượng: Bi là đau khổ. Tâm Bi là tâm thương xót rộng lớn trước nỗi đau khổ của chúng sanh. Người có tâm Bi, khi nhìn chúng sanh sầu bi đau khổ, họ cảm thấy như chính họ đau khổ, nên quyết tâm cứu vớt chúng sanh thoát khỏi nỗi khổ niềm đau đó. Người có tâm Bi không chỉ cứu giúp các loài hữu tình, mà đối với các loài vô tình như cây cỏ hoa lá, họ cũng không làm ngơ. Người có tâm Bi không phải chỉ ngồi yên một chỗ thương xót, mà dẫn thân hành động giúp đỡ đối tượng cần giúp. Người thực hành hạnh bố thí, là người có tâm Bi.

Giảng về "Khổ", đức Phật mô tả nỗi khổ của chúng sanh vô cùng rộng lớn. Khổ bao trùm cả thời gian không gian. Chúng sanh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A-tu-la chịu khổ là việc đương nhiên. Còn loài người sanh ra ở trần gian này tuy sung sướng hạnh phúc hơn các chúng sanh kia, nhưng cũng không thoát khỏi cảnh khổ. Họ khổ vì tham sân si làm lu mờ lý trí, nhận cái giả làm thật và luôn đắm chìm trong nỗi khao khát hưởng thụ dục vọng. Được thì vui, mất thì khổ. Và ngay cả chúng tiên ở cõi trời dù thọ mạng được lâu dài, cuộc sống không phải lo nghĩ đến miếng ăn cái mặc như chúng sanh ở cõi người, nhưng đời sống của chúng tiên đó, không phải lúc nào cũng an vui hạnh phúc, bởi vì khi hưởng hết phước thì họ cũng mang tâm trạng lo sợ, đau khổ khi thấy triệu chứng hoại diệt xuất hiện trên cơ thể họ. Như vậy, tất cả chúng sanh bất cứ sống ở cõi nào, nơi nào cũng không thoát khỏi khổ. Khổ hoài, khổ mãi, cho đến khi nào thoát ra khỏi vòng luân hồi sinh tử, nhập Niết-bàn thì mới chấm dứt khổ. Vì thế nên nói vô lượng chúng sanh có vô lượng khổ. Muốn cứu vô lượng chúng sanh thoát khổ, Bồ-tát phải thành tựu vô lượng bốn tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả thì mới làm nổi.

Chư vị Bồ-tát trên con đường tu "Tứ Vô lượng tâm" luôn tìm cơ hội giúp ích cho

chúng sanh với nguyện vọng đoạn trừ mọi khổ đau phiền não của chúng sanh và đưa chúng sanh đến bờ an lạc.

Trong kinh có ghi lại lời phát nguyện đại Bi của đức Bồ-tát Quán Thế Âm rằng: "*Nếu thế gian còn người đau khổ thì (Ngài) quyết không thành Phật*". Đức Quán Thế Âm có uy lực trùm khắp và được người đời tán thán hạnh tu của Ngài qua câu niệm: "*Nam mô đại từ đại bi tâm thịnh cứu khổ cứu nạn linh cảm ứng Quán Thế Âm Bồ-tát*" vì đức Quán Thế Âm Bồ-tát tu hạnh lắng nghe và đạt đến mức tự tánh sâu sắc thượng thừa, nghe được tiếng than khổ của chúng sanh ở khắp mọi nơi. Với lòng từ bi thương xót vô lượng, Ngài sẽ tùy thuận cứu giúp chúng sanh thoát khổ qua nhiều hình thức khác nhau. Ngoài ra, chúng ta cũng thường biết đến Ngài Địa Tạng Vương Bồ-tát trong kinh qua đại nguyện: "*Nếu địa ngục còn có một chúng sanh nào đang chịu khổ thì (Ngài) nguyện không thành Phật*".

Các vị Bồ-tát nhờ có lòng đại từ đại bi nên đã phát "*Bồ-đề tâm*" rộng lớn thệ nguyện độ khắp quần sanh. Các Ngài tự cho mình có sứ mạng ra vào trong đường sanh tử, không chấp trụ Niết-bàn, phát nguyện "*đời đời thừa hành Bồ-tát đạo*" để gần gũi chúng sanh hầu hóa độ họ theo lời Phật dạy "*Chư ác mạc tác/ Chúng thiện phụng hành/ Tự tịnh kỳ ý...*" nghĩa là xa lìa tội lỗi không làm việc ác, năng làm việc lành, lo tu tập giữ tâm ý trong sạch không còn tham, sân, si... để sớm thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. Các vị Bồ-tát thực thụ vẫn luôn tu tập như thế! Chúng ta là Phật tử, muốn thực hành Bồ-tát hạnh, tất phải mở lòng Từ, lòng Bi, thương xót tất cả mọi chúng sanh với tâm bình đẳng, không phân biệt, nghĩa là phải tu luyện để sớm đạt được lòng Từ, lòng Bi vô lượng.

3) Tâm Hỷ vô lượng: Nói cho đủ là "**Tâm Tùy Hỷ vô lượng**" nghĩa là "*vui theo*" cái vui của mọi người một cách bao dung rộng lớn. Cái vui theo này không phải là cái vui dựa vào dục vọng, phóng túng phàm tục. Thấy người ta vui vẻ hạnh phúc vì thành công trong những việc làm ác đức, như kiếm được nhiều tiền nhờ vào cờ bạc, hay lường gạt chiếm đoạt tình cảm, của cải người khác v.v... Gặp những trường hợp này, chúng ta cần phải khuyên ngăn, chứ không vui theo! Nếu chúng ta mừng vui theo họ có nghĩa là chúng ta chấp nhận hành động của họ, vui vẻ khuyến khích họ tiếp tục. Như thế là chúng ta đồng lõa với kẻ hành ác nghiệp. Đây là cái vui tội lỗi không phải là cái vui vô lượng từ bi của người mang lý tưởng tu hành đến bờ giác ngộ giải thoát.

Vui theo những việc làm mang tính đạo đức, vui theo cái vui của những người tu hành đúng chánh pháp, làm việc thiện, bố thí

giúp đỡ chúng sanh. Sự vui theo một cách trong sáng này, chính là hành động nuôi dưỡng tâm từ bi của mình, không hề ganh tỵ trước sự thành công của bất cứ người nào. Cái vui này gọi là "*tùy hỷ*", là cái vui chân thật giống như cái vui của hàng Bồ-tát độ sanh, khi các Ngài thấy chúng sanh làm những việc lợi ích cho bản thân họ, cho mọi người xung quanh, thấy chúng sanh tu hành đúng chánh pháp, đạt được kết quả mỹ mãn, trong lòng các Ngài tràn ngập niềm vui. Đây không phải là cái vui thường tình của thế gian mà là cái vui cao thượng của chư vị Hiền Thánh.

Như vậy "*Tâm Hỷ vô lượng*" là lòng vui vẻ rộng lớn phát xuất từ tâm Từ, tâm Bi. Khi thấy chúng sanh được an vui hạnh phúc hơn mình thì lòng vui mừng, không ẩn chứa sự ô nhiễm mê lầm đố kỵ hẹp hòi của tâm phàm phu, nó là nền tảng thúc đẩy người tu học Phật sớm thành tựu quả Bồ-đề.

4) Tâm Xả vô lượng: Động từ Xả có nghĩa là xả bỏ, buông bỏ, không còn cố chấp, dính mắc với bất cứ những gì đã làm, đã có, đã đạt được kết quả tốt hay chưa tốt về vật chất lẫn tinh thần. Nói cách khác là không còn chấp có, chấp không, chấp thành, chấp hoại, chấp ngã, chấp pháp, chấp vui, chấp buồn... Phần đông người chưa tu tập không làm được như vậy, vì với tâm phàm phu luôn vị kỷ. Khi làm được một việc thiện nào thì tự hào, tự đắc, khoe khoang... hoặc mình không làm, thấy người ta làm được việc thì vui vẻ hùa theo để cho mọi người thấy mình cũng có lòng tốt, cũng có góp phần. Sự tùy hỷ giả tạo này không ích lợi gì, ngoài việc tô bồi cho cái Ngã của mình mỗi ngày một thêm lớn. Đó là sợi dây tự mình trói buộc phiền não vào cho mình mà thôi!

Chư vị Bồ-tát thì không như vậy, các Ngài làm việc với tâm Đại Xả, cho nên bước vào cuộc đời nhiều nung nấu đau khổ cứu độ chúng sanh, các Ngài không hề bị nhiễm phiền não. Được như vậy là nhờ các Ngài sống với tâm Xả, tâm Không. Do đó, các Ngài đến đi, thông dong tự tại, không gì ngăn ngại.

Tâm Xả còn có một ý nghĩa khác là tâm Định vững chắc của người đạt được tầng Định thứ tư là Định bất động còn gọi là Tâm Như. Người đạt Tâm Như hay Tâm Xả vô lượng là người đạt được cảnh giới thanh tịnh, bình đẳng không còn bị vướng mắc trói buộc bất cứ hình ảnh ẩn tượng cảnh vật nào trong tâm họ. Họ sống một cách thông dong, khi nào chúng sanh cần thì họ đến, khi nào xong việc thì họ đi một cách tự tại, vô ngại. Mười phương chư Phật, Bồ-tát đều tu Tâm Xả vô lượng mà đạt đến kết quả mỹ mãn. Chúng sanh ngày nay muốn đi trên đường giải thoát thì không thể không hành trì tu tập để đạt được Tâm Xả cao thượng này!

III. BƯỚC ĐẦU TU “TỬ VÔ LƯỢNG TÂM”

Là con người không ai là không có tử tâm. Nhưng muốn cho tâm này xuất hiện thường xuyên thì chúng ta cần phải tu tập. Trước hết tu tập tâm Tử tâm Bi qua mắt thấy, tai nghe, thân xúc chạm.

Khi bắt chợt thấy một con chim, con bướm, con ve đậu trên cành cây rơi xuống đất bị tổn thương, người có tâm Tử yếu ớt, trong lòng cũng vấy lên một chút tội nghiệp theo bản năng, nhưng rồi bỏ đi luôn. Qua thời khắc này tâm Tử của người đó biến mất. Nay chúng ta muốn tu tập tâm Tử, gặp trường hợp này, chúng ta không nhìn những con vật cần được giúp đỡ đó bằng ánh mắt thờ ơ, mà là ánh mắt của thương cảm, đó là ánh mắt của tâm Tử, rồi tìm cách giúp nó, đó là tâm Bi.

Thấy một nhánh cây trồng trong vườn bị mưa gió xô ngã, mình nhìn nó bằng ánh mắt tội nghiệp, tìm cách chỉnh sửa cho cây được ngay thẳng và cho thêm đất quanh gốc cây cho nó đứng vững vàng trở lại. Đó là mình đang thực hiện tâm Tử, tâm Bi.

Thấy cây đu đủ hay bất cứ loại cây nào mang trên thân nhiều trái, mình không khởi tâm tham, thỏa mãn, thích thú, vì cây có nhiều trái sẽ cho nhiều lợi nhuận mà nghĩ thân cây như người mẹ đang nuôi một đàn con là những trái bám vào thân cây đang hút nhựa sống từ thân mẹ, mình khởi lòng thương, phân bón và tưới nước cho thân cây mẹ có sức mà nuôi con. Đó là mình có tâm Tử tâm Bi.

Thấy một con vật nào vô ý rơi vào lu nước, mình tội nghiệp vớt ra cứu sống nó. Đó là hành động thể hiện tâm Tử tâm Bi. Đi đường thấy một bà lão lụm khum ôm một túi xách nặng nề mình phát tâm khiêng giúp. Hay trên xe buýt, không còn chỗ ngồi, thấy người già hay khuyết tật, mình cảm thấy thương cảm nhường chỗ ngồi của mình cho họ thì đây cũng là hành động của người có tâm Tử tâm Bi.

Trên đường lái xe đi làm về, thấy một chiếc xe rẽ máy qua mặt các xe khác rồi vượt đèn đỏ, chúng ta thường khởi tâm bực bội mong người lái chiếc xe đó bị cảnh sát công lộ chặn phạt, hoặc trong đầu khởi lên ý nghĩ: “*Lái xe bạt mạng cái kiểu ngang tàng như vậy, trước sau gì cũng xảy ra tai nạn nguy hiểm đến tính mạng, lúc đó thì chớ trách!*” Những ý nghĩ này tuy là bình thường hợp lý, bởi lái xe phạm luật như vậy rất dễ gây tai nạn chết người, hoặc nếu bị cảnh sát bắt gặp thì lãnh giấy phạt là cái chắc. Nhưng trong nhà Phật thì đó là những ý nghĩ bất thiện chứa mầm mống sân giận của mình. Gặp trường hợp này, mình không cần khởi tâm sân giận là tâm ác tạo nghiệp cho mình làm chi. Ở đời nghiệp ai làm người đó chịu! Nếu tu tập thiền Huệ thì chúng ta tập nhìn thấy

như thật (yathà bhùta). Sai biết sai, đúng biết đúng, tâm không phản ứng, bởi vì có phê bình chê trách thì người đó cũng đâu có nghe, đâu có biết mình suy nghĩ gì?

Còn như hôm nay, thực tập tâm Tử chúng ta “*như lý tác ý*” điều lành trong tâm. Đó là, khi thấy những cảnh tượng xảy ra trên đường lái xe về nhà như vậy, mình động lòng thông cảm, chắc là gia đình người ta đang có chuyện gấp, cần giải quyết chẳng hạn như vợ đau bụng sắp sanh, hay cha mẹ già đau ốm, hoặc con cái gặp rắc rối gì đó, hay chính bản thân người lái xe có chuyện buồn bực lo lắng điều chi nên mới gấp như vậy thôi! Nếu mình ở trong hoàn cảnh như họ, tâm mình cũng sẽ rối lên, và lái xe bất cẩn như họ vậy! Chỉ cần phát tâm thông cảm như thế, trong lòng mình sẽ tự động mong muốn cho đối phương sớm về tới nhà bình an để giải quyết được chuyện rắc rối. Như thế là tâm Tử đã xuất hiện trong con người của mình rồi. Cứ tập hoài như vậy, tâm Tử tâm Bi có sẵn trong tâm của chúng ta sẽ xuất hiện thường xuyên và tự nhiên hơn.

IV. THIỀN QUÁN “TÂM TỬ”

Có pháp tu “*Quán Tâm Tử*” trong lúc ngồi thiền. Quán ở đây là tưởng tượng xung quanh mình có vô lượng chúng sanh. Chúng sanh có hình tướng và chúng sanh không có hình tướng. Trong lúc tọa thiền mình khởi lòng mong muốn hay cầu nguyện cho tất cả các chúng sanh ở mười phương bao quanh mình thành vòng tròn như Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông-Tây, Tây-Nam, Nam-Bắc, Đông-Bắc, hướng ở trên và hướng ở dưới.

Mới ban đầu thì thiền giả quán đến các chúng sanh ở trong cơ thể mình, mong cho các sinh vi khuẩn, các tế bào trong người mình được hài hòa, mát mẻ, dễ chịu, mong cho mình được khỏe mạnh, bình yên, tâm Bồ-đề kiên cố, việc tu hành không bị trở ngại v.v... Tiếp theo hành giả cũng quán những điều thiện lành như thế đến với các chúng sanh bên ngoài xung quanh mình. Sau đó, từ từ rời rộng vòng tròn không gian mỗi lúc một lan rộng ra mười phương. Cứ tu tập như vậy lâu ngày, tâm Tử của thiền giả sẽ phát huy lan rộng theo vòng tròn quanh mình vững chắc, tạo từ trường năng lượng từ bi đến môi trường xung quanh.

Tâm Tử thường xuyên xuất hiện thì tâm Sân ngày càng yếu đi. Khi tâm Tử vững chắc thì tâm Bi sẽ xuất hiện. Tâm Bi xuất hiện thì thiền giả không thể làm ngơ trước sự đau khổ của những người xung quanh. Vị ấy sẽ phát tâm bố thí, giúp đỡ. Khi có tâm bố thí thì tâm tham của người đó mỗi ngày một yếu đi. Khi thấy người ta vui vẻ hạnh phúc thì tâm Hỷ xuất hiện. Mà tâm Hỷ xuất hiện thì thiền giả dẹp được tâm ganh ghét đố kỵ. Người nào sống với tâm Tử Bi Hỷ Xả là người

đó đang sống trong tâm quảng đại, là người đang trên đại lộ đi đến giác ngộ giải thoát.

V. KẾT LUẬN

"**Tứ Vô Lượng Tâm**" là bốn trạng thái của tâm Bồ-tát. Bốn tâm này liên kết với nhau thành tâm quảng đại trùm khắp. Khi tâm quảng đại xuất hiện, thì tâm nhỏ hẹp biến mất. Người đạt được tâm quảng đại sống thong dong tự tại, lúc nào họ cũng có tâm nguyện mang niềm vui hạnh phúc đến cho mọi người mọi loài một cách tự nhiên.

Vì sự lợi ích của vô lượng chúng sanh, nên chư Phật, chư Bồ-tát dùng pháp môn này để nhiếp hóa chúng sanh, đưa chúng sanh vượt qua biển sinh tử tới bờ giác ngộ giải thoát.

"**Tứ Vô Lượng Tâm**" là bốn đức tánh thanh tịnh có sẵn trong mỗi chúng sinh, nhưng vì tham, sân, si, mạn, nghi, cổ chấp, phiền não... làm cho bốn đức tính đó bị lu mờ. Nay hiểu rõ lợi ích của pháp môn "**Tứ Vô Lượng Tâm**", chúng ta hãy tự khởi tâm thương mến chúng sanh không phân biệt thân sơ, mang niềm vui đến cho mọi người, đồng thời giúp đỡ, an ủi những ai đang ở trong tình trạng khổ não khổ đau, đó là chúng ta đang hành trì tâm Từ, tâm Bi. Sống vui với niềm vui của tất cả mọi người không phân biệt kẻ thù người thân đó là tâm Tùy Hỷ. Luôn sống trong tâm Xả là tâm bình thản không dính mắc với những việc mình đã làm giúp người dù thành công hay thất bại. Thất bại thì tìm phương thức khác để tiếp tục giúp đỡ. Thành công thì không dính mắc với sự thành công. Đó là chúng ta sống trong tâm Xả.

Tóm lại, là Phật tử phát Bồ-đề tâm, thực hành hạnh Bồ-tát, ban đầu chúng ta tập khởi sáng bốn ngọn đuốc Từ, Bi, Hỷ, Xả trong tự tâm. Siêng năng hành trì bốn tâm này, để ánh hào quang của bốn ngọn đuốc Từ, Bi, Hỷ, Xả ngày một sáng tỏ, lan truyền tới mọi người quanh mình, như chư vị Bồ-tát thương xót cứu giúp vô lượng chúng sanh thoát khỏi vô lượng nỗi khổ, đạt giác ngộ giải thoát. Được như thế thì ngay bản thân của mình dù không cầu mong vẫn được an vui hạnh phúc. Nếu nói đến công đức, thì công đức vô lậu của việc hành trì pháp tu "**Tứ Vô Lượng Tâm**" chính là nền tảng đưa vị đó tới quả vị Bồ-đề./.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ
(Thiền thất Chân Tâm, 15-7-2021)

TRỞ VỀ NHÀ XƯA

*Ta hiện hữu trên đời
Đâu phải mới đây thôi
Mà đã vô số kiếp
Lang thang trong luân hồi.*

*Cuộc đời như giòng sông
Trôi chảy mãi không ngừng
Chưa bao giờ dừng lại
Dù chỉ một sát-na.*

*Ngồi yên nghe diệu pháp
Văng vẳng tiếng chuông ngân
Gọi người đang say giấc
Mau tỉnh giấc mơ nồng.*

*Vạn pháp có rồi không
Như mộng, huyễn, bọt, bóng
Như mây trời lãnh đãng
Như khói sương bèo bồng.*

*Hành giả đạt tánh Không
Đường trần sống thong dong
Vạn duyên đều buông xuống
Sanh tử chẳng bận lòng!*

*Với cặp mắt tinh anh
Người cùng tử trở về
Trở về căn nhà xưa
Cội nguồn từ muôn thuở.*

*Còn gì vui sướng hơn
Mọi mê lầm sụp đổ
Một khi ta liễu ngộ
Khuôn mặt thật xưa nay!*

*Qua nhiều kiếp trôi lăn
Sông chưa về với biển
Nay đủ duyên đối diện
Như Lai thường hiện tiền.*



thơ **DIỆU VIÊN**

CƠ THỂ BỊ TẤN CÔNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

A. Các bệnh chính của cơ thể là gì?

Cơ thể con người là nạn nhân của cả ngàn thứ bệnh. Và có nhiều cách để phân loại chúng. Một trong những cách này là chia chúng ra thành từng loại một tùy theo nguyên nhân. Đó là:

- 1- Bệnh do vi trùng gây ra như sốt thấp khớp, thương hàn, lao, bệnh dịch tả và ngộ độc thực phẩm;
- 2- Bệnh do siêu vi trùng gây ra như tê liệt trẻ em, bệnh ban đào, cúm và bệnh cảm lạnh;
- 3- Bệnh do ký sinh trùng như bệnh gây ra do các loại nấm, giun, và các đơn bào như bệnh amibe.

Đó là những bệnh gây ra do nguyên nhân từ ngoài.

1. Bệnh gây ra do dinh dưỡng như thiếu sinh tố cho tới bệnh kwashiorkor vì thiếu chất đạm làm cho cơ thể cháu bé bị tiêu hủy và gây ra ảnh hưởng trầm trọng cho sức khỏe.
2. Các bệnh gây ra do những nguyên nhân đến từ cơ thể như u bướu và ung thư;
3. Bệnh tự miễn như viêm khớp dạng thấp;
4. Bệnh về tuyến nội tiết như tiểu đường;
5. Bệnh gây ra do gene có ngay khi mới sanh như trong hội chứng Down và bệnh hồng cầu liềm;
6. Bệnh gây ra do sự thoái hóa như mất thính giác, thị giác rất thông thường ở người cao tuổi;
7. Các bệnh về hóa chất và vật chất gây thương tích như phồng, ngã và các tai nạn khác;

Các bệnh do dùng dược phẩm.

B. Các bệnh do ký sinh trùng có gây ra thiệt mạng không?

Ký sinh trùng là một sinh vật sống ở một cơ thể khác và lấy chất dinh dưỡng, hoặc đầu độc cũng như tiêu hủy các mô bào của chúng. Các bệnh này có thể nhỏ li ti như các động vật đơn bào gây ra từ bệnh sốt rét tới bệnh

sán dây có thể dài cả mấy thước.

Một số bệnh ký sinh trùng đều ít nghiêm trọng như bệnh nấm ở chân các lực sĩ và các bệnh khác rất nặng đôi khi gây ra chết, chẳng hạn bệnh sốt rét là bệnh làm nhiều người trên thế giới bị tử thần mang đi. Tuy nhiên đa số bệnh do ký sinh trùng không giết người. Nếu có thì tự chúng sẽ chết và bệnh không còn nữa. Thực vậy bệnh này và thân chủ sống chung với nhau vì khi cơ thể khỏe và chịu được các tổn thương do chúng gây ra.

Ở đâu có dinh dưỡng tốt thì cơ thể của ta chống lại các bệnh gây ra do ký sinh trùng. Và ngược lại khi kém dinh dưỡng và nghèo thì các bệnh gây ra do ký sinh trùng đều rất nguy hiểm.

C. Các bệnh truyền nhiễm infectious diseases và bị nhiễm trùng contagious diseases có giống nhau không?

Có nhiều người dùng hai chữ này rất tùy tiện nhưng cần phân biệt rõ.

Chữ *truyền nhiễm* dùng để chỉ những bệnh truyền từ các con vật, người hoặc thực phẩm có vi trùng.

Còn chữ *nhiễm trùng* là một từ có nghĩa hẹp được dùng để chỉ các bệnh truyền trực tiếp từ người này sang người khác.

Cả hai loại bệnh này đều do các sinh vật nhỏ chỉ nhìn thấy qua kính hiển vi.

Các bệnh không gây ra do các vật còn sống như bệnh đa xơ cứng, đều không truyền được.

Bệnh dịch hạch thể hạch hoặc Tử Thần Đen Black Death đã tiêu diệt một phần ba dân chúng Âu châu vào thế kỷ thứ 14 là một bệnh thiên về truyền nhiễm hơn là nhiễm trùng. Dân chúng mang bệnh khi bị cắn bởi những con bọ chét đã bị bệnh với vi khuẩn bệnh từ các con chuột mà chúng sống như những loại ký sinh trùng, dù rằng có thể từ người sang người như là bệnh dịch hạch phổi.

Bệnh dại là những bệnh truyền nhiễm khác. Một người bị bệnh dại không gây ra



Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

nguy hiểm cho ai. Ta có thể bị bệnh dại khi bị một con vật như chó, dơi hoặc các thú vật khác.

Ngược lại, cúm là bệnh truyền nhiễm vì chúng lan xa và cũng là bệnh nhiễm trùng vì bệnh này lan ra xa qua những giọt nước chứa siêu vi trùng mà người khác nhận được.

D. Có gì khác nhau giữa cấp tính và kinh niên?

Khó tiêu cấp tính và viêm ruột dư là các chữ khá quen thuộc.

Cũng như các bệnh cấp tính khác, cả hai bệnh này đều xảy ra bất thành linh với các triệu chứng rất quan trọng.

Khó tiêu rồi sẽ hết còn nạn nhân bị bệnh ruột dư lại phải cấp tốc vào phòng cấp cứu để mổ.

Bệnh kinh niên như viêm khớp hoặc vữa xơ động mạch xảy ra từ từ và kéo dài cả mấy năm.

Một số bệnh như sốt rét được coi như xảy ra nhiều lần liên tiếp bởi vì không có các triệu chứng xen lẫn với thời kỳ có bệnh.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com



CƠN MƠ CUỒNG VỌNG

*Trời đã vào thu
Tôi cũng chớm già
Mười sáu năm sau sẽ được nghỉ hưu
Còn cày một xú
Nhưng tôi hiểu
Có thể một ngày nào trong sáng thu
Bỏ dở cuộc chơi
Hồn chơi vơi trong sắc lá mùa lên
Trời đất mông mênh
Vô thường lãng đãng
Cũng có khi đông sang
Ngày tuyết ngập tràn
Tôi sẽ về miền vĩnh viễn chơi hoang
màu tinh khiết thiên nhiên
Phủ lấy hồn tôi
Vẫn mơ ngồi bên bếp sưởi hồng
Nào ai biết mùa xuân bắt tận
Hoa tràn đồng, hoa rục rờ thôn trang
Hoa khắp phố phường
Hồn tôi rong ruổi mười phương
Thân xác hóa tro nuôi những bông hoa diễm lệ
Thì thâm trong gió thổi chim ca
Biển mùa hạ
Nói sao hết đất trời khoáng đãng
Hồn mơ màng
Trong nắng gió thênh thang
Đã từ lâu
Ngọt ngọt bít bùng trong xác thân
Ngày lại ngày cuộc sống đầy tẻ nhạt
Tâm hồn bị cầm tù
Vô số kiếp âm u
Giờ vỡ tung bung bật bay lên
Lửa hùng đông thấp đỏ hoàng hôn
Giữa phương trời cao rộng
Cái chết đáng sợ không?
Người điên có sợ bao giờ!
Người điên biết làm thơ
Nuôi những cơn mơ cuồng vọng
Bốn mùa trong tâm tưởng
Cuộc chơi tiếp diễn vô thường*

thơ **TIÊU LỤC THẦN PHONG**

Át Lăng thành, 10/21

CANH RAU MUỐNG RIÊU CHAY



Cân lượng món này P. nhắm chừng, không có chính xác vì lượng sữa và cà chua dưới này là P. nấu bún riêu chay (P. múc một ít riêu chay để nấu món canh rau muống để khỏi mất công làm riêu thêm một lần nữa).

1. Nguyên liệu:

- ◆ 1 lít nước lèo hay nước lã
- ◆ 6-7 trái cà chua, mua loại tomato on the vine
- ◆ Khoảng 1 lít sữa đậu nành nước đầu (sữa mình tự xay thì đặc nên sẽ đông riêu rất nhiều, không cần phải dùng thêm đậu hũ non nữa).
- ◆ Rau muống ít nhiều tùy khẩu phần, cắt khúc ngắn.
- ◆ Gia vị: muối, đường, tiêu, hay bột nêm nếu thích ngon hơn.

2. Thực hiện:

Lấy nồi 3 quarts cho nước lèo hay nước lã vào nấu sôi.

Cà chua cắt muối nhỏ, cho vào chảo dầu xào cho hơi mềm, nêm nêm gia vị cho vừa ăn, đổ sữa vào nấu lửa lớn, khi sôi

riêu sẽ nổi lên (sở dĩ có nhiều bạn làm riêu không nổi là do độ chua không đủ... chứ không phải là do đổ sữa lạnh vào cà chua đã xào trước để nấu sôi lên hay là nấu sữa sôi trước rồi mới cho cà xào vào; P. nấu cách nào thì riêu cũng nổi hết. Cách xào cà trước rồi mới đổ sữa vào nấu sôi sẽ có cái lợi là sữa không dính đáy nồi, không bị khét. Cho dù nấu bằng cách nào đi nữa, bạn cũng phải đợi cho riêu nổi rồi mới đổ vào nồi nước lèo lớn, nếu đổ trước sẽ làm loãng mất độ chua riêu sẽ không nổi). Nước trong là cà đủ để có riêu nổi, còn nước đục là chưa đủ, nếu nấu chưa quen thì cho sữa từ từ vào, đừng cho hết... thì lần sau bạn sẽ nhắm chừng được là bao nhiêu cà, bao nhiêu sữa là đủ. Khi riêu nổi hết thì đổ nguyên chảo riêu này vào nồi nước lèo để nấu bún riêu, còn P. nấu canh nên chỉ múc chút cho vào nồi 3 quarts trên, nấu sôi lên, cho rau muống vào, nêm nếm lại cho vừa ăn, tắt bếp.

Ăn với cơm, món kho, chiên, v.v... rất ngon miệng.

(G. Phượng – Món chay thanh tịnh)

CŨNG PHẢI TU THEO NGÀI THẦN TỬ

Thiện Quả - Đào Văn Bình

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Có một câu chuyện tu thân mà tôi học từ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Sơ Đẳng (Tiểu Học) khi tôi còn mười, mười một tuổi tức cách đây 70 năm tại Hải Phòng mà tôi vẫn còn nhớ. Đó là bài **Cách Sửa Mình** như sau:

"Ông Trình tử (Trình Y Xuyên đời Tống) xưa để hai cái lọ ở bên cạnh chỗ ngồi. Mỗi khi trong bụng nghĩ một điều gì thiện, thì ông bỏ một hạt đậu trắng vào trong một lọ. Mỗi khi nghĩ một điều gì ác, thì ông lại bỏ một hạt đậu đen vào cái lọ kia. Lúc đầu, đậu đen nhiều, đậu trắng ít. Sau đậu trắng nhiều, đậu đen ít, dần dần đến không còn một hạt đậu đen nào. Về sau, không cần phải bỏ đậu trắng nữa, tâm tính bấy giờ thuần nhiên toàn thiện. Vì ông Trình tử biết sửa tâm rèn tính như thế mới thành được người hiền triết. Vậy ta nên lấy đó làm gương mà sửa mình. Trong sách có câu: "Từ đấng thiên tử cho đến kẻ thứ 42 nhân ai ai cũng phải lấy sự tu thân làm gốc." Vậy người ta bất cứ làm gì cũng phải cố mà sửa mình cho nên con người có phẩm hạnh." (Tài liệu trên Internet)

Từ đạo **tu thân**, sửa mình của bậc quân tử qua Ông Trình Tử, chúng ta không thể coi thường các bậc Nho Gia. Bậc quân tử theo Đạo Nho là người tự tu thân, sửa mình trước rồi mới ra làm quan giúp nước qua tiến trình: Chính Tâm, Thành Ý, Tu, Tề, Trị, Bình.

- **Chính tâm:**

Tâm địa phải ngay thẳng, không tà vạy, không thiên vị theo khuôn thước "*Pháp bất vi thân, chí công vô tư*". Đây giống như quan niệm Tu Tâm của Đạo Phật.

- **Thành ý:** Khi nảy ra một ý gì thì ý đó phải chân thành, xây dựng, vì quốc gia dân tộc, không vì mình, không đố kỵ tỵ hiềm. Đây chính là Chánh Kiến, Chánh Tư Duy trong Bát Chánh Đạo.

- **Tu:** Dù có Chính Tâm, dù Thành Ý nhưng vẫn phải tu. Như viên ngọc dù quý nhưng vẫn phải mài dũa. Ở đây nên tu theo phép tu của Trình Tử.

- **Tề:** Ở đây là tề gia. Phải sắp xếp sao cho gia đình êm ấm. Thuận vợ thuận chồng, con cái biết vâng lời, học hành, làm việc tới nơi tới chốn. Cứ thử tưởng tượng gia đình vợ chồng cãi lộn, đánh chửi nhau tối ngày rồi đưa nhau ra tòa ly dị, con cái hư hỏng ùm sùm cả xã hội thì tâm trí đâu mà

quản trị, lo chuyện đất nước? Vì các đệ tử của Phật đã xuất gia cho nên Đức Phật không dạy đệ tử cách "tề gia" nhưng Đức Phật cũng có bài pháp dạy con dâu ông trưởng giả Cấp Cô Độc về đạo làm vợ sao cho gia đình hạnh phúc, êm ấm và được mọi người thương mến, quý trọng. (Đức Phật cũng dạy đầy đủ bốn phần của người tại gia đối với gia đình trong kinh Thiện Sanh – Chú thích của Chánh Pháp)

- **Trị:** Với những đức tính này thì việc quản trị đất nước chắc chắn sẽ thành công. Luật pháp chỉ trừng trị tội ác nhưng không ngăn ngừa được tội ác. Chỉ có lương tâm và đạo đức mới ngăn ngừa được tội ác mà thôi. Một xã hội mà viên chức nhà nước đạo đức, liêm chính, luật pháp được thượng tôn thì đất nước sẽ thái bình thịnh trị.

- **Bình thiên hạ:** Khi đất nước đã thái bình thịnh trị rồi thì nó là khuôn thước, mẫu mực cho toàn thế giới. Một quốc gia hùng cường hay siêu cường không phải là quốc gia có vũ khí tối tân mà là có đạo đức làm mẫu mực cho toàn thế giới. Khi đó không cần dùng binh, can thiệp vào nội bộ, lật đổ, cầm quyền mà vẫn cai trị được thiên hạ, bảo đầu nghe đó. Cho nên người xưa lấy đức trị dân và "bình thiên hạ" là như vậy.

Ngày nay Đạo Phật ở trong và ngoài nước phát triển chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc thế nhưng đang phải đối phó với vấn nạn tăng ni hư đốn. **Trong Tam Bảo, thì Phật Bảo và Pháp Bảo không bao giờ hư đốn mà chỉ có Tăng Bảo là có thể hư đốn mà thôi.** Sự suy tàn của một tôn giáo có thể do: sự tiêu diệt của ngoại bang, sự chèn ép của một tôn giáo mạnh hơn, sự kỳ thị của chính quyền. Nhưng trong hòa bình, một tôn giáo sẽ biến mất khỏi trái đất này nếu nó trở nên hư đốn hoặc không còn thích nghi với tri thức và khát vọng của thời đại. Không thích nghi thì còn có thể làm cho nó trở nên thích nghi. Còn hư đốn thì "hết thuốc chữa". Ba hư đốn kinh khủng nhất của thời đại ngày hôm nay là 1) Tham tiền, 2) Dâm ô với trẻ em và với đàn bà, con trai, con gái và 3) Ham mê hư danh, sống sa hoa trụy lạc. Thấy tu sĩ hư đốn, tín đồ sẽ khinh bỉ cả tôn giáo đó và tìm đến một tôn giáo khác. Nếu hư đốn mỗi lúc mỗi trầm trọng thì tôn giáo đó diệt vong.

Xin nhớ cho tu sĩ vẫn là con người

(Priests are human being) với tất cả đam mê, dục vọng khoái cảm của một con người. Tu sĩ dù là nam hay nữ vẫn là con người mà lúc nào cũng muốn hưởng thụ khoái cảm của xác thịt và của Lục Căn, Lục Trần, Lục Thức. Chỉ với **ý chí quyết liệt** mới có thể đề hoặc cao hơn là diệt được những cảm dơ của xác thân này. Do đó lơ là mất cảnh giác, không giữ gìn giới luật, không quyết tâm tu hành... thì sa đọa và hư đốn xảy đến cấp kỳ. Ngay thời Đức Phật còn tại thế đã có tăng/ni hư đốn (*phạm giới*) thế nhưng còn ít và chưa thành một "tê nạn" vì lúc đó người theo Đạo Phật ở Ấn Độ còn tương đối ít.

Trong bài viết, "**Đề Phòng Khả Năng Tự Suy Thoái của Đạo Phật**" đăng trên Thư Viện Hoa Sen, tác giả Trần Văn Chánh cho biết:

"Số liệu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam ghi nhận cả nước có gần 45 triệu người quy y Tam Bảo, chiếm phân nửa dân số; có hơn 14.000 tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, khoảng 45.000 Tăng Ni; trên 800 đơn vị Gia đình Phật tử."

Với số lượng 45 triệu người tin theo, uy thế của Phật Giáo rất lớn. Thế nhưng nếu con số 45 triệu người này bất mãn vì sự hư đốn của tăng ni thì ảnh hưởng xấu của nó cũng rất lớn. Về sự hư đốn của tăng ni, tác giả Trần Văn Chánh cho biết:

"Thực tế cho thấy một số Tăng Ni đang có khuynh hướng coi trọng việc xây chùa to, dựng tượng lớn, phát triển cơ sở vật chất mang tính hiện đại, coi nhẹ thanh quy và việc hoằng pháp. Những năm gần đây, nhiều lễ hội mang màu sắc Phật giáo có khuynh hướng mê tín rở rệt, bị một số đình chùa lạm dụng trục lợi trắng trợn, tạo nên những hình ảnh lệch lạc khó coi bị cả dư luận xã hội lên án, làm ảnh hưởng nặng nề đến uy tín chung của Phật giáo. Việc dùng xe công đi lễ chùa rất phổ biến hiện nay cũng cho thấy hiện tượng chạy theo những giá trị hào nhoáng bề ngoài của một số Phật tử trong giới công quyền."

Quan sát lối sống và tu hành của tăng ni trong nhiều năm qua, rất nhiều thiện tri thức than phiền rằng họ tập trung quá nhiều vào việc **kiếm tiền, tụng kinh, tụng sám ma, cầu an, cầu siêu cho người chết**. Tất cả những thứ này không giúp ích gì người tu hành cả. Ngày xưa đệ tử Phật không tụng kinh hằng ngày, lập đi lập lại như một cái máy mà chỉ **nghe Phật thuyết giảng** xong rồi quyết chí tu theo như lời giáo huấn của Phật.

Nguyên do của sự hư đốn do **tâm** chứ không do **cảnh** và không thể đổ lỗi cho cảnh. Không thể nói rằng bà, cô ấy đẹp cho nên tôi sa ngã. Cũng không thể nói rằng chùa giàu làm người ta kính trọng, còn chùa nghèo thì người ta coi thường cho nên tôi phải tìm cách

kiếm tiền. Hễ luyến vào cảnh thì sanh tâm hư đốn. Do đó phải tu tâm hay luyện tâm. Phải dành nhiều thời giờ vào Thiền Định và Quán Chiếu. Về Thiền Định tôi không dám lạm bàn vì không phải thiền sư. Về Quán Chiếu tôi có thể đề nghị nên quán chiếu Khổ Đế, Vô Thường và Tham Sân Si. Và kết hợp lối quán chiếu này với cách tu thân của Trình Tử. **Chư tăng/ni nên lấy hai cái lọ và một ít đậu xanh, đậu trắng.**

- Khi có Phật tử đem tiền bạc đến cúng dường, nếu thấy vui mừng thì bỏ một hạt đậu đen. Còn nếu thấy đây có thể là phiền não và tai họa thì bỏ một hạt đậu trắng. Đức Pháp Chủ Thích Phổ Tuệ nói rằng tôi sợ tiền bạc thì đây là sự chứng ngộ của bậc thánh tăng.

- Khi có người đến cúng chùa tài vật, nếu nghĩ tới gia đình, anh chị em, hoặc sử dụng riêng tư thì bỏ một hạt đậu đen. Còn nếu nghĩ đến người nghèo khổ, tiền của đàn na thì chủ thì dùng vào Phật sự và bố thí, không sử dụng riêng thì bỏ một hạt đậu trắng. Theo lời kể của HT. Thích Nguyễn Siêu (San Diego, CA), đại lão Hòa Thượng Thích Mật Hiển (Ôn Mật Hiển) dù chùa rất nghèo nhưng thấy cái gì dư thừa đều nói đệ tử đem chu cấp cho những người nghèo khổ. Cũng theo thầy Thích Nguyễn Siêu, "**Đại lão Hòa Thượng Thích Mật Hiển- một bậc Thạc Trụ Thiền gia, Tông Lâm Mô Phạm đã hưng khởi uy nghi, đức độ dưới vòm trời Sơn Môn xứ Huế vào các thập niên 1940-1980, uy đức ấy mãi rạng ngời trong tâm thức người Phật tử mỗi khi tưởng niệm về Ôn."**

- Nếu có nam nữ Phật tử đẹp để đến gần và nói lời hoa bướm, nếu thấy vui, thấy thích thì bỏ một hạt đậu đen. Còn nếu thấy đây là cội nguồn của tai họa thì bỏ một hạt đậu trắng.

- Khi nghe băng nhạc, các chương trình ca kỹ mà thấy vui, thấy thích thì bỏ một hạt đậu đen. Còn thấy đây là niềm vui của thế tục, trong niềm vui đã có khổ đau... thì bỏ một hạt đậu trắng. Nếu thấy ca kỹ là niềm vui thì tu hành khổ hạnh để làm gì? Sao không bỏ áo tu hành ra làm ca sĩ, MC vừa có tiền vừa nổi tiếng vừa sung sướng?

- Khi có Phật tử vái lạy cung kính mà thấy thỏa mãn thì bỏ một hạt đậu đen. Còn nếu thấy mình chẳng là gì cả "**Ba đời thế giới chư Phật loạn sinh ra rồi loạn diệt mất**" như trong Kinh Viên Giác thì bỏ một hạt đậu trắng.

- Khi được người ta khen ngợi mà trong lòng thấy vui thì bỏ một hạt đậu đen. Còn nếu biết hồi hướng về tất cả thầy tổ, đệ tử và muôn loài chúng sinh thì bỏ một hạt đậu trắng.

- Khi có người chê bai mình mà sân hận rồi đem tâm thù ghét thì bỏ một hạt đậu

đen. Còn nhe nhàng và nói lời cảm ơn rồi âm thầm soi lại gương. Nếu thấy sai lầm mà sửa chữa thì bỏ một hạt đậu trắng.

- Mình là thượng tọa, nếu có ai xưng danh mình là đại đức mà bực mình, đỏ mặt, thì bỏ một hạt đậu đen. Còn nếu thấy đây chỉ là chuyện bình thường thì bỏ một hạt đậu trắng.

- Khi được người ra đón rước cung kính, xe cộ cao sang, vòng lụa linh đình mà tướng mình thành Thánh rồi thì bỏ một hạt đậu đen. Còn nếu tướng nhớ đến Đức Phật suốt đời đi chân đất, sống, tọa thiền và ngủ dưới cây bồ đề hay tịnh xá, không máy điều hòa không khí, không nệm ấm chăn êm, không truyền hình, iphone, ipad, không tủ lạnh chứa cả chục món ăn bổ dưỡng... thì bỏ một hạt đậu trắng.

- Khi một ý nghĩ đồ kỳ tỵ hiểm, ghen ghét nổi lên mà biết xấu hổ thì bỏ một hạt đậu trắng. Còn nếu thấy mình đúng thì bỏ một hạt đậu đen.

Sau khoảng một năm, nếu đậu trắng nhiều hơn đậu đen, vị đó có thể tiếp tục tu hành. Còn nếu đậu đen nhiều hơn đậu trắng thì nên cởi áo Như Lai, trở lại đời thường lấy vợ lấy chồng sinh con, để cái buôn bán làm giàu vừa sung sướng vừa tự do vì không một ai có quyền phê phán mình. Lúc đó mình chỉ là một cá nhân chứ không phải là biểu tượng của Đạo Phật và niềm tin - có khi cả triệu tín đồ đang gửi gắm nơi mình.

Ngoài ra lại còn phải phối hợp với lối tu thực tiễn của Ngài Thần Tú qua bài kệ nổi tiếng:

*Thân là cây bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Phải siêng năng lau chùi
Chớ để bụi trần bám*
Đúng vậy!

- Người xuất gia trước tiên phải biết thân mình là Cây Bồ Đề tức thân giác ngộ, an vui, giải thoát khỏi mọi ràng buộc cảm dỗ của thế gian.

- Tiếp đó người xuất gia phải giữ tâm mình như tấm gương tức biết hết và phản chiếu muôn vật ở thế chân như, không thương-ghét, không đúng-sai, không dị biệt, không trước-sau và chẳng sinh mà cũng chẳng diệt. Đó là tâm Phật, tâm hằng trụ, bất biến.



- Muốn đạt được tâm và thân này, theo ngài Thần Tú, người tu hành phải luôn luôn cảnh giác, lau chùi không cho bụi trần tức mọi phiền não có thể bám vào. Cách "lau chùi" ở đây là giữ gìn chánh niệm, giới luật nghiêm minh và tu thiền định, tránh xa nơi vui chơi tụ họp đông người.

Xin nhớ cho Đạo Phật là một giáo lý kỳ diệu đang dần

trở thành lương tâm của nhân loại, giải thoát cho chúng sinh khỏi khổ đau và kiến tạo một nền hòa bình cho thế giới. Đức Phật ra đời, bốn mươi năm hành đạo gian khổ, không phải để đào tạo ra các thầy cúng, thầy pháp, thầy bói toán, xem quẻ, tập trung vào việc kiếm tiền, tụng kinh, tụng đám ma, tụng xác chết, cầu an, cầu siêu cho người sống người chết giống như các đạo thờ thần. Mới đây Thư Viện Hoa Sen đã đăng một bài viết của đạo sư Gyalwang Drukpa Tây Tạng khiến chúng ta phải suy nghĩ, **"Nếu giáo pháp chân chính không được thực hành nhằm mục đích giải thoát, giác ngộ mà chỉ để giao lưu xã hội hay quan hệ phụ phẩm thì điều đó chẳng có ý nghĩa."** Tây Phương ngưỡng mộ Đạo Phật và theo Phật không phải vì tu sĩ Phật Giáo biết tụng kinh, tụng đám ma, tụng xác chết, cầu an, cầu siêu cho người sống người chết. Những việc làm này, họ đã tìm thấy đầy đủ trong đạo riêng của họ rồi. Họ theo Phật để được sự an tĩnh, giải thoát khỏi tất cả những cảm dỗ nhưng đầy khổ đau của kiếp người và nhất là cho họ bước vào **biển trí tuệ** mà không một đạo sư nào có thể giúp họ hay khai mở cho họ.

Vậy chúng ta phải hạn chế hoặc từ bỏ tất cả những việc làm vô bổ để tập trung vào việc mở mang trí tuệ như Phật Hoàng Trần Nhân Tông nói **"Muôn tu thành Phật phải có trí tuệ"**. Muốn Đạo Phật không sa đọa trong thời Mạt Pháp thì phải có trí tuệ. Không trí tuệ thì thời nào cũng "mạt" chứ không phải đợi tới thời kỳ mạt pháp. Vấn nạn tăng ni hư đốn đã giúp cho thời kỳ mạt pháp có thật và đến nhanh hơn.

Thiện Quả Đào Văn Bình
(California ngày 22/9/2021)

CHẠY TRỐN

Một đoàn ca kịch nước kia
Năm nay trình diễn phải đi xa nhà
Chỉ vì nạn đói xảy ra
Ở trong nước họ thật là nguy tai
Đoàn đành đi ra nước ngoài
Đường đi trắc trở chông gai vô vàn
Phải qua núi thẳm non ngàn
Nghe đồn có quỷ thường ăn thịt người
Quý La Sát ẩn lâu đời
Nên đi chót lọt, ngưng thời chớ nên.
Khi đoàn đi tới núi trên
Thời trời đã tối màn đêm buông rồi
Khó mà vượt được kịp thời
Đoàn đành ngủ lại tại nơi hiểm nghèo.
Đêm nay trên núi cheo leo
Càng khuya càng lạnh gió nhiều buốt da
Mọi người nhóm lửa để hơ
Năm quanh lửa ấm ngủ chờ bình minh,
Một chàng phát bệnh thình lình
Chịu đau cái lạnh nên đành ngồi lên
Lấy đồ diễn kịch mặc thêm
Tới gần ngọn lửa ngồi bên hơ người
Nào ngờ lại lấy nhâm rồi
Lấy đồ yêu quỷ mặc thời chẳng hay.
Một người khác trong đoàn này
Giật mình chợt thức và quay đầu nhìn
Thấy chàng bệnh ngồi gần bên
Mang đồ quý dữ. Hấn liền hoảng kinh
Tương Quý La Sát ngồi rình
Vội vàng chồm dậy phóng mình chạy mau
Chạy cho nhanh chẳng ngoài đầu,
Cả đoàn nghe tiếng ồn ào vẳng lên
Nửa khuya cũng thức dậy liền
Đầu đuôi nào rõ chuyện trên núi rừng
Thế là cả bọn hãi hùng
Cắm đầu cắm cổ đều vùng chạy theo.
Anh chàng khoác áo quỷ yêu
Lơ mơ bên lửa hồng reo đang ngồi
Thấy người bỏ chạy hết rồi
Cũng co chân chạy theo đuôi tức thì
Dù cho không hiểu chuyện chi.
Bọn người chạy trước đến khi quay nhìn
Thấy Quý La Sát cuồng điên
Chạy theo bèn gót ngay liền phía sau
Thế là sợ hãi tăng mau
Gắng công cùng chạy theo nhau hãi hùng
Băng sông lạch, vượt suối nguồn
Đầu mình cây đập, tay chân gai cào
Thân người thương tích đốn đau
Tinh thần tán loạn trước sau cả đoàn.
Chạy cho phờ phạc xác thân
Đến khi trời sáng dừng chân ngoài đầu
Thấy ra có quỷ rượt đầu
Chỉ là người bạn chạy mau theo mình

Mặc đồ diễn kịch thường tình
Khiến cho cả bọn đêm thanh kinh hoàng.

*

Chúng sinh “ngã kiến” buộc ràng
“Cái ta” cứ chấp, đáng thương vô cùng
Từ sinh lưu chuyển không ngừng
Áu lo, sợ sệt chấp chùng bủa vây
Nào đâu giải thoát được đây!
Nếu như có thể phá ngay mê lầm
Hủy tiêu “ngã kiến” trăm phần
Bao nhiêu cuồng vọng trong tâm dứt liền
Chân như, thanh tịnh, an nhiên
Xưa nay sẵn có hiện lên sáng ngời
Thân tâm an lạc tuyệt vời
Vượt cơn kinh hoàng, tới nơi an bình
“Đất trời vô sự thật tình
Người người tự quý nhiều mình đấy thôi!”

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

AN ACTOR WEARING A DEMON'S GARMENT

Once upon a time, there was a troupe of actors from Cadhara Kingdom, rambling in different parts of the country giving performances due to a famine. They passed the Pala New Mountain where evil demons and men-eater Raksas had been found. The troupe had to lodge in the mountain where it was windy and cold. They slept with the fire on. One of them who were chilly wore Raksa demon's costume and sat near the fire when another actor awoke and saw him. He ran away without looking closely at him. In general panic, the whole troupe got up and ran away. The one who wore the Raksa garment, not realizing what was happening, followed them.

Seeing he was behind them, all the actors got more frightened to do them harm. They crossed rivers and mountains, and jumped into ditches and gullies. All got wounded in addition to the great fear they suffered. They did not realize that he was not a demon until daybreak.

So are all the common people.

Those who happen to be in the midst of the misfortune of famine, do not spare themselves trouble to go far away to seek for the sublime teaching of the Four Transcendental Realities of Nirvana, namely eternity, bliss, personality and purity. However, they cling to their egos which are nothing more than five components of a human being. Because of this, they are flowing back again and again through transmigration. Pursued by temptation, they are out of sorts in falling into the ditch of the Three Evil Paths. Only when the night of transmigration is ended, does the wisdom appear once again. Also only at this moment can one perceive the five components of a human being have no real ego.

(Trích dẫn “SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES” do Tetcheng Liao, Tiến Sĩ Luật Khoa Viện Đại Học Paris dịch)

thơ

TÂM MINH — NGÔ TẶNG GIAO

BIẾN PHIỀN NÃO THÀNH BỒ ĐỀ

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

*Đọc, gạn lọc lấy điều hay,
Đem áp dụng, mong đổi thay cuộc đời.*

Xin mời quý vị đọc lời KHAI THỊ của Pháp Sư Tịnh Không:

“Một Thí Dụ Biến Phiền Não Thành Bồ Đề”

Trích từ đường dẫn: <https://www.hoiquanadida.com/phap-am/khai-thi-mot-thi-du-bien-phiennao-thanh-bo-de-1321.html#ixzz6mhUO4WZH>

“Kim vân ma não giả”, đây là ma não. Thế Tôn đã nói ở trong bốn kinh, nghĩa là gì? **“Đĩ ma năng hại thân tâm cố”**. Ma làm cho chúng ta sanh phiền não, phiền não làm hại thân thể, làm hại tinh thần của ta, làm cho thân tâm chúng ta bị tổn thương, đối với việc tu hành, sanh chướng ngại, vì ý nghĩa này, **cho nên có ma là có phiền não.**

“Hựu phiền não tức ma cố.” Bản thân phiền não, là làm hại thân tâm con người. Cho nên đức Phật dạy chúng ta, **chuyển phiền não thành bồ đề, bồ đề là trí huệ. Trí huệ có thể đoạn phiền não, có thể chuyển phiền não, định có thể đè phiền não. Người có định, tuy có phiền não, nhưng nó không khởi tác dụng, cho nên định là đè phiền não.** Trí huệ là chuyển phiền não, chuyển hóa nó, cội này cao.

Công phu cạn nhất là nhẫn, ta có thể chịu đựng, đây là công phu cạn nhất. Công phu sâu là định, nghĩa là đè nó xuống, không khởi tác dụng. Cao nhất là gì? Là hóa giải nó, phiền não hóa thành trí huệ. Quý vị nghĩ xem, phiền não tức là ma, đây là phàm phu. Phiền não dày vò chúng sanh, tâm chúng sanh không yên. Người tu hành có thể nhẫn, công phu càng cao là đạt định, phiền não không khởi tác dụng, cao nhất khai mở trí huệ. Phiền não cũng giúp quý vị tăng trưởng.

Xin được tóm tắt ý chính ở trên qua mấy câu văn vần sau đây cho dễ nhớ:

**Phiền não do Ma dẫn đường,
Phiền não làm Thân Tâm tổn thương nặng nề.**

**Tu hành cũng chướng ngại thảm thê.
Biến Phiền Não Thành Bồ Đề là xong.
Vì Bồ Đề, Trí Huệ tương đồng.**

Có Trí Huệ, Phiền não cũng không còn nào!

Người tu đạt **Định**: ở cấp cao.
Phiền não cố, nhưng không làm sao hoành hành.

**Công phu cạn nhất phải đành,
Nhẫn nhịn chịu đựng, Phiền não nhanh biến liền.**

Có mấy câu sau đây cũng nên ghi nhớ:
“Những tâm niệm chấp ngã, tham, sân, si, mạn, nghi, đều là những mầm mống Ma trong tâm ta.” “Ma làm cho chúng ta sanh phiền não.”

Qua phần tóm tắt trên đây ta thấy: muốn đoạn trừ được Phiền Não ta phải dùng: Tâm Bồ Đề, Trí Huệ, Định và Nhẫn.

Ở bài viết dưới đây, chúng tôi chỉ xin đề cập: Dùng Tâm Bồ Đề để diệt Phiền Não.

(1): Loại phiền não do ta tự tạo ra khi thấy những người có những tật xấu.

* Có người rất ghét những kẻ hay nói láo, không nói lời chân thật, hứa xong sau đó là thất hứa.

* Có người không thích những kẻ có lỗi nhưng không bao giờ biết lỗi, nhận lỗi và sửa lỗi.

* Có người không ưa những người luôn biểu lộ sự độc đoán. Họ nói ra là buộc mọi người phải tuân theo răm rắp.

* Có người rất bực mình với kẻ ưa khoe giàu hoặc khoe những cái mình có, mình làm được.

* Có người ngứa mắt với kẻ thích ngon ngọt với cấp trên.

* Có người rất bực mình với những người luôn nhớ cái xấu của người khác ở quá khứ để khinh chê, bôi nhọ... cho dù trong hiện tại người đó đã có sửa đổi tốt hơn.

* Có người không ưa những ai khó tính. Những người này không bằng lòng với bất cứ thứ gì nên luôn tỏ thái độ gắt gỏng...

Ồi còn biết bao nhiêu thứ nữa để người đời khó chịu, bất bình khi gặp phải.

Một khi đối diện với những người có lỗi vừa kể trên hay những tật xấu khác nữa và nghe họ nói, thấy họ làm là ghét, là bực. Vậy là SÂN trời dậy. Sau đó khi gặp bạn bè, những người này kể lại những điều mắt thấy tai nghe. Câu chuyện giữa đôi bên toàn là nói những điều tạo nghiệp khẩu như **thêu dệt**,

đâm thọc, nói dối, ác khẩu... Nếu mức độ không ưa hay ghét người kia ít thì nổi Sân, Tức giận hiện lên ít. Vậy là nghiệp khẩu sẽ nhẹ.

Nói chung, cứ mức độ ghét, không ưa càng lớn, Giận, Phiền não càng nhiều cho nên Nghiệp khẩu càng lớn. Cứ thế, ngày này qua tháng kia, tâm họ lúc nào cũng bức bối vì những chuyện không đâu. Và nghiệp khẩu ngày càng tăng nhiều lên.

Có thể nói, có khi hàng ngày những người mang những tật xấu kia bị tổn phước ít hơn là những kẻ hay phê bình, chỉ trích, đả kích... những người có tật xấu ấy.

Sau khi đã đọc lời khai thị của Pháp Sư Tịnh Không, xin hãy áp dụng phương pháp "Biến Phiền Não Thành Bồ Đề." có nghĩa **từ chỗ ta ghét, tức bức họ, giờ đây ta đổi ra thành thương hại họ.** Tại sao phải thương hại họ? Vì những tật xấu họ có là nghiệp của họ. Họ đã làm nhiều lần như vậy, có thể từ nhiều đời trong quá khứ hoặc trong đời này, nay thành thói quen rất khó bỏ.

Để hiểu nhiều hơn về những người có tính xấu khó bỏ này, xin mời quý vị đọc lời khai thị của Hòa Thượng Tuyên Hóa trong "Hòa Thượng Tuyên Hóa Ngũ Lục": **PHIÊN NÃO TỨC BỒ ĐỀ** có đoạn: "...Chúng sanh điên điên đảo đảo "lấy thẳng làm cong, lấy cong làm thẳng; lấy đen làm trắng, lấy trắng làm đen; lấy thiện làm ác, lấy ác làm thiện" dù giáo hóa thế nào đi nữa thì cũng vẫn cứ chứng nào tật nấy, chướng ngại chướng chất. **Nếu nêu ra khuyết điểm của họ, thì chẳng những họ không vui, không chịu sửa sai, không phục thiện, mà còn tìm cách che đậy, biện hộ cho những lỗi lầm của họ, và thậm chí còn nổi đại vô minh, sanh đại phiền não nữa."**

Thật đúng như vậy đó quý vị. Những người này thuộc lớp người ông bà ta thường nói: "Đánh chết, cái nết không chữa" có đúng vậy không!? Cho nên cách tốt nhất, khi thấy ai có tật xấu, đừng nói gì cả mà chỉ tỏ lòng thương hại là đủ.

Lòng thương hại đối với kẻ có tật xấu như một căn bệnh trầm kha kia là **tâm Bồ Đề**. Ta có Tâm Bồ Đề, tức có TRÍ HUỆ rồi thì không còn bắt bẻ, phê bình, chỉ trích, chê bai, đả kích, nói xấu, xoi mói, trách móc, xia xói... họ nữa. Tức nghiệp khẩu của ta bớt dần.

Rồi nếu nghĩ sâu chút nữa, rõ ràng họ là ân nhân của ta. Nhờ họ ta đã biết ứng dụng Phật pháp vào cuộc sống. Từ đó, tâm Bồ Đề của ta tăng trưởng và cuộc đời của ta thấy dễ chịu, nhẹ nhàng, thoải mái hơn trước. Một khi tâm Bồ Đề được tưới tắm, lớn dần trong tâm ta, tự nhiên tật lỗi của ta không còn nữa. Lúc ấy đối diện với mọi việc trái tai gai mắt, tâm ta rất an nhiên, mà chỉ có lòng

thương hại hiển hiện đối với những người có tính xấu họ. **Ta làm được vậy, mọi người sẽ quý mến ta.**

Còn nếu ta không chịu ứng dụng cách "Biến Phiền Não Thành Bồ Đề", phiền não của ta vẫn cứ còn. Rồi nó lại lớn dần lên qua những lần ta chê bai, trách móc...

Vậy là trong những năm tháng ta thích:

"Ngày ngày "ăn" phiền não mà sống, nếu không "ăn" phiền não thì chết đói, bởi như thế thì thật là rất đáng thương!" (lời khai thị của Hòa Thượng Tuyên Hóa)

Vì tâm không rời phiền não, không rời sân hận, lúc chết sẽ bị đọa vào ba đường ác. Còn lúc sống, tâm rất khổ nên cơ thể của ta sẽ bị **nhễm bao tật bệnh.**

Xin được trích dẫn những đoạn dưới đây để chứng minh:

(a)- Người thường sân hận rất dễ bị đọa vào ba đường ác vì trong tâm lúc nào cũng nóng như một hỏa diệm sơn nên không tránh khỏi lúc gần chết, tâm cũng mang sự giận dữ. Theo Đạo Phật "sự thọ báo kiếp sau tùy thuộc vào tư tưởng, suy nghĩ sau cùng của ta vào giây phút lâm chung. Nếu ta qua đời với niệm tưởng bất thiện, ác nghiệp, ta sẽ có sự tái sinh tương ứng - với niệm tưởng tốt lành, thiện nghiệp, ta có một kiếp sau tốt đẹp" (Hạn Chế Sân Hận- Trái Rộng Tình Thương)

(b)- Người sân nhiều, tâm rất đau khổ: một đoạn trong sách đã nêu, ghi: "Sân hận làm đời ta đau khổ, nếu ta tiếp tục chấp nhận và không cố gắng chế ngự nó, có nghĩa là ta tiếp tục sống cuộc sống hỗn loạn. Cứ mỗi lần bức mình, khó chịu, tức giận, chúng ta lại bắt đầu thiêu đốt chính mình. Cảm giác cháy bỏng gia tăng theo cường độ của cơn giận; càng giận dữ, ta càng cháy bỏng nhiều hơn. Quả là một cảm giác vô cùng đau khổ. Bạn có thể quan sát điều này nơi chính bạn. Khi bạn rơi vào tâm trạng bức mình, tức tối, hãy quan sát trạng thái của tâm rồi bạn sẽ phát hiện được nỗi đau đớn thống khổ mà bạn đang chịu đựng trong lúc tức giận hoặc rối loạn ..." (sách đã dẫn)

(c)- Người có nhiều sân hận sẽ mang một số bệnh như sau: "Ngoài việc gây độc hại cho tinh thần, cơn sân hận và lòng thù địch còn tạo ra mỗi hiểm nguy cho cơ thể chúng ta. Y học đã khẳng định sự tức giận cùng những cảm xúc vô bổ khác đều góp phần tạo nên bệnh tật. Khi tức giận, cơ thể phóng thích một số hóa chất làm rối loạn sự điều hòa cơ thể. Nếu buồn phiền sân hận thường xuyên thì lâu dài sẽ dẫn đến nhiều bệnh tật như loét bao tử, rối loạn tiêu hóa, táo bón, cao huyết áp, rối loạn tim mạch, thậm chí ung thư" (sách đã dẫn).

(d)- Giờ đây chúng tôi xin đưa ra một

nguồn khác cũng nói về **"Tâm trạng xấu sinh ra chất độc"**.

Trích từ: **"Cuối cùng khoa học cũng phải thừa nhận: Nhân quả báo ứng là hoàn toàn có thật."** qua đường dẫn:

<https://www.dkn.tv/van-hoa/cuoi-cung-khoa-hoc-cung-phai-thua-nhan-nhan-qua-bao-ung-lahoan-toan->)

Nghiên cứu của các nhà khoa học còn phát hiện một hiện tượng kỳ lạ khác. Khi trong tâm hồn người ta tồn giữ thiện niệm và suy nghĩ tích cực thì cơ thể sẽ tiết ra một chất truyền dẫn giúp tế bào được khỏe mạnh. Tế bào miễn dịch cũng trở nên hoạt bát hơn, bởi vậy người ta sẽ không dễ ốm đau, bệnh tật. Nếu thường giữ trong mình những suy nghĩ chân chính thì hệ thống miễn dịch của con người sẽ rất mạnh mẽ, không cần bất kỳ sự hỗ trợ nào của thuốc men. Khi trong tâm lưu giữ ác niệm, ý định xấu thì hệ thống thần kinh cũng sẽ chịu ảnh hưởng ngược lại. Tức là những nhân tố tiêu cực bị kích hoạt và khởi động, còn các yếu tố tích cực lại bị ức chế, cơ chế lành mạnh của cơ thể bị phá hoại. Vậy nên những người lương thiện quả thực thường sống khỏe mạnh và trường thọ. Còn những kẻ hành ác lại phải chịu những dày vò về thể xác khi chỉ mới bước qua tuổi trung niên.

Tư tưởng tiêu cực khiến cơ thể phát sinh độc tố:

Trên một tạp chí của Mỹ từng đăng tải một báo cáo nghiên cứu với chủ đề: "Tâm trạng xấu sinh ra chất độc." Trong bản báo cáo nói rằng: "Theo thí nghiệm trong phòng thực nghiệm tâm lý, thì ác niệm của con người chúng ta có thể dẫn tới những thay đổi về chất hóa học trong sinh lý, sẽ sinh ra một loại độc tố trong huyết dịch. Khi con người ở trạng thái bình thường, hà hơi vào trong một cốc đá lạnh thì sẽ đọng lại một thứ vật chất trong suốt không màu. Còn khi con người ở trong trạng thái oán hận, giận dữ, khiếp sợ, đổ kỵ thì thứ vật thể đọng lại sẽ lẫn lộn cho ra những màu sắc khác nhau. Thông qua phân tích hóa học cho thấy, tư tưởng tiêu cực của con người sẽ khiến bên trong cơ thể người ấy sinh ra độc tố".

Xin ghi lại những điểm chính ở trên qua bài văn vắn sau đây:

BIẾN PHIÊN NÃO THÀNH BỒ ĐỀ

*Độc đoán, nịnh hót, khoe khoang...
Tật ấy, có kẻ cứ mang theo hoài.
Nhiều người ghét đặng, ghét cay.
Gọi bạn nói xấu, tưởng hay làm hoài.*

*Sân túc, Phiền não hiện lên ngay!
Còn nghiệp Ác khẩu, khó tránh thay nữa mà!*

*Tật bị người ghét: bệnh trầm kha,
Chữa, khó khỏi lắm nên ta thương tình,*

*Chớ có tỏ ý rẻ khinh,
Tò lòng nhân ái, ấy chính mình lia Mê.
Tập **"Biến Phiên Não Thành Bồ Đề."**
Ai làm đúng, tâm đỡ nặng nề vì Sân.*

*Lại thêm: nghiệp khẩu bớt dần,
Người làm được vậy, tâm, thân an nhàn.
Ngoài ra cũng nên biết rằng:
Người ta ghét, nay rõ ràng ân nhân.*

*Vì giúp Bồ Đề tâm ta tăng,
Lòng thấy dễ chịu, nhẹ nhàng hơn xưa.
Được người quý mến vui chưa!
Do không làm chuyện, nhờ chừa chê bai...*

*Còn Phiền Não ôm giữ hôm mai,
Vi chuyện gai mắt, bực hoài, không an!
Chỉ tổ rước bệnh vào thân:
Rối loạn tim mạch... có phần tăng cao.*

*Ung thư, loét bao tử: khổ sao!
Rối loạn tiêu hóa, huyết áp cao nhập vào.
Biết không, chết đi về đâu?
Đọa ba đường ác, khó cầu thoát ra.*

*Đó là sự thật, không ngoa,
Cố tu để được vượt qua luân hồi.
Thân người khó lắm ai ơi!
Đã biết Phật pháp, buông trôi phí đời.*

*Biểu lộ lòng thương hại: tuyệt vời!
Ấy là Trí Huệ, đúng nơi tỏ bày,
Hàng ngày thực tập thấy ngay,
Phiền não, giận tức... xa bay liền liền.*

*Cố thực tập, có kết quả, hãy tin.
Ai làm được, mong lan truyền người thân.*

Chúng tôi mong những bạn đạo hữu duyên sau khi đọc xong bài viết này, hãy cùng chúng tôi cố thực tập hằng ngày để tránh xa chuyện thị phi. Nếu có kết quả đem lại cho nhiều người, xin được đem công đức này hồi hướng về cho tất cả pháp giới chúng sanh tương lai đều trọn thành Phật đạo.

Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đọc bài viết và thực hành./.



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



CHÍ TRƯỞNG PHU

Vương triều suy tàn đã lâu, đất thần kinh nằm mơ màng với dĩ vãng vàng son. Ngày nọ chợt xuất hiện một nàng tôn nữ tài sắc vẹn toàn, công dung ngôn hạnh, đã thế còn du học bên tây về. Nhiều công tử lẫn những anh chàng hào hoa ngấp nghé hy vọng được nàng gieo cầu. Ngặt nổi nàng chỉ cười mỉm mà từ chối cả. Bọn họ nhiều kẻ cho rằng nàng kiêu, duy có người đọc văn của nàng nên mới nhận ra chí hướng và đức kết:

"... Ta chẳng phải hào kiệt nên không thể đạp sóng dữ chém cá kình biển khơi. Tuy nhiên ta sẽ cứu mình và cứu đời bằng cách khác, ấy là đi theo con đường của đấng Điều Ngự Trương Phu..."

Quả thật chẳng bao lâu nàng rời bỏ tôn thất để nhập hàng ngũ những người con gái của Như Lai. Thiên hạ nhiều người tiếc rẻ cho là



uống một bông hoa. Nhưng cũng có người lại khẳng định, ấy mới thật là giá trị đích thực của một bông hoa. Người hậu sanh cung kính ngưỡng mộ bằng câu đối:

TRÍ huệ cao siêu tài sắc vẹn toàn công dung ngôn hạnh xuất thân dòng trâm anh thể phiệt

HẢI đức bao la thân tâm thanh tịnh từ bi hỷ xả nhập môn đồ du sĩ sa môn ()*

Bạn đọc trên mạng thấy thế, không biết ai đã để lại đôi câu đối khác, xem ra còn khá hơn:

TRÍ sáng tâm đặng viết sách dịch kinh cứu quốc hộ dân xuất thân từ hàng tôn thất

HẢI quang nhãn tạng dạy tăng dưỡng ni thừa ân truyền y nhập dòng Thích tử Như Lai.

(*) Sa môn, nghĩa nguyên thủy chỉ chung người tu đạo, không phân biệt tôn giáo nào hay là giới tính

DIỆU

Thầy giảng pháp trên mạng, khi vấn đáp có người hỏi:

- Bạch thầy, con thấy có người cầu Phật Thích Ca làm đạo sư, Phật Di Đà tiếp dẫn, Quán Thế Âm cứu khổ, Địa Tạng phá ngục... hóa ra mỗi vị có mỗi chức năng riêng như chúng ta à?

Nhiều tiếng cười trên không gian ảo, thầy cũng cười:

- Ấy là tâm phàm phu

chia chẻ, ấy cũng là tâm cầu vọng của người đời. Phật đạo đồng, vô năng vô sở bất năng, vô tri vô sở bất tri.

Người khác lại thưa:

- Chúng con không hiểu lắm, thầy giải thích thêm cho!

- Thế này nhé! Cũng dòng điện ấy nhưng điều dụng vô cùng, qua bóng đèn thì cho ánh sáng, qua máy lạnh thì cho hơi mát, qua bếp lò thì cho lửa nấu nướng... tất cả tùy theo sở cầu tâm nguyện của mỗi người.

Thầy chưa dứt lời thì tiếng vỗ tay rộn rã vang lên.

NGHIỆP LỰC

Trời vào thu, lá vàng bay bay, khí trời se se mát, từng đàn chim trời rủ nhau bay về phương nam. Mẹ con nhà gấu nâu đang rình bắt cá hồi ở một con suối, nghe tiếng vịt trời, gấu con hỏi mẹ:

- Sao bọn chim phải bay đi cứ mỗi năm vậy mẹ? Chúng khổ thế! Giờ đây à?

Gấu mẹ không nhin được cười:

- Chà có ai đày cả, chỉ là tập quán yà cũng là nghiệp lực của mỗi loài thôi! Chúng ta không di cư nhưng cũng ngủ đông đến ba tháng đấy!

Gấu con lại hỏi:

- Thế bọn người thì sao?

- Bọn người phước báo lớn, họ có phương tiện chống lạnh chống nóng, họ không di trú vì mùa đông nhưng cũng di cư khắp thế gian này vì chiến tranh, nghèo đói, kỳ thị... Bọn họ có cả khối lý do

để di cư,

Gấu con ngơ ngác:

- Lũ người tưởng là chúa tể ở trần gian, té ra cũng vì nghiệp lực, xem ra nghiệp mới là chúa tể!

BIẾT BỐ MÀY KHÔNG

Độc tài toàn trị đã lâu, xứ quờn sanh ra những lớp công bộc vô cùng quái gở. Từ hương ấp đến triều đình đều một giuộc như nhau, coi dân như cỏ rác mặc tình những nhiều, quốc gia như tài sản riêng tha hồ xà xẻo thậm chí đổi chác bán mua. Nhân rồi có vụ dân kêu trời vì thuế khóa nặng nề, một ông lớn lên lớp dạy đàn em:

- Thu thuế như vật lông vịt, vật sao cho sạch nhưng đừng để chúng kêu toáng lên!

Một trự khác thì dương dương tự đắc:

- Đất đai, biển đảo là chuyện nhỏ! Phải biết hy sinh tiểu cục để giữ đại cục.

Thế rồi khi dịch bệnh tràn lan, có một vị tai to mặt lớn bị nhân viên y tế chặn lại đo thân nhiệt. Y nổi cơn thịnh nộ, xô bàn, tát vào mặt người kia và quát:

- Mày có biết bố mày là ai không?

Chuyện được ai đó tung lên mạng, dân tình ngao ngán lắc đầu nhưng đành

chịu, trong nhiều lời bàn luận người ta thấy có dòng chữ đáng để ý nhất:

- Vô thiên vô pháp đến thiên là cùng.

CHÍ PHÈO TÂN THỜI

Địa cầu mấy nay bị dịch bệnh nặng nề, kẻ bệnh người chết khắp nơi, kinh tế đình suy sụp, xã hội phong tỏa, mọi hoạt động đều đình trệ... Xứ quờn cũng không khá gì hơn, dân chúng điêu đứng, bệnh tật, đói nghèo, thậm chí thiếu ăn, sinh kế cùng quẫn... Bọn hào mục làng ấy lúng túng như gà mắc tóc, nay thế này mai thế kia, đã thế còn cao giọng:

- Dùng tinh thần đánh để quốc để chống dịch, giải dịch như giải phóng...

Lý trưởng làng tuyên bố:

- Đề nghị bọn đế quốc dẫy chết cấp ngay vaccine vô điều kiện!

Chánh tổng đăng đàn gào:

- Đề nghị bọn tư bản phản động chuyển giao công nghệ chế tạo vaccine!

Cụ lý già hơn, có vẻ hiểu biết hơn nên hạ giọng một chút và giở trò ma mẫn:

- Đề nghị hợp tác sản xuất vaccine, người của ta hết bệnh sẽ làm hàng cho các người!

Kẻ sĩ trên mạng cười mỉa máo:

- Trịch thượng đến thế là cùng!

HỢP TUNG

Thuở chiến quốc xuân thu thiên hạ đại loạn, các nước đánh nhau ì xèo, lớn hiệp nhỏ, mạnh nuốt yếu... Bấy giờ có người bày mưu cho các nước nhỏ liên kết với nhau để chống đỡ vua Tần. Tần vương nghe thế cười khẩy:

- Bọn ấy hợp lại được bao lâu?

Quả vậy, vua Tần dấm dúi cho kẻ này chút lợi, đưa khác chút danh... thế là cả bọn lục đục nghi kỵ nhau, thậm chí đâm lén sau lưng lẫn nhau.

Chuyện vốn từ xưa, vậy mà lịch sử nay lặp lại. Các nước đông nam Á hợp nhau để tồn tại và phát triển. Con cháu vua Tần theo kế tổ tiên, dấm dúi cho quốc chủ xứ Angco Wat một chút lợi. Quốc chủ và triều thần xứ ấy lập tức thọc gậy bánh xe, nguyên theo con cháu vua Tần, tuyên bố:

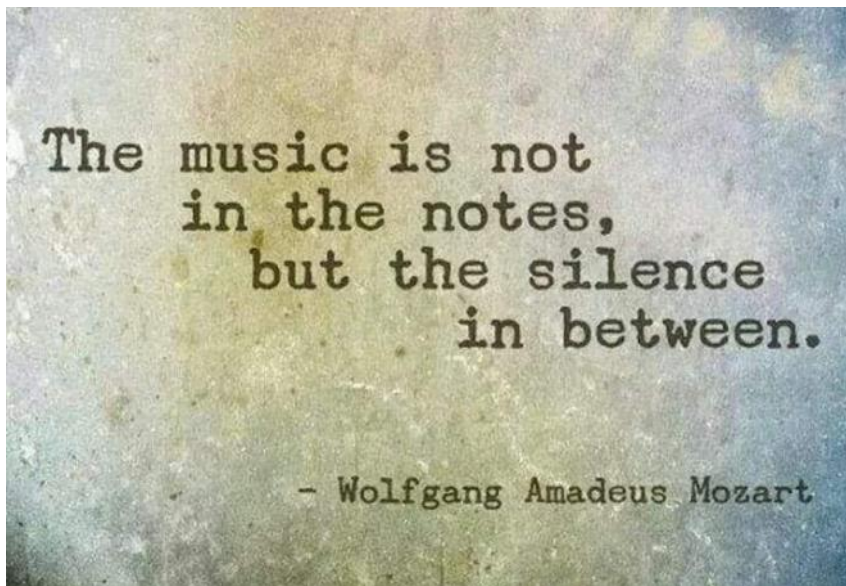
- Biển đông thuộc con cháu vua Tần, chúng tôi cảm ơn và hết lòng ủng hộ đường lối bò. Yêu cầu các đồng minh của nhóm ASEAN tôn trọng toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ của con cháu vua Tần.

Liên minh các nước nhỏ tuy vẫn còn nhưng trong tâm các thành viên vẫn đầy toan tính tự tư tự lợi cho riêng mình. Con cháu vua Tần ngày nay ở Trung Nam Hải cười ruồi:

- Hợp với chả tung, đừng hòng thoát khỏi lưới câu của lão phu!

STEVEN N

Georgia, 10/21



Cha bệnh

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cha đã vượt qua cái tuổi mà người xưa gọi là “Cổ lai hy”, nếu là gia đình quyền quý thì ắt đã có cái lễ “Bát tuần khánh tuế” rồi. Ở cái tuổi này hầu như ai cũng phải chịu sự khảo nghiệm của cái già, cha cũng thế, những cơn đau của thể xác đang dày vò hành hạ ngày đêm. Cha vốn ốm yếu, ăn chay trường nhưng chỉ tương chao qua loa nên không đủ dinh dưỡng và đi đến suy kiệt sớm.

Trông cha tiêu tụy mà lòng xót xa, cả tháng này cha chẳng ăn uống gì được, dù chỉ là tí xíu thức ăn cũng làm cho ói ra, đã thế xương khớp lại đau nhức ê ẩm, những cơn đau hành hạ nhưng bác sĩ không dám cho thuốc giảm đau, quả thật khổ khổ, khổ chồng khổ. Khổ vì cái già, khổ vì bệnh tật, khổ vì đau nhức lại thêm bệnh bao tử, trị cái này thì ảnh hưởng cái kia... Con người ai cũng khổ, phần nhiều là khổ khổ, nhân gian có được mấy người không khổ?

Thương cha lắm nhưng chẳng biết làm gì được, sẵn sàng chia sẻ bớt cơn đau của cha nhưng chia làm sao đây? Tứ đại như nhau, trước sau cũng vậy nhưng mỗi người mỗi mệnh, phước đức khác nhau, nghiệp lực khác nhau... thương cha nhưng không chia bớt được những cơn đau của cha. Cha đang chịu cái khổ khổ, cái họa khổ vốn đã và đang có mặt, cái biến họa vô thường đang hủy hoại từng tế bào của thân xác cha. Cha từ một thanh niên trẻ khỏe đẹp trai qua sự biến họa họa khổ mà thành ra một ông cụ hom hem, từng tế

bào xương, tế bào thịt, tế bào da... hao mòn, già cỗi và hư hao. Mắt cha đã mờ chỉ còn khoảng ba mươi phần trăm, xương cốt rệu rạo, da thịt hao hốt gầy mòn, lục phủ ngũ tạng yếu ớt... Cái biến họa qua từng tháng năm, qua từng ngày, thậm chí qua từng phút giây. Con người và vạn vật đều chịu sự biến họa, chịu sự họa khổ này. Sau khi sinh ra và phát triển hoàn thiện thì là đi đến giai đoạn họa khổ, họa khổ chẳng chữa ai. Họa khổ đang từng ngày từng giờ hủy hoại thân xác cha, không chỉ thịt xương máu huyết mà ngay cả những tế bào thần kinh cũng hao hốt dần. Cha tuy vẫn minh mẫn nhưng trí nhớ không còn như lúc trẻ, không thể nạp thêm nhiều hay phản ứng nhanh... tất cả mọi người rồi cũng sẽ già và rồi cũng sẽ như cha, không

có ai nằm ngoài quy luật sanh – lão – bệnh – tử!

Thương cha lắm cha ơi! Những kỷ ức ngày xưa khi con còn nhỏ, cha chở con đi chơi lòng vòng khắp đồng quê, khi thì vào phố thị đi ăn kem, đi tắm biển... Đặc biệt con nhớ có lần ăn cắp tiền trong xách của mẹ, cha bắt gặp nhưng chẳng la lối hay đánh đòn, thậm chí cha cũng chẳng cho mẹ biết. Buổi chiều cha chở con đi dạo mát và nhẹ nhàng khuyên nhủ con. Con nhớ mãi chuyện này, con nhớ đến khi nào trí óc không còn nhớ được nữa mới thôi!

Cha đang chịu sự khảo nghiệm của cái khổ khổ, cái họa khổ và bao lâu nay đã chịu cái hạnh khổ. Mỗi ngày trôi qua, mỗi phút giây qua đi cũng đồng nghĩa cái khổ đang đến. Ngay từ khi còn là thanh niên, trắng niên bao nhiêu cái vui từ vật chất đến



tin thần đều dẫn đến cái kết cục là khổ, những cái vui ấy có vui trong thời gian ngắn tạm nhưng rồi vẫn là đi đến khổ. Từng ngày, từng giờ cả thân và tâm đều đi đến già lão suy hao nên khổ. Không chỉ mỗi cha thôi, tất cả những người cha, người mẹ trên thế gian này cũng đều vậy cả, cũng đang từ trẻ trung đi đến già nua, bệnh tật... Tức là cũng chịu cả ba cái khổ như cha đang chịu đựng. Thế gian này không có ai tránh được ba cái khổ này, duy có điều phước báo mỗi người khác nhau nên mức độ có khác nhau. Những người được sinh sống ở Âu - Mỹ, nơi mà nền khoa học kỹ thuật tân tiến, kinh tế giàu mạnh, y học hiện đại... thì những phương tiện kỹ thuật và thuốc men sẽ hỗ trợ tích cực để làm giảm bớt cái đau của thể xác, trợ giúp cái khó của già nua.

Thương cha đang từng ngày, từng giờ chịu sự khảo nghiệm của cái già, cái bệnh. Cái khổ sinh - lão - bệnh - tử. Thương cha mà xa cách như thế này thì thêm cái khổ ái biệt ly. Con xa ngoài vạn dặm, giờ này lại là lúc dịch bệnh hoành hành, không thể về thăm cha, cái khổ ái biệt ly cũng đau lắm! Thế gian này chắc cũng nhiều lắm chứ không chỉ có cha và con, ái biệt ly không chỉ về khoảng cách địa lý, nhiều khi trong gang tấc vẫn biệt ly như thường.

Thương cha, cầu nguyện cho cha, cầu nguyện cũng chỉ an ủi và hy vọng phần nào chứ không thể làm thay được cái quả đã chín mùi. Cầu nguyện thế nào cũng không thể làm cho "Đá nổi dầu chìm" (*). Cái tiến trình sanh lão bệnh tử không thể thay đổi hay đảo ngược và cũng không thể làm cho ngưng lại dù chỉ là một sát-na.

Thương cha, nhớ cha! Cha thường tâm sự: "Ngày xưa khi còn nhỏ, nhà nội nghèo, cha phải bắt cá đồng,



Tác giả với ba và mẹ, 2018

bắt đồng về chặt đầu lột da làm thức ăn... Có lẽ bây giờ trả nghiệp là những cơn đau nhức trong từng đốt xương", biết nói sao đây? Khi mình là phàm phu, mờ mịt tâm trí thì làm sao biết đâu là đau vì bệnh lý, đâu đau vì nghiệp? Hay cả hai? Nhưng điều chắc chắn nhất là thân xác già nua suy hao thì phải đau nhức. Cái khác ở cha là những cơn đau dữ dội hoặc âm ỉ nhưng không tìm ra nguyên do. Thương cha, chỉ biết an ủi chút chút: "Chuyên sát sanh ai cũng từng làm qua, nó đã là quá khứ. Cha sám hối rồi thì buông bỏ đi, đừng giữ trong lòng nữa, vừa nhọc tâm lại trạo cử. Kinh Kim Cang có câu: "Pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp", đó là pháp tối thượng mà còn xả, vậy thì cái việc sát sanh trong quá khứ cha càng phải xả thôi! Buông xuống cho nhẹ lòng, còn cơn đau thể xác thì nhờ bác sĩ và thuốc men"

Cha là một cư sĩ rất chí thành và tinh tấn, sáng, trưa, chiều, tối đều công phu miệt mài. Ấy vậy mà giờ cha phải bỏ vì những cơn đau hành hạ, những cơn đau làm cho cha không thể ngồi hay nằm dù chỉ chừng mười phút. Thế mới biết tu hành cũng cần sức khỏe và tuổi trẻ, không thể đợi đến già

mới tu, đợi đến già thì e không kịp già vì lẽ vô thường, vì không biết có đủ phước báo hay không? Vì không chắc có giữ được tâm niệm ấy được bao lâu? ... Mà tu là gì? Có phải cạo đầu vào chùa? Hành hạnh sa môn ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây? Hay miên mật khổ hạnh như mật tông trên núi tuyết? Việc tu như thế là dành cho những vị hùng tâm đơm lược, chí lớn khí cao, buông đời bỏ dục... Còn với hàng Phật tử tại gia và với hầu hết mọi người như chúng ta thì tu chỉ đơn giản là sửa, sai gì sửa nấy, ai sai nấy sửa, sửa cái xấu thành tốt, cái tồi thành hay; sửa để bớt tham, bớt sân, bớt si... Sửa hành vi, lời nói và suy nghĩ của mình. Sửa từ hại người hại vật thành lợi người lợi vật; sửa sao cho mình hôm nay tốt hơn hôm qua, ngày mai dễ coi hơn hôm nay. Tu là sửa sai thể thôi! Còn giả như chí lớn quyết ra khỏi khổ, quyết liễu sanh thoát tử thì phải noi theo gương Thế Tôn và hành theo những chỉ dạy của ngài.

Cha thường ăn nhấm im lặng chịu đựng những nỗi đau của thể xác lẫn tinh thần, chẳng khi nào cha than vãn điều chi, ngay cả những cơn đau này cũng vậy, cha âm thầm chịu đựng, chịu đựng đến khi vượt quá sức chịu đựng mới nói ra, giá cha

nói sớm hơn thì có lẽ những cơn đau sẽ được điều trị sớm hơn, dễ hơn. Một người giỏi nhân nhục như cha vậy mà giờ bỏ cả công phu và buột miệng than đau thì có lẽ cái đau ấy kinh khủng lắm, dữ dội lắm! Nhìn sắc diện của cha phờ phạc, thần sắc tiêu tụy mà lòng con xót xa không biết phải nói lời gì. Những lời an ủi cũng trở nên sáo ngữ!

Con thầm cầu nguyện chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ cho cha sớm vượt qua cơn đau của thể xác. Thương cha nhưng cách xa vạn dặm như thế này thì con biết làm gì đây? Cái khổ sanh lão bệnh tử, cái khổ ái biệt ly, cái khổ oán tăng hội, cái khổ ngũ ấm xí thành nó lấy lòng quá, nó chi phối tất cả mọi con người ở thế gian này. Ba khổ, tám khổ vốn là luật tự nhiên, là bản chất của cõi Sa Bà kham nhẫn, không có cách nào làm thay đổi hay làm khác được. Ba khổ, tám khổ không thể thay đổi, không cũ không mới, nó hiện diện trong từng sát na, nó gắn với con người như hình với bóng, nghiệp nhân thế nào thì quả thế ấy, có thân người đã là quý, nhưng có thân người thì phải có những cái khổ kia, chỉ khi nào đắc quả A-la-hán không còn sanh tử nữa thì mới hết ba khổ, tám khổ kia.

Ngày xưa còn nhỏ, cứ mỗi ngày rằm hay mừng một cha chở lên chùa lễ Phật. Cha kể tích Phật Thích Ca rời bỏ cung vàng điện ngọc, bỏ cả vợ con để vào rừng tu khổ hạnh, ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây... Con khờ khạo bảo: "Ông Phật tự làm khổ mình, đang sung sướng nhất trần gian không hưởng lại đâm đầu vào chỗ khổ". Cha giải thích nhiều nhưng con nhỏ quá lại bướng bỉnh và háo thắng nên đâu chịu nghe. Giờ cha già rồi, con cũng đang đi đến cái già mới thấy được sự vĩ đại của ông Phật. Ông Phật buông xả tất cả những thứ mà người đời cầu mong tranh đoạt, tranh



đoạt bằng mọi giá, sẵn sàng tru diệt truy sát để đoạt cho bằng được, đoạt đất đai, tài sản, sắc dục, danh tiếng... tất cả những thứ tranh đoạt cho bằng được ấy ông Phật quy vào năm thứ: Tài-sắc-danh-thực-thủy. Ông Phật có tất cả những thứ ấy và xem những thứ ấy như dép rách, rế cùng. Ông Phật buông tất cả để tu đạo và cuối cùng chứng đắc được quả vị chánh đẳng chánh giác. Ông Phật đã mở ra một kỷ nguyên mới cho loài người, khai sáng một con đường giải thoát cho con người, không chỉ con người mà cả chư thiên và những loài phi nhân khác. Nhờ có ông Phật mà loài người có giáo pháp để nương theo đó mà tu, nương vào đó để mà thoát ba khổ, tám khổ. Tuy nhiên thời gian và hiệu quả tùy thuộc nhân duyên, phước báo và năng lực của mỗi người. Nhờ ông Phật mà con người mới biết thế nào là ba khổ, tám khổ, nguyên nhân khổ và cách thoát khổ. Nhờ ông Phật mà con người mới biết mình nên sống như thế nào để mà bớt khổ, tránh khổ và thoát khổ.

Cha đang bệnh, đang chịu đựng những cơn đau dày vò thân xác, nhọc cả tâm. Cha đang khổ cả ngày và đêm nhưng tâm bồ đề của cha không suy suyển, vẫn tin chắc vào giáo pháp

của Thế Tôn. Cha không ngồi thiền hay tụng kinh được nhưng cha vẫn miên mật giữ chánh niệm dù cho cơn đau có làm gián đoạn đôi lúc tạm quên. Thương cha lắm, nhưng con đang cách xa cả hai đại dương, không là chim nên không có cánh bay về, không là cá nên chẳng có vây để vượt Thái Bình Dương. Con chỉ biết thành tâm cầu nguyện, cầu nguyện và cầu nguyện chư Phật, chư Bồ Tát, chư hiền thánh tăng gia hộ cho cha.

Thương cha lắm, nhớ cha nhiều!

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Ất Lăng thành, 09/21

(*) Đá nổi dầu chìm. Đây là tích xưa trong kinh Phật, thưở Phật còn tại thế, có một vị Bà La Môn đến hỏi đức Phật về việc cầu nguyện và hiệu quả. Đức Phật giảng giải về nhân quả và bảo cầu nguyện suông không thể thay đổi cái quả đã chín muồi, tỷ như ông có cầu nguyện cách mấy cũng không thể làm cho đá nổi lên và có nguyên rửa cỡ nào cũng không thể làm cho dầu chìm.

The Story of the Elephant Called Paveyyaka

Dhammapada, Verse 327

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (327) of this book, with reference to the elephant, called Paveyyaka.

Paveyyaka when young was very strong; in due course, he became old and decrepit. One day, as old Paveyyaka went into a pond he was stuck in the mire and could not get on to the shore. When King Pasenadi (Prasenjit) of Kosala was told about it, he sent an elephant trainer to help the elephant get out of the mire. The elephant trainer went to the site where the elephant was. There, he made the musicians strike up a martial tune. Hearing the military airs, the elephant felt as if he were in a battlefield; his spirits rose, he pulled himself with all his might, and was soon out of the mire.

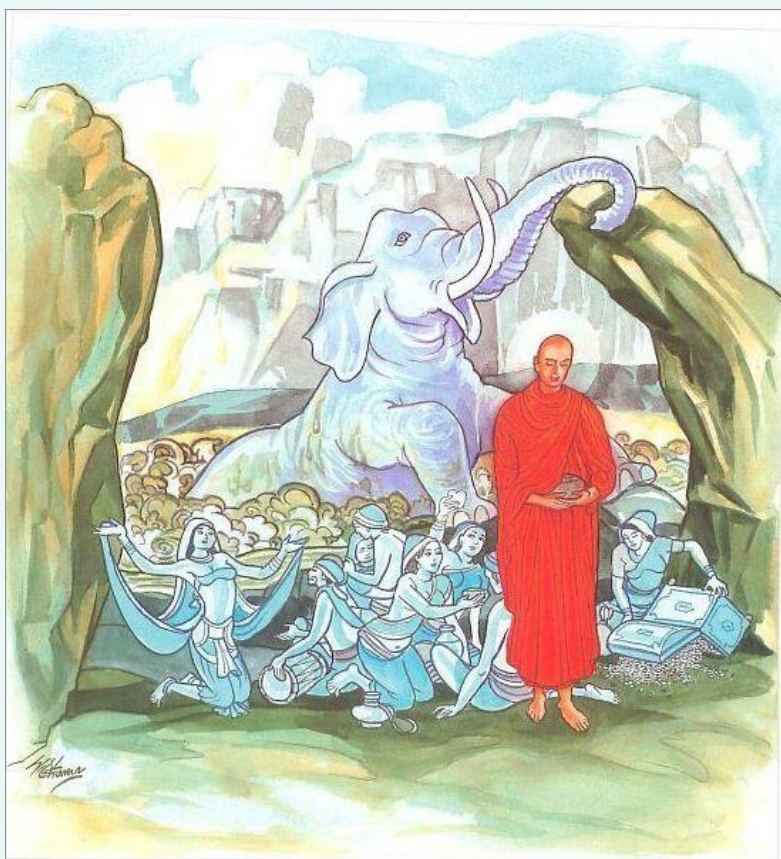
When the bhikkhus told the Buddha about this he said, "Bhikkhus! Just as that elephant pulled itself out of the mire, so also, must you all pull yourselves out of the mire of moral defilements."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 327: Take delight in mindfulness, guard your mind well. As an elephant stuck in mire pulls itself out, so also, pull yourself out of the mire of moral defilements.

At the end of the discourse the bhikkhus attained arahatship.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**, Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Like an elephant sunk in mud, elevate yourselves out of the evil way, diligent and mindful.

327. *Appamādaratā hōtha
sacīttam anurakkhatha
duggā uddharath' attānañ
pañkē sattō'va kuñjarō. (23:8)*

Do you delight in heedfulness
and guard your own minds well!
Draw yourselves from the evil way
as would elephant sunk in slough.

Lòng ích kỷ quá độ

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa có một thủy quái tên Makara vô cùng ích kỷ, vô cùng tự phụ và cũng vô cùng tàn bạo.

Tưởng chừng cả thế giới phải tiêu diệt, thì lòng khát vọng của nó mới thỏa mãn. Mỗi bữa ăn, nó ăn hết số cá mà một chiếc mảnh phải làm trong một ngày. Các loài thủy tộc, từ lớn đến bé đều lạ lẫm, hoảng hốt, hải hùng, bởi vì nó ăn tất cả, không chừa một con nào. Nhưng dĩ nhiên là trừ nó ra.

Đứng trước cảnh tượng diệt vong, loài thủy tộc phải làm thế nào, biết tìm đâu một chỗ trốn tránh: Ở dưới nước, hay đáy bể, cũng như trên đất bằng không có lấy một chỗ, có một đôi con mọc cánh bởi vì nó sắp biến hóa thành chim, chúng nó hy vọng được cất cánh. Nhưng vừa vọt ra khỏi mặt nước,

đâu lại vào đấy, nó rơi vào bể cả. Con thủy quái, khoái lạc nhìn con mồi, và chế nhạo trước mưu mô ngu ngốc của đồng loại. Loài cá, dù bơi hay lặn, lớn nhỏ đều bị nghiêng ngả. Con thủy quái ra chiều đắc ý, nhưng lòng dục vọng không đáy nó vẫn không thỏa mãn.

Không bao giờ nó có ý nghĩ rằng mình rồi cũng có ngày bị ăn thịt. Phải, vì còn ai mạnh khỏe, hung tợn, kiêu ngạo bằng nó? Loài cá càng làm cho nó tin rằng mình là đúng?

Nhưng loài cá, con thì bị ăn thịt, con thì chạy trốn, nên trong bể thưa thớt dần. Vật thực càng hiếm hoi, càng khó kiếm, và khi nhai những con cá nhỏ xíu dưới hàm răng to tướng của mình nó tức điên lên.

Makara nghiêng và cắn

lưỡi. Giận dữ, cố giật mạnh cái đuôi vĩ đại bằng phẳng và cứng rắn như một tấm ván.

Nó quật lung tung nhưng không có tầm hơi một con cá nhỏ nào trong vùng nước nổi sóng. Nó ngạc nhiên, thất vọng và bức tức vật thực đã hết mà cơn đói lại càng hoành hành mãnh liệt. Biết làm sao bây giờ? Nó bơi lội, sục sạo khắp nơi. Bỗng nhiên nó nghe bốc lên một mùi quen thuộc, mùi khuyến rữ của loài cá, mùi ấy nếu không bốc lên từ người nó thì còn từ đâu nữa?

Tình trạng giống như con hươu chạy đuổi kiệt sức theo mùi xạ tử cổ nó tiết ra.

Con Makara lúc thì lặn xuống đáy bể, lúc thì nổi lên mặt nước. Cái mùi thơm ngon từ mình nó lại theo nó mãi. Trong cơn ngạc nhiên và bị kích thích, nó cắn nghiêng lấy thịt mình. Một cảm giác vừa đau đớn vừa hoan lạc nổi lên. Nó nhắm nhía lấy máu mình và nó không thể dừng được nữa. Cứ như thế, nó ăn cho đỡ đói, và nó "đã lặn mình vào đau khổ để quên đau". Đến lượt biển cả lại ăn thịt nó, và cái gì còn sót lại, thì đó là vang bóng của lòng kiêu ngạo của nó, và lòng ám ảnh hải hùng của bầy cá đang sợ sệt diu dặt nhau trở về.

Toàn Siêu

"Như sét do sắt sinh ra rồi trở lại ăn sắt, ác nghiệt do con người gây ra rồi trở lại dẫm con người đi vào cõi ác."



Pinterest

BẢN BÁO CÁO THU-CHI của QUỸ TỪ THIÊN XÃ HỘI CỨU TRỢ ĐỒNG BÀO VIỆT NAM MÙA DỊCH COVID-19

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

San Jose, ngày 24/9/2021

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Tổng thu từ thiện cứu trợ lương thực và nhu yếu phẩm cho đồng bào bị nhiễm, giãn cách do dịch COVID-19 tại Sài Gòn:

Phật tử và Đạo tràng Chùa An Lạc - Indianapolis	\$10,000
Phật tử và Đạo tràng Tu Viện Huyền Không - San Jose	\$3,000
Chùa Duyên Giác - HT Thích Nhật Huệ - San Jose	\$500
Chùa Phổ Minh - HT Thích Nhật Huệ	\$500
Chùa Phổ Quang - HT Thích Nhật Huệ	\$500
Chùa Quang Minh - SB Thích Nữ Giới Châu	\$600
Ni Bộ GHPGVN - SB Thích Nữ Giới Châu	\$500
Chùa Phổ Minh - SB Thích Nữ Như Phương	\$5,000
Thiền Viện Chánh Pháp - SC Thích Nữ Linh Minh	\$2,000
N. Mai Hoang & Queenie Hoang	\$200
Do Kinh T Nguyen & Hue Ngoc Le	\$200
Dung V. Thai & Lan T. Ho	\$200
Ai Lan Le Ngo & Tran Dat	\$200
Lê Thị Vân	\$100
Thinh T Bui	\$200
Hay V Nguyen	\$100
Viet T Le	\$200
Võ Thị Kim Cúc - Hoa Xuân	\$300
Thong D. Hoang & Gina T. Hoang	\$300
Phu Phuong Thi Nguyen	\$120
Cua Van Truong	\$300

Tổng Thu: \$25,020 (Hai mươi lăm ngàn không trăm hai mươi đô la)
Tổng chi: \$25,020 (Hai mươi lăm ngàn không trăm hai mươi đô la).

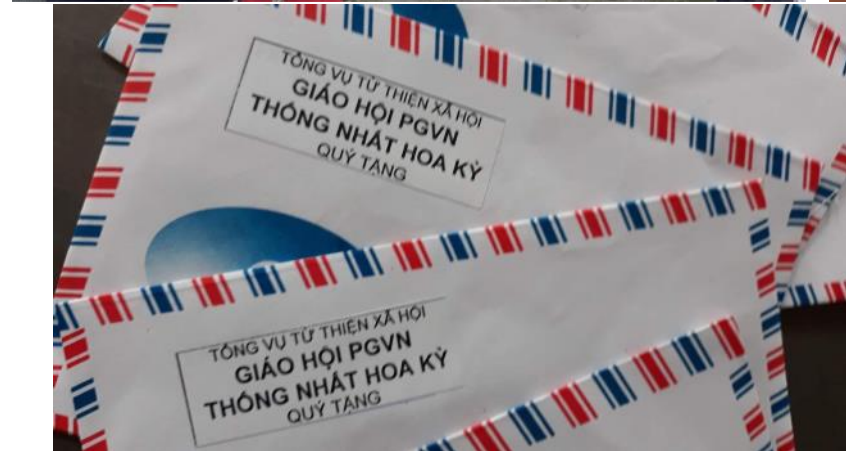
(Tất cả đều có thư cảm ơn và một số hình ảnh, nhưng vì trang báo giới hạn, chỉ đăng tượng trưng một số hình ảnh)



Đã chuyển về Việt Nam qua nhiều đợt như sau:

NGÀY	NGƯỜI TRAO QUÀ	NỘI DUNG	THÀNH \$
25-8-2021	PT. Cung Diệu Lý chuyên (thư cảm ơn: Huỳnh trưởng Châu Mạnh Cường, NLG - Trồng Đòng Việt Nam, Trần thị Quỳnh My)	Lương thực và nhu yếu phẩm	\$2,000
26-8-2021	Sư Cô Giới Ân (Tịnh thất Long Quang-SG)	Lương thực và nhu yếu phẩm	\$7,000
09-9-2021	Sư Cô Giới Ân (+84) 977977012	Thăm - Tặng Ni bị nhiễm bệnh	\$1,000
09-9-2021	Sư Cô Nhuận Bình (tuyên đầu-thiện nguyện) -(Sư cô Giới Ân chuyên giúp)	Hỗ trợ Tặng Ni tuyên đầu (thiện nguyện)	\$1,000
10-9-2021	Ni Sư Như Tường – Chùa Như Thị, SG (Sư bà Giới Châu chuyên giúp)	Lương thực và nhu yếu phẩm	\$5,000
24-9-2021	Trần Thị Như Ý (San Jose, nhưng ở và làm từ thiện tại VN – (408) 786-4787	Lương thực và nhu yếu phẩm	\$9,020





TRỞ VỀ MỤC LỤC

TU TÂM TỪ, GIÁC NGỦ BÌNH YÊN

Những ai ban rải niềm vui,
Sẽ được hạnh phúc lâu dài về sau.
Dem niềm an lạc cho nhau
Cũng là nhìn thấy đời sau của mình.

Người mang hạnh phúc an lành,
Ban vui cứu khổ, tâm lành từ bi,
Tâm Từ ban rải hành trì,
Phúc lành sẽ đến bây giờ mai sau
Chư thiên bảo vệ trên đầu
Tương lai thành tựu quả vui an lành...

Tâm Từ tự tánh tu hành,
Tận tâm giải nghĩa cho người khác nghe
Mười Một Phước Báo chờ che
Mười Một Phước Báo độ trì bản thân.

1. Thứ Nhất giác ngủ yên lành,
2. Không thấy ác mộng, quỷ hành bất an
3. Thức dậy tâm thái bình an
4. Từ trường an lạc tỏa lan quanh mình.

5. Sáu thời luôn được an lành,
6. Tâm không sân hận bụi trần si mê,
Sinh hoạt từ sớm tới trưa
Tâm luôn tỉnh thức sớm khuya mọi thời.

Tâm Từ ban rải khắp nơi
Sanh Trụ Hoại Diệt muôn loài thương tâm!
Cầu cho muôn loại chúng sanh,
Trên cạn dưới nước trên không vô hình
Cầu cho dân khắp mọi miền
Cầu cho sự sống bình yên muôn loài.

- Từ Tâm lan tỏa mọi nơi,
7. Được người yêu mến, tâm thời bình an,
 8. Không bị trộm cướp đao binh
 9. Độc dược, nước lửa không hề hại thân.
 10. Sau khi thân hoại mạng chung
 11. Phạm Thiên cõi giới là nơi sanh về...

Đó là Phước Báo hành trì,
Những ai có hạnh Từ Tâm tu hành.
Giác ngủ luôn được an lành
Quả vui sẽ đến ngay trong đời này...

VƯỜN THU ĐUỢM SẮC YÊU THƯƠNG

Một ngày mới sang thu tỏa rộng
Hoa tường vi khoe sắc trên cành,
Thu về lá đỏ nâu xanh,
Vài con bướm nhỏ lượn quanh trong vườn...
Hè vừa qua, thu sang vội vã,
Cây trong vườn hoa đã đổi màu
Muôn ngàn chiếc lá đỏ nâu,
Thu về đượm một sắc màu yêu thương.

CHÀO ĐÓN THU SANG

Tia nắng sớm long lanh hiên cửa,
Gió mùa thu nhẹ thoảng ngoài sân,
Đàn chim riu rít trên cành,
Mặt trời lấp lánh sau màn tường vi.
Hoa mùa thu nở chào ngày mới
Hạt sương đêm còn ngủ trên cây
Mây trời hoa lá tỉnh say
Đàn chim chấp cánh bay vào hư không....

TRÔI SẠCH BỤI TRẦN

Trời xanh xanh, lượn quanh mây trắng...
Soi bóng mình suốt một giòng sông,
Nước trôi, mây vẫn in hình,
Nước trôi, cuốn sạch bụi trần trên sông.

MÙA THU YÊU THƯƠNG

Cảnh mùa thu ôi! sao đẹp quá!
Gió, mây trời, biển rộng mênh mông,
Mùa thu thay lá, thay bông,
Đông qua, xuân đến sắc hồng yêu thương....

thơ THỰC UYÊN

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG CHÍNH

(tiếp theo kỳ trước)

Hân nóng mặt, đưa đôi mắt sắc lém nhìn tôi, nói:

"Ừ thì Khang can đảm, Khang anh hùng, vậy thì tốt chứ sao. Tôi chạy theo cả đời cũng chưa bắt được. Nhưng... cái đầu óc của Khang cứ luôn luôn tưởng tượng, phóng đại, bao giờ cũng nghĩ mình là nhân vật quan trọng đến nỗi công an phải tìm kiếm truy bắt ngày đêm vậy!"

"Anh đừng có làm bộ ngây thơ không biết. Cái tướng tượng nào của tôi khiến cho ngày Rằm tháng Giêng, sau khi tôi nghe lời anh trốn về Sài Gòn, công an tỉnh Đồng Nai xông vào chùa tôi? Rồi cái phóng đại nào của tôi mà sau đó, vì bắt không được tôi, họ cho hợp tất cả đồng bào trên vùng kinh tế mới Long Phước và Bàu Cạn để tuyên bố đích danh tôi là cố vấn chính trị của lực lượng Phục Quốc do ông Trần Văn Lương cầm đầu? Ngay sau đó, họ tung ra lệnh truy nã và món tiền thưởng năm chục ngàn cho ai bắt được hoặc chỉ điểm nơi

ẩn trốn của tôi... làm náo động cả vùng kinh tế mới cho đến thành phố Sài Gòn và các tỉnh phụ cận. Tôi không cho rằng tôi quan trọng. Tôi cũng không ham được người khác phong cho tôi cái tầm quan trọng đó. Sở dĩ tôi phải nhắc lại chuyện đó vì muốn nói với anh rằng, nếu thực tình cần bắt tôi, hãy bắt đi, tôi không trốn chạy. Tôi có thể ngồi yên nơi đây hai giờ đồng hồ nữa để chờ đợi anh gọi công an đến. Chỉ xin các anh một điều là đừng quấy nhiễu đến các chùa và bạn bè hay thân nhân của tôi nữa."

Nghe tôi nói vậy, Hân cười khẩy một cái rồi đốt thêm điếu thuốc khác. Im lặng một lúc khá lâu.

"Nói vậy là Khang cũng cùng một ý với bạn bè, cho rằng những sự việc trên là do tôi, phải không? Và dù nãy giờ tôi đã giải thích, nhắc tới nhắc lui mấy lần là tôi đã bỏ trốn, không làm đặc tình nữa, Khang vẫn cứ nghi ngờ, phải không?"

"Tôi chưa kết luận. Tôi còn chờ xem anh có thể giải thích gì được rõ ràng hơn cho những chuyện ấy không."

Hân đến chỗ bếp nhắc cái bình nhôm đen thui châm thêm nước sôi vào bình trà. Quay trở lại, Hân nói:

"Thực ra, nói kiểu như Khang: *hãy bắt tôi đi, đừng quấy nhiễu các chùa và bạn bè thân thuộc của tôi nữa...* thì vẫn chỉ là cách nói mà thôi. Cái chuyện đó đâu cần phải nói với tôi và tại sao tôi phải làm cái chuyện đi báo công an đến đây bắt Khang! Khang biết tôi không lòng nào làm được chuyện đó nên mới thách thức như vậy thôi. Ô, cần gì thách thức chứ, đầu thú, đưa tay cho họ còng, luôn tiện yêu cầu họ đừng khám xét làm phiền các chùa nữa, vậy thì xong thôi."

Tôi cười:

"Đâu có dễ dàng chịu thua như vậy, hờ anh Hân? Nếu tôi cũng nghĩ đơn giản như anh thì tôi đến thẳng Sở công an rồi, cần gì phải ghé đến đây tìm anh! Anh nghĩ lại xem, mấy ngày Tết, tôi nằm trong thư viện của tôi ở kinh tế mới, vừa đọc sách vừa chờ đợi công an vây chùa. Nếu tôi bị bắt vào dịp đó có phải là quá hay không! Anh làm lỡ mất cái cơ hội đó của tôi bằng cách cho người đến nhắn tôi về Sài Gòn gấp, biến

tôi thành một kẻ lẩn trốn loanh quanh. Bây giờ anh nghĩ xem, tôi tự đem thân ra đầu thú, coi có được không vậy? Muốn bắt tôi thì cũng phải đem trí mưu với súng ống đạn dược ra mà lùng sục tìm kiếm, chẳng lẽ ngồi không một chỗ chờ tôi đến xin hàng à?"

Hân nhìn tôi một lúc lâu, có vẻ sững sốt. Một lúc, anh dịu giọng xuống, nói rất tình cảm:

"Xin lỗi Khang. Tôi thực tình xin lỗi Khang đó."

"Xin lỗi chuyện gì?"

"Khang nói đúng, hoàn cảnh của Khang hiện nay một phần nào cũng do tôi tạo ra. Khang thực ra chẳng giống tôi chút nào. Nhớ lại bốn năm trước, khi mới quen nhau ở sân chùa Ấn Quang, Khang nhớt, ừ, lúc đó thấy Khang non choẹt, mới hai tuổi mà có uy tín sớm trong giới tăng sĩ trẻ, lại được sự tin cậy của mấy vị Hòa thượng tài đức, tôi chợt có ý nghĩ ngộng cuồng là sẽ đào tạo, uốn nắn Khang thành một nhân vật chính trị có tầm vóc... để thực hiện giấc mộng của tôi. Giấc mộng ấy, tôi cứu mang từ hồi hai mươi bốn tuổi, thời gian hoạt động chung với thầy Tuệ Sỹ năm 1977. Từ vụ đổ vỡ năm ấy, lún sâu vào công tác đặc tình, tôi đánh mất tất cả bạn bè, không còn uy tín gì để nói chuyện với ai khác, nên giấc mộng ấy kể như chôn theo bước chân lầm lỡ. Gặp Khang, tôi muốn quật nó lên lại. Cả quyết định từ bỏ đặc tình cũng bắt đầu từ lúc tôi đặt hy vọng vào Khang, năm 1981. Tôi muốn mượn Khang làm bình phong, làm biểu tượng để qui tụ nhân lực dưới trướng mình... Tôi đánh giá cái sức thu hút của Khang đâu đến nỗi sai. Nhưng tôi thật là lầm khi cho rằng tôi có thể ảnh hưởng Khang mọi mặt. Thực tế cho thấy, Khang vẫn là Khang, tôi vẫn là tôi, mỗi đứa mỗi tánh, đã không giống nhau

mà có vẻ như là đối nghịch nhau nữa. Tôi thì quỵ quyết, tinh ma quá. Còn Khang thì lại thật thà, ngây thơ, dễ bị lừa gạt..." Hân có vẻ nghen ngào, ngó ra sân một lúc, rồi tiếp, "Làm chính trị dưới chế độ này mà ngây thơ như Khang, thất bại là chuyện thấy rõ; nhưng đôi khi tôi lại muốn được một chút xíu cái ngây thơ của Khang đó. Vàng, cái ngây thơ nhân hậu làm tâm hồn mình sáng ngời, trong khi sự giao hoạt ranh ma chỉ làm mờ tối lương tri mình thêm mà thôi. Tôi bây giờ giống như một kẻ sống trong bóng tối. Chung quanh tôi là một vũng tối. Thế giới của tôi chỉ là một màu đen. Tôi thực sự là không có tương lai..."

Hân khóc. Tôi cũng không ngăn được xúc động. Tim tôi lúc nào cũng sẵn sàng mũi lòng như thế. Cả hai im lặng một lúc lâu. Tôi rót trà thêm vào tách của Hân, của tôi, rồi nói:

"Chẳng có thứ bóng tối nào tồn tại lâu dài. Anh thừa biết chuyện đó mà. Huống chi chính anh lại nhận thức được nguyên do tạo nên nó. Bỏ qua hết đi, Hân à. Chúng ta gây dựng lại từ đầu nha."

Hân rơm rớm nước mắt nhìn tôi:

"Khang vẫn còn tin là có thể hợp tác với tôi, làm việc chung với tôi sao?"

"Nếu không vượt biên được, anh chỉ còn một cách duy nhất để phá tan cái bóng tối kia bằng ngọn lửa đấu tranh chân tình và quyết liệt nơi anh mà thôi."

Hân gục gặc, đồng ý. Tôi nói tiếp:

"Anh nói lực lượng nào đó của Thiên Chúa giáo hả? Anh quen họ thế nào?"

"Do Thượng tọa Đức Nhân giới thiệu."

"Vây à?" Tôi nghe nhắc tên Thượng tọa Đức Nhân thì tin tưởng ngay, phần khởi hỏi tiếp. "Giới thiệu bằng cách nào, rồi anh đã

gặp ai trong nhóm đó?"

"Ông thầy Tư. Tôi đến thăm Thượng tọa đang nhắm lúc Thượng tọa đang tiếp ông ấy. Ông ấy có biết cả Khang nữa mà..."

"Nhưng tôi đâu biết ông ấy làm sao ông ấy biết tôi."

"Có lẽ qua lời giới thiệu của Thượng tọa."

"Ông ấy thế nào?"

"Ông là một thầy dòng bên Thiên Chúa. Ông chưa phải là linh mục. Chức thầy Tư hình như là một chức vụ gì đó phụ tá cho linh mục trông coi một giáo xứ, vậy thôi, tôi biết đại khái như thế. Ông người Quảng Nam, tuổi trạc năm mươi mấy, sáu mươi chi đó. Thấp người, da đen ngăm, trên mặt có mấy vết nám lớn dưới hai gò má, lan qua hai bên cánh mũi. Tôi có nói chuyện với ông ta đôi lần, thấy ông cũng nhiệt tình lắm. Vây lại, do Thượng tọa giới thiệu thì cũng đáng tin tưởng. Tôi nghĩ Khang nên gặp ông để tìm hiểu, biết đâu lại tìm được nước hay để đánh ván cờ khác. Và chỉ còn có cách đó là có thể cứu được luôn cả tôi. Khang nghĩ sao?"

Tôi im lặng suy tính một lúc rồi nói:

"Được rồi, để tôi thử một phen. Nhưng làm thế nào để gặp ông ấy, anh có địa chỉ không?"

"Không, ông Tư đến đi bất thường. Lần gặp ông ở chùa của Thượng tọa Đức Nhân, tôi có cho ông địa chỉ ở đây, dặn ông đến vào cuối tuần khi nào muốn; hỏi địa chỉ thì ông nói không tiện. À, ông nói theo lời giới thiệu của Thượng tọa, ông rất quý Khang, muốn được gặp Khang để mời Khang tham gia lực lượng của ông. Ông nói người như Khang mà bị bắt thì uống phí lắm, để ông tìm cách giúp. Tuần trước ông có đến hỏi thăm tôi đã tìm được Khang chưa, rồi hẹn trở lại vào cuối tuần này. Bữa nay thử mây rồi? Thứ Bảy hả? Vây thì có thể hôm nay ông ấy đến, còn không thì ngày mai. Khang nhắm ở lại

đây với tôi vài hôm được không?”

“Được. Tôi sẽ ở lại đây cho đến khi nào gặp ông thầy Tư hoặc cho đến khi nào có cách cứu anh ra khỏi cái vòng kiềm tỏa của công an Sài Gòn.”

Hân nghe tôi nói vậy thì mừng rỡ thấy rõ. Tôi cũng nhận ra một thoáng xúc động hiện lên trong mắt anh. Húng chí, anh đốt điếu thuốc mới, nói:

“Cám ơn Khang đã nghĩ đến an nguy của tôi. Riêng bản thân tôi, tôi cũng sẽ chứng minh cái tình bằng hữu ấy, để Khang hiểu rằng tôi đâu phải là đứa vong ơn bội nghĩa...”

Tôi xoa tay nói:

“Thôi, khỏi cảm ơn hay chứng minh gì. Cứ sống ngay thật đừng tổn hại đến ai là được rồi, biết cái gì xảy ra đến ngày mai mà hứa với hện.”

Chiều, chúng tôi ăn bữa cơm chay đạm bạc với ít rau sống chấm chao. Ăn xong, chúng tôi ra ngoài trước thềm chánh điện, bàn về chuyện tiếp xúc với ông thầy Tư trong những ngày sắp tới. Hân cũng bàn với tôi nhiều về phương cách thành lập các tổ chức bí mật dưới chế độ cộng sản mà qua kinh nghiệm làm việc với công an, Hân tìm ra được. Sau nhiều giờ bàn bạc và nói chuyện thoải mái, tâm trí tôi hăng say đuổi theo một dự tính mới với lực lượng mới trong tương lai đến nỗi hầu như quên luôn là tôi đang bàn việc đấu tranh với một cự đặc tình của công an.

Gần mười giờ tối mới thấy sư Giác Hải về. Ông treo mũng ngủ trên chiếc giường gỗ độc nhất trong chùa. Tôi và Hân trải cái chiếu rách ngủ chung dưới đất, bên cạnh bàn thờ Phật, trong một cái mũng cũng cũ và rách nhiều chỗ. Nghĩ Hân phải chịu cực nhọc như vậy nhiều ngày, tôi động lòng, thấy thương hại cho anh.

Sáng hôm sau, tôi đạp xe đến nhà một người quen, đưa tiền nhờ chị ấy đi chợ mua một cái mũng ni-lông mới, một số đồ dùng hàng ngày và một ít thực phẩm. Tôi đem tất cả về chùa Tân Nghĩa cho Hân.

Buổi chiều hôm đó, Chủ nhật, ông Tư đến. Hân giới thiệu cho tôi tiếp ông ấy tại chiếc bàn cổ lỗ của chùa rồi Hân lánh đi để cuộc tiếp xúc được tự nhiên.

Ông Tư tự giới thiệu qua về thân thế của ông rồi cho biết ông quen Thượng tọa Đức Nhân qua sự giới thiệu của học giả Nguyễn Đăng Thực. Ông còn cho biết ông đã được Thượng tọa đọc cho nghe bản tuyên ngôn của một mặt trận đấu tranh cho nhân quyền. Bản tuyên ngôn ấy do Thượng tọa soạn viết và chỉ thuộc chép ra giấy mực. Ông còn biết khá nhiều về những hoạt động trước đây của tôi qua Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, Hội Lạc Long và Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên... Tôi hỏi, ông nói biết được một phần là do Thượng tọa Đức Nhân giới thiệu, phần khác là do Hân kể lại.

Như Hân có nói trước với tôi, ông Tư cũng mở lời kêu gọi tôi tham gia lực lượng của ông, hoặc chiêu tập một số bằng hữu khác của tôi để liên kết với lực lượng ông, thành lập một lực lượng mới, đại khái là một liên minh các tôn giáo chống cộng mà ông gọi là Mặt Trận Hữu Thần Đả Cộng Việt Nam. Nội nghe cái danh xưng tôi đã không có mấy cảm tình rồi. Có bốn lý do chính: thứ nhất, tôi không thích các tôn giáo công khai đứng ra đối đầu với chính quyền trong hình thức một thể lực chính trị; thứ hai, tôi không bao giờ cho rằng bản thân tôi hay một số bằng hữu nào của tôi, sẽ đại diện cho khối Phật giáo để đấu tranh hay

tham gia đấu tranh kết hợp với các lực lượng khác; thứ ba nếu lạm xưng rằng tôi có quyền đại diện cho Phật giáo thì điều này cũng không xứng hợp, không chính danh, bởi vì Phật giáo vốn không phải là một tôn giáo hữu thần; thứ tư, tôi không thích danh từ đả cộng, vì nó chẳng bao giờ là lý tưởng của tôi cả—nếu tôi có đứng lên đấu tranh chống lại chính quyền nào đó thì mục tiêu, hay lý tưởng của tôi là đòi hỏi tự do dân chủ cho dân tôi, chứ không phải là đả cộng. Năm ngoái, ông Trần Văn Lương cũng đã đề nghị tôi đứng ra liên kết với vài vị đại diện các tôn giáo khác để thành lập một lực lượng gọi là Lực Lượng Liên Tôn Phục Quốc Việt Nam (gọi tắt là Liên Tôn Phục Quốc), tôi đã một mực từ chối. Nay ông Tư lại đề nghị, tôi chẳng thấy hứng thú gì. Dù vậy, tôi vẫn tin tưởng rằng ông Tư thực lòng chống cộng. Trong lúc nói chuyện, tôi quan sát chi li từng cử chỉ, lời nói, tư tưởng và ngay cả những phản ứng bất ngờ hay câu nói buột miệng của ông ấy. Chung quy, tất cả những cái đó đều kết thành một tổng thể đồng nhất biểu hiện con người ông ta, một con chiên sùng tín, sẵn sàng chết sống cho đạo và đối kháng quyết liệt với cộng sản. Tôi nói:

“Chuyện thành lập Liên Tôn hãy tính sau. Bây giờ tôi muốn biết tổ chức của thầy như thế nào thôi. Nếu là một tổ chức có chính nghĩa, có thực lực, thì tôi tham gia, không cần phải thành lập thêm cái gì khác.”

“Được rồi, tôi sẽ trở lại trong vài ngày tới để hện ngày đưa thầy Khang đi gặp cho biết một số nhân sự của tổ chức chúng tôi.”

Ông Tư đi rồi, tôi nói với Hân:

“Anh có nghĩ rằng ông ta là người của cộng sản không?”

“Không,” Hân trả lời dứt khoát.



“Những kịch sĩ đại tài có thể đóng trọn vẹn bất cứ vai gì họ muốn.”

“Ừ, thì mình cũng phải xét kỹ chứ. Ông ấy có đề nghị gì không?”

“Ông ta hứa sẽ trở lại một đôi lần nữa rồi sẽ giới thiệu tôi đi gặp tổ chức của ông. Hơi sớm, phải không? Sao ông ta tin mình dữ vậy? Giả như tôi không phải là Khang thì sao? Giả như một anh công an hay đặc tình nào đó giả danh tôi để tiếp ông ta, rồi theo ông ta xâm nhập vào tổ chức của ông ta thì sao? Kết nạp, mời gọi gì mà lòng lèo vẹo vậy?”

“Chắc vì ông ta tin Thượng tọa, rồi tin tôi, nên mới tin rằng Khang chính là Khang chứ không phải là thứ giả được.”

“Hy vọng là vậy.”

Thực ra, không thể dùng lý luận trong mọi trường hợp để đánh giá đúng mức sự kiện. Trong những thủ đoạn tráo trở, quỷ quyệt và tinh

xảo của ngành tình báo, một kẻ hoàn toàn là A có thể biến thành B hay ngược lại. Lý luận đến tận cùng để chọn bạn, để đánh giá thực hư, người ta sẽ nghi ngờ tất cả ngoại trừ chính mình. Do đó, đi đôi với lý luận để đo lường và nhận định đối phương, cần phải có cái gọi là trực giác, hay linh giác - một phán xét bén nhạy không trải qua giai đoạn suy tư, biện luận hay đặc lượng. Đó là cái nhận thức tức thời, gần như có tính cách siêu nhiên giữa hai đối thể đồng cực hay dị cực. Có khi đối diện với một người, dù chưa nói với nhau lời nào, ta đã thấy tin họ rồi. Nhưng trực giác này hầu như là một cái thiên bẩm mà không phải ai cũng được tạo hóa ưu đãi ban cho. Cũng không phải khi được ban cho thì lúc nào ta cũng có thể sử dụng được. Đôi lúc, ảo giác cũng có thể đóng vai trò của trực giác, hoặc che mờ nó đi.

Trực giác đã không phải là phương tiện tuyệt hảo để nắm bắt thực tại thì lý luận lại càng tệ hơn. Thực tại có thể nhậy múa linh động trong khi trực giác chỉ chụp bắt nó trong một thoáng gặp gỡ mong manh; còn lý luận thì chỉ cố gắng suy diễn và định giá thực tại trong những nguyên tắc khuôn khổ, một chiều. Tôi u mê vụng về, không sử dụng được cả hai phương tiện trên. Đó là thảm họa của mọi vấn đề.

Từ lúc đến gặp Hân, tôi quyết định ở lại chùa Tân Nghĩa, chờ đợi ông thầy Tự, hy vọng từ ông ấy, tôi có thể tìm được lối thoát nào đó; còn nếu như có bị bắt tại chùa Tân Nghĩa này thì đó cũng là điều đã lựa chọn trước, tôi sẵn sàng chấp nhận. Tôi không hề có ý trốn chạy đi đâu nữa. Con đường trốn chạy chẳng có gì vui thú mà lại chẳng có chung cục. Tôi muốn đi tìm cái chung



cục. Trước mặt tôi, như đã nói, là hai ngã rẽ: tiếp tục tranh đấu và chấp nhận một nếp sống đạo đầy thử thách trong ngục thất. Con đường nào cũng có gian nguy, khổ nhọc và có cái vẻ lôi cuốn huyền hoặc của nó.

Chiều thứ Tư, ngày 01/5/85, ông thầy Tư mới đến, mời tôi đi ra quán uống cà phê nói chuyện. Trong dịp này, ông ấy ngỏ ý không mấy tin tưởng Hân, cho rằng Hân thủ đoạn, khó tin. Ông muốn nói chuyện và làm việc trực tiếp với tôi chứ không qua trung gian Hân. Ông hẹn tôi sáng Chủ nhật ngày 05/5/85, ông sẽ đến chùa Tân Nghĩa, đưa tôi đi ẩn náu tạm tại một chùa ở Thủ Đức. Theo ý ông, tôi cần lánh xa Sài Gòn và tất cả những bạn bè thân thích vì nguy cơ có thể bị truy bắt của tôi. Ông cũng hứa là sẽ đưa tôi đi xem những cơ sở mật của ông, và nếu tôi không ngại việc vào chiến khu, ông cũng sẽ cho người đưa tôi vào đó để vừa lánh nạn, vừa tiếp tục công cuộc đấu tranh chống cộng. Tôi chỉ tin được một nửa. Về chùa, tôi lại thảo luận với Hân:

“Nè, chuyện này dính dáng đến cả anh chứ không phải riêng tôi nên tôi muốn anh cũng phải suy xét kỹ và

góp ý với tôi. Anh từng làm việc với công an, anh phải nhạy bén hơn tôi trong việc xét người. Anh nghĩ xem, nếu ông thầy Tư này là một đặc tình của công an, do công an sai đến để theo dõi anh, theo dõi tôi thì sao! Làm sao anh biết được ông Tư không phải là đặc tình?”

Hân nói ngay, không suy nghĩ:

“Tôi không nghĩ ông là đặc tình đâu. Tưởng ông thấy khờ quá trời, công an không xài đâu. Mà nếu ông là đặc tình thì ông ta cũng không tố tôi được đâu. Tôi có lý do để biện minh cho tôi mà. Tôi cũng có thể biện minh cho Khang được nữa đó.”

“Biện minh gì, họ muốn bắt là bắt thôi. Có ý đồ chạy theo một tổ chức chống cộng là có tội rồi.”

“Không, tôi nói thực đó. Nếu có chuyện gì tội sẽ nói rằng lâu nay tôi vắng mặt không báo cáo, không làm đặc tình vì tôi giả độ theo ông Tư để bắt trọn ổ phản động thôi. Còn Khang thì... tôi sẽ nói Khang là người do tôi cài vào tổ chức của ông Tư.”

Nghe Hân nói vậy, tôi giật mình. Tôi không ngờ tôi có một người bạn đầy trí xảo cơ mưu một cách tiểu nhân

như vậy. Tôi thực buồn, nhưng đồng lúc cũng thấy tội nghiệp cho anh. Tôi khoát tay nói:

“Không cần đâu. Anh lo phần anh đi. Phần tôi, cứ coi như là tôi chạy theo ông Tư thật tình vì muốn trốn lánh và muốn tiếp tục hoạt động. Đừng có gán cho tôi bất cứ một thành tích hay công lao gì theo kiểu đặc tình đó nghe chưa. Tôi hoàn toàn không thích chuyện đó đâu. Tôi đã nói với anh rồi, cứ để tôi bị bắt. Tôi chấp nhận vào tù mà, đâu cần phải biện minh gì cho tôi chứ.”

“Nói như Khang đâu có được. Khang phải trốn, phải được an toàn. Đâu có thể nói chuyện chấp nhận bị bắt, chấp nhận vào tù.”

“Ừ thì đi trốn, cứ cho việc đi theo ông Tư là đi trốn. Nhưng tôi nói rồi, nếu ông Tư là công an, hãy cứ để tôi bị bắt chứ đừng tìm cách biện minh hay cứu vớt tôi bằng các tiểu xảo dối trá, quanh co đó. Anh mà làm vậy thì tui nhục cho tôi lắm đó.”

Thấy tôi nghiêm giọng, Hân không nói nữa. Hình như Hân có oán hận tôi bởi những lời ngay thật của tôi lúc đó.

Tối thứ Năm ngày 03/5/85, tôi đạp xe đi tìm Võ Quốc Linh, một người bạn

mới quen nhưng rất thân trong thời gian tối lánh nạn. Linh từng chứa chấp tôi một thời gian tại chỗ Linh tá túc. Gặp tôi, Linh nói ngay cho tôi biết rằng một người bạn tu của tôi, tên là Thiện Đắc, đã bị công an bắt tại chùa Pháp Hoa, ở đường Trương Minh Giảng. Tôi gì chẳng biết. Linh bảo tôi lánh xa Hân sớm chừng nào tốt chừng nấy. Linh cũng cho biết là chuyến vượt biên mà tôi và Linh chờ đợi trước đây, nay đã sắp khởi hành. Linh khuyên tôi nên trở lại chỗ Linh, an toàn hơn. Tôi từ chối. Còn về chuyện vượt biên, tôi sẽ suy nghĩ lại.

Tối thứ Bảy ngày 04/5/85, tôi và Linh gặp nhau ở chỗ hẹn tại quán cà phê để quyết định về chuyện vượt biên.

"Chuyến đi khởi hành vào khuya nay, bốn giờ. Bây giờ Khang đi luôn với tôi đi, khỏi trở về chùa Tân Nghĩa."

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

"Không được. Tôi còn một việc phải làm. Tôi còn một lời hứa với Hân, nếu không làm, e chẳng yên lòng đâu."

"Trời ơi, Hân là thẳng cộng sản mà Khang tin hẳn làm gì? Bộ Khang quên cái vụ công an bao vây nhà bà Bạch Mai sao?"

"Vụ đó chắc là ai chứ không phải Hân đâu. Tôi biết mà."

"Nhưng dù gì thì Hân cũng nguy hiểm lắm. Khang đi với tôi đi."

Lời nài nỉ của Linh làm tôi cảm động. Trong thời gian tôi lánh nạn, có thể nói Linh là người bạn mới nhất nhưng cũng thân nhất và chí tình lo cho tôi nhiều nhất. Tôi ngồi im lặng với Linh một lúc. Nghĩ đến Hân phải nằm chèo queo dưới đất mỗi đêm ở chùa Tân Nghĩa, nghĩ đến cái bóng tối mà anh tự ví cho cuộc đời và tâm tư anh... tôi không đành lòng. Chọn lựa con đường tiếp tục hoạt động

với một tổ chức khác hoặc chấp nhận vào tù là ý riêng của tôi, nhưng quyết định đi theo tổ chức của ông thầy Tư, tôi không nghĩ riêng cho tôi, mà một phần khác cũng vì nghĩ đến ngõ thoát cho cả Hân nữa. Tôi đắn đo một lúc rồi cuối cùng quyết định ở lại. Tôi nói Linh hãy cho Nguyên Lạc, một người bạn khác của tôi, thay vào chỗ tôi. Chuyến đi ấy, chúng tôi đã thương lượng trước với người ta là chỉ trả góp bằng tiền khi thoát được ra nước ngoài. Tôi chúc may cho Linh và Lạc. Chúng tôi xiết tay từ giã nhau ở quán cà phê. Linh đạp xe mất hút vào bóng đêm.

Đêm ấy cũng là đêm cuối cùng tôi và Hân còn ngủ chung dưới đất trong cái mùng lớn tôi mới mua, bên cạnh bàn thờ Phật của chùa Tân Nghĩa. Chúng tôi bàn bạc kỹ về chuyến đi của tôi theo ông Tư vào ngày mai (vì ông Tư muốn đưa một mình tôi đi, chứ chưa dè dặt gì với Hân). Hân dặn tôi đi tới đâu cũng tìm cách liên lạc về với Hân, vì đơn thân độc mã đi theo người ta quả là việc mạo hiểm. Lúc Hân nói điều này, trong tôi có dậy lên một mối nghi. Tôi không quên Hân đã từng là đặc tình. Nếu tôi đi theo ông Tư mà cứ liên lạc với Hân thường xuyên, biết đâu Hân báo cáo cho công an theo dõi rồi bắt luôn trọn ổ? Thấy tôi im lặng có vẻ suy nghĩ, Hân tiếp:

"Nếu tổ chức ông ta lớn mạnh thực sự, Khang nói sao cho họ kéo tôi theo luôn. Tôi chán ngán phải sống kiểu đeo mặt nạ này quá rồi."

"Ừ thì để xem sao," tôi nói.

Đêm đó không ngủ được. Tôi cứ hoang mang, lúc nghĩ vầy, lúc nghĩ khác. Có khi tôi đã nghĩ đến chuyện bỏ luôn cả Hân nếu liên lạc được với một tổ chức đấu tranh tốt. Tại sao phải đem

theo một cựu đặc tình vào một tổ chức tốt chứ? An nguy của đặc tình đó, dù là đặc tình bất đắc dĩ, dù là đặc tình đã từng là bạn cũ, có quan trọng bằng an nguy của một tổ chức đấu tranh gồm nhiều nhân sự nhiệt tình vì nước hay không? Dù rằng Hân nói đã từ bỏ đặc tình và muốn thay đổi, cũng không làm sao có thể tin Hân hoàn toàn được. Và lại, thực khó mà hiểu thấu một đặc tình thực sự muốn gì và sẽ thực lòng với ai? Tuy nghĩ thế, tôi vẫn áy náy trong ý nghĩ bỏ rơi Hân. Nếu Hân thực tình muốn bỏ công tác đặc tình để trốn theo các lực lượng chống cộng thì sao? Đành lòng nào bỏ rơi Hân!

Trần trọc mãi đến gần sáng, tôi mới quyết định là sẽ không liên lạc gì với Hân trong khi đi theo ông Tư, và chỉ khi nào nhằm có thể giúp gì được cho Hân thì tìm đến Hân sau. Không thể để Hân biết được bất cứ dấu vết nào trên con đường mới mà tôi chọn.

Sáng Chủ nhật ngày 05/5/85, khoảng gần sáu giờ, tôi đang ngồi uống trà một mình nơi bàn khách chùa Tân Nghĩa thì ông Tư đến gõ cửa, hối thúc tôi theo ông ra bến xe lam.

Chiếc xe lam phóng đi. Trong tôi không có linh tính gì báo hiệu cho một sự bất an sắp xảy ra cả. Có thể vì tôi sẵn sàng chấp nhận bất cứ sự bất an nào nên tất cả linh giác hay thứ tâm thức tự vệ nào đó trong tôi, đã không còn hiệu năng để báo động hay cảnh giác gì nữa. Và cuối cùng, chiếc xe bị công an chặn lại dưới gốc cây phượng trở bồng đỏ rực rỡ dưới bầu trời nắng sớm.

*(hết Chương 9 –
mời đọc tiếp Chương 10,
kỳ báo sau)*